Style Definition: Heading 2: Font: (Default) Times New Roman

THE WORLD BANK

BÁO CÁO CÀ PHÊ

Năm 2020

Ipsard

Dự án VnSAT

Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

MỤC LỤC

I. NGÀNH CÀ PHÊ THẾ GIỚI 2020 65
1.1. Tình hình sản xuất cà phê thế giới năm 2020 65
1.2. Thương mại cà phê thế giới năm 2020 97
1.2.1. Xuất khẩu cà phê thế giới năm 2020 98
1.2.2. Nhập khẩu cà phê thế giới năm 2020 1210
1.2.3. Cân bằng cung cầu cà phê thế giới năm 2020 1613
1.3 Biến động giá cà phê thế giới 1816
II. NGÀNH CÀ PHÊ VIỆT NAM 2020 2319
2.1. Tình hình sản xuất cà phê 2319
2.1. Diện tích sản xuất cà phê 2319
2.1.2. Năng suất, sản lượng 2722
2.2. Chuỗi giá trị xuất khẩu cà phê 3827
2.2.1. Tổ chức chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu cà phê tại Lâm Đồng 3827
2.2.2 Hiệu quả kinh tế của các tác nhân trong chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu cà phê tại Lâm Đồng 4130
2.2.3. Những khó khăn đối với sản xuất kinh doanh cà phê 4635
2.2.4. Các tiêu chuẩn bền vững cần thực hiện khi tham gia các liên kết. 4837
2.3. Thương mại cà phê 5038
2.3.1. Tiêu dùng cà phê trong nước 5038
2.3.2. Xuất khẩu cà phê 2020 5745
2.2.3. Diễn biến giá cả 6253
2.4. Tổng quan chính sách cà phê 6455
2.4.1. Các chính sách hỗ trợ hoạt động sản xuất cà phê: 6455
2.4..2. Các chính sách hỗ trợ hoạt động chế biến và thương mại cà phê: 6758
2.4.3. Một số chính sách của các thị trường xuất khẩu 6960
IV. KẾT LUẬN 8160

Formatted: Space After: 0 pt, Line spacing: single

DANH SÁCH BẢNG BIỂU

Bảng 1: Nhập khẩu cà phê theo các khu vực **Error! Bookmark not defined.**~~11~~

Bảng 2: Cân bằng sản xuất – tiêu dùng cà phê thế giới (ĐVT: triệu bao).... 17~~13~~

Bảng 3: USDA dự báo diện tích và sản lượng cà phê của Việt Nam ..... 32~~23~~

Bảng 4: Chi phí – lợi nhuận trên 1 kg cà phê nhân xô của các tác nhân trong chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu cà phê ~~Robusta~~Robusta ..... 42~~30~~

Bảng 5: Chi phí sản xuất bình quân 1 ha cà phê ~~Robusta~~Robusta giai đoạn kinh doanh của người nông dân tại Di Linh và Lâm Hà..... 44~~32~~

Bảng 6: Hiệu quả kinh tế tính trên 1 kg cà phê ~~Robusta~~Robusta tại Lâm Đồng (đồng/kg) ..... 45~~33~~

Bảng 7: Định hướng phát triển ngành cà phê chế biến trong nước ..... 50~~38~~

Bảng 8: Cung - cầu và tiêu thụ nội địa cà phê tại Việt Nam..... 52~~39~~

Formatted: Font: 14 pt

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1: Sản xuất cà phê thế giới từ niên vụ 2005 đến 2020 6

Hình 2: Biến động sản lượng của 4 nước sản xuất cà phê lớn nhất 8

Hình 3: Xuất khẩu cà phê theo khu vực 10

Hình 4: Xuất khẩu cà phê các nước 2016-2020 11

Hình 5: Nhập khẩu cà phê toàn cầu niên vụ 2019/2020.....14

Hình 7: Biến động tồn kho cà phê tại các sàn giao dịch trên thế giới năm 2020.....18

Hình 8: Biến động chỉ số giá tổng hợp ICO.....18

Formatted: Font: 14 pt

Formatted: Left

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Hình 9:Biến động giá cà phê trên 2 sàn London và NewYork 19

Hình 10: Diện tích và sản lượng cà phê Việt Nam.....23

Hình 11: Diện tích gieo trồng cà phê phân theo vùng.....24

Hình 12: Diện tích gieo trồng cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên 2016-2019 ..24

Hình 13: Diện tích cà phê tái canh đến năm 2019.....25

Hình 14: Sản lượng và năng suất cà phê Việt Nam 28

Hình 15: Sơ đồ chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu cà phê tại Lâm Đồng 38

Hình 16: Cơ cấu chi phí sản xuất cà phê giai đoạn kinh doanh trung bình trên 1ha của nông dân tại Lâm Đồng.....42

Hình 17: Tiêu dùng cà phê trong nước của Việt Nam 51

Hình 18: Chi tiêu trong và ngoài nhà đối với đồ uống không cồn. 53

Hình 19: Tiêu thụ đồ uống không cồn trung bình trong năm của mỗi cá nhân 54

Hình 20: Cà phê tiêu dùng trong và ngoài nhà.....55

Hình 21: Chi tiêu cho NAB 56

Hình 22: Xuất khẩu cà phê theo lượng và kim ngạch 58

Hình 23: Xuất khẩu cà phê theo tháng của Việt Nam.....59

Hình 24: Cơ cấu thi trường xuất khẩu cà phê Viêt Nam 19/20.....59

Hình 26: Biến động giá cà phê nhân xô thu mua của một số thị trường trong nước.....63

Hình 27: Biến đông giá xuất khẩu cà phê FOB tai cảng HCM.....63

Hình 28: Dự báo sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2020-2021 73

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Error! Hyperlink reference not valid.Hình 1: Sản xuất cà phê thế giới từ niên vụ 2005 đến 2020.....Error! Bookmark not defined.4

Error! Hyperlink reference not valid.Hình 2: Biến động sản lượng của 4 nước sản xuất cà phê lớn nhất.....Error! Bookmark not defined.6

Error! Hyperlink reference not valid.Hình 3: Xuất khẩu cà phê theo khu vực .....Error! Bookmark not defined.8

Error! Hyperlink reference not valid.Hình 4: Nhập khẩu cà phê toàn cầu niên vụ 2019/2020.....Error! Bookmark not defined.10

Error! Hyperlink reference not valid.Hình 5: Tái xuất cà phê toàn cầu niên vụ 2019/2020.....Error! Bookmark not defined.12

Error! Hyperlink reference not valid.Hình 6: Biến động tồn kho cà phê tại các sàn giao dịch trên thế giới năm 2020.....Error! Bookmark not defined.14

Error! Hyperlink reference not valid.Hình 7: Biến động chỉ số giá ICO .....Error! Bookmark not defined.15

Error! Hyperlink reference not valid.Hình 8:Biến động giá cà phê trên 2 sàn London và NewYork.....Error! Bookmark not defined.16

Error! Hyperlink reference not valid.Hình 9: Diện tích và sản lượng cà phê Việt Nam.....Error! Bookmark not defined.18

Error! Hyperlink reference not valid.Hình 10: Diện tích cà phê tái canh đến năm 2019.....Error! Bookmark not defined.19

Error! Hyperlink reference not valid.Hình 11: Diện tích gieo trồng cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên 2016-2019.....Error! Bookmark not defined.20

Error! Hyperlink reference not valid.Hình 12: Diện tích gieo trồng cà phê phân theo vùng.....Error! Bookmark not defined.20

Error! Hyperlink reference not valid.Hình 13: Sản lượng và năng suất cà phê Việt Nam.....Error! Bookmark not defined.21

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 14: Sản lượng cà phê theo vùng sinh thái .....~~**Error! Bookmark not defined.**~~24~~

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 15: Sơ đồ chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu cà phê tại Lâm Đồng .....~~**Error! Bookmark not defined.**~~26~~

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 16: Cơ cấu chi phí sản xuất cà phê giai đoạn kinh doanh trung bình trên 1ha của nông dân tại Lâm Đồng .....~~**Error! Bookmark not defined.**~~31~~

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 22: Tiêu dùng cà phê trong nước của Việt Nam .....~~**Error! Bookmark not defined.**~~39~~

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 17: Tiêu dùng cà phê Việt Nam (tấn).....~~**Error! Bookmark not defined.**~~41~~

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 18: Loại cà phê được tiêu thụ chính tại Hà Nội và TP.HCM .....~~**Error! Bookmark not defined.**~~42~~

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 19: Chủng loại cà phê hòa tan được tiêu thụ tại Hà Nội và TP.HCM (%).....~~**Error! Bookmark not defined.**~~43~~

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 20: Chủng loại cà phê bột được tiêu thụ tại Hà Nội và TP.HCM (%) .....~~**Error! Bookmark not defined.**~~43~~

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 21: Giá cà phê trung bình tại Hà Nội và TP.HCM (đồng/kg) .....~~**Error! Bookmark not defined.**~~44~~

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 23: Xuất khẩu cà phê theo lượng và kim ngạch .....~~**Error! Bookmark not defined.**~~46~~

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 24: Xuất khẩu cà phê theo tháng của Việt Nam .....~~**Error! Bookmark not defined.**~~47~~

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 25: Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam 19/20 .....~~**Error! Bookmark not defined.**~~48~~

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 26: Diễn biến xuất khẩu cà phê theo quý.....~~**Error! Bookmark not defined.**~~49~~

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 27: Top 10 thị trường cà phê xuất khẩu chính trong 10 tháng đầu năm 2020.....~~**Error! Bookmark not defined.**~~49~~

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 28: Biến động giá cà phê nhân xô thu mua của một số thị trường trong nước.....~~**Error! Bookmark not defined.**~~53~~

Error! Hyperlink reference not valid.~~Hình 29: Biến động giá xuất khẩu cà phê FOB tại cảng HCM .....~~**Error! Bookmark not defined.**~~54~~

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

I. NGÀNH CÀ PHÊ THẾ GIỚI 2020

1.1. Tình hình sản xuất cà phê thế giới năm 2020

ICO ước tính sản lượng cà phê thế giới niên vụ 2019/20 đạt 168,55 triệu bao, thấp hơn 1,6% so với niên vụ 2018-2019. Sản lượng ~~Robusta~~Robusta tăng 3,2% lên 72,82 triệu bao, tăng nhiều nhất ở Việt Nam, Indonesia và Uganda. Sản lượng ~~Arabica~~Arabica giảm 5,1% xuống 95,73 triệu bao do sản lượng tăng lên ở Colombia, Ethiopia, Indonesia và Mexico không thể bù đắp được thiệt hại về sản lượng từ Brazil và Honduras

Hình 1: Sản xuất cà phê thế giới từ niên vụ 2005 đến 2020

Commented [TV1]:

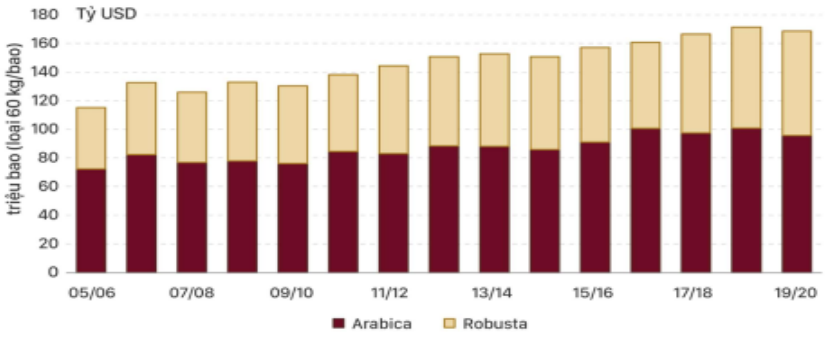

Nguồn: ICO, 2020

Sản lượng tại Nam Mỹ giảm 4,6% xuống 78,87 triệu bao và chiếm 46,8% sản lượng toàn cầu. Sự suy giảm trong khu vực phần lớn là do sản lượng của Brazil giảm, giảm 6,1% xuống 59,5 triệu bao vào năm 2019/20. Sản lượng ~~Arabica~~Arabica của Brazil giảm 9,9% xuống 38,7 triệu bao, trong khi ~~Robusta~~Robusta tăng 2% lên 20,8 triệu bao. Sản lượng ở Colombia tăng 1,7% lên 14,1 triệu bao do cây trồng thay thế đi vào sản xuất và giá cao hơn trong vài tháng đã khuyến khích nông dân thu hoạch cà phê. Sản lượng của Peru niên vụ 2019/20 giảm 4% xuống còn 4 triệu bao do thời tiết bất lợi và giá thấp khiến nông dân chuyển sang trồng các loại cây khác có lợi nhuận tốt hơn.

Sản lượng từ Châu Á & Châu Đại Dương tăng 4,1% lên 50,07 triệu bao. Sản lượng của Việt Nam tăng 4% lên 31,5 triệu bao trong năm 2019/20, trong đó khoảng 5% là cà phê ~~arabica~~Arabica. Sản lượng của Indonesia tăng 11,7% lên 11,19 triệu bao trong năm

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

2019/20, sau ba năm sụt giảm sản lượng. Ấn Độ tiếp tục giảm sản lượng trong niên vụ 2019/20 do thời tiết không thuận lợi, đạt 4,97 triệu bao, thấp hơn 6,7% so với niên vụ 2018-2019 và là năm giảm thứ ba liên tiếp.

Sản lượng của Trung Mỹ và Mexico giảm 4,5% xuống 20,76 triệu bao. Sản lượng từ Honduras giảm 15,4% xuống 6,2 triệu bao trong niên vụ 2019/20 do giá giảm, thời tiết bất lợi và dịch bệnh gỉ sắt trên lá cà phê bùng phát. Sản lượng của Mexico tăng 8% lên 4,7 triệu cây với sự hỗ trợ của chính phủ Mexico để thúc đẩy đổi mới đồn điền cà phê, gia tăng giá trị và bảo tồn đa dạng sinh học. Trong khi đó, sản lượng của Guatemala giảm 6,4% xuống 3,75 triệu bao.

Sản lượng của châu Phi vẫn ổn định ở mức 18,86 triệu bao trong năm 2019/20. Sự gia tăng sản lượng từ Ethiopia và từ Uganda đã được bù đắp bởi sự sụt giảm của ba nhà sản xuất lớn nhất tiếp theo của khu vực.

Sản xuất tại Brazil, Việt Nam, Colombia ở mức cao, tiếp tục giữ vai trò là những quốc gia sản xuất cà phê lớn nhất thế giới. Theo số liệu của Conab sản lượng cà phê Brazil niên vụ 2019/2020 đạt 60,5 triệu bao, giảm 9% so với niên vụ trước, do đây là năm mất mua theo chu kỳ 2 năm một, trong đó cà phê ~~arabica~~Arabica đạt 42 triệu bao (chiếm 70%), cà phê ~~Robusta~~Robusta đạt 18,5 triệu bao. Ước tính niên vụ 2020/21 (tháng 7 đến tháng 6) tổng diện tích trồng dự kiến ổn định ở mức 2,42 triệu ha trong khi số lượng cây giống dự trữ tăng nhẹ lên 7,25 tỉ cây. Năng suất dự báo tăng 11% lên 32,33 bao/ha so với 29,07 bao/ha trong năm 2019 - 2020. Năng suất cao hơn chủ yếu do năm nay là vụ mùa cà phê ~~arabica~~Arabica chính cũng như sản xuất ~~robusta~~Robusta ổn định ở phần lớn các khu vực. Sản lượng vẫn không thay đổi ở mức 67,9 triệu bao loại 60 kg, tăng 12% so với con số sửa đổi cho niên vụ 2019/20 (60,5 triệu bao). Sản lượng ~~arabica~~Arabica ước tính đạt 47,8 triệu bao, tăng 5,8 triệu bao so với niên vụ trước do điều kiện thời tiết tốt diễn ra ở hầu hết các vùng cà phê và hầu hết các vùng sản xuất đều vào vụ giáp hạt. chu kỳ sản xuất hai năm một lần. Ước tính sản lượng ~~Robusta~~Robusta là 20,1 triệu bao, tăng 9% so với năm 2019/20, do lượng mưa dồi dào cùng với việc cải thiện việc sử dụng các biện pháp quản lý và cây giống vô tính.

Theo ICO, sản lượng cà phê Colombia trong niên vụ 2019/20 đạt14,1 triệu bao, tăng 1,7% so với niên vụ trước, chủ yếu nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi và vụ thu hoạch thành công. Giá cà phê cao thúc đẩy người trồng thu hoạch theo các quy trình sức khỏe và vệ sinh, điều mà nông dân cho rằng đã làm tăng chi phí sản xuất. Ngoài các biện pháp vệ sinh,

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

người dân địa phương thất nghiệp ở các khu vực khác đã chuyển đến làm việc trong các trang trại cà phê, giảm thiểu tình trạng thiếu lao động do các hạn chế về phong tỏa. Ngoài ra, người trồng đã sử dụng bảy ngày làm việc trong tuần để thu hái hạt cà phê.

Theo dự báo của USDA, trong năm 2020/21, sản lượng cà phê Colombia sẽ đạt mức 14,1 triệu bao, không thay đổi so với năm trước. Trong những tháng gần đây, thời kỳ ra hoa ở các vùng cà phê chính là một chỉ số cho thấy mức sản xuất tốt trong giai đoạn thu hoạch từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2021. Giả sử chỉ có tác động nhẹ từ hiện tượng thời tiết La Niña, sản lượng được dự báo sẽ vẫn mạnh. của một chương trình tái canh thành công. Tuy nhiên, nông dân trồng cà phê và các quan chức chính phủ vẫn lo ngại về khả năng mưa trên mức trung bình từ La Niña, dự kiến sẽ xảy ra vào cuối năm 2020 và phần đầu tiên của 2021. La Niña sẽ tạo ra nhiều mây hơn, nhiệt độ thấp hơn và ít ánh sáng mặt trời hơn cho các đồn điền cà phê.

Hình 2: Biến động sản lượng của 4 nước sản xuất cà phê lớn nhất

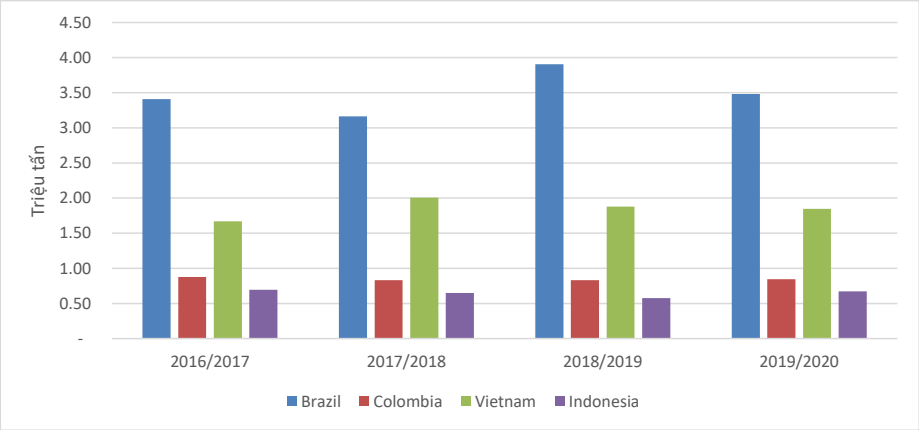

Nguồn: ICO, 2020

Theo ICO, sản lượng cà phê của Indonesia niên vụ 2019/2020 đạt 1,2 triệu bao, tăng 16,5% so với niên vụ 2018/2019. Theo cơ quan thời tiết quốc gia (BMKG), La Nina ôn hòa dự kiến sẽ ảnh hưởng đến hầu hết các khu vực trồng cà phê của Indonesia khi bắt đầu mùa mưa. Sản lượng ~~Robusta~~Robusta chiếm khoảng 72% tổng snar lượng cà phê, tập trung ở Nam Sumatera, bao gồm các tỉnh Lampung, Bengkulu và Nam Sumatera. Khoảng 60% cây ~~Robusta~~Robusta được trồng ở các vùng cao nguyên, phần còn lại ở vùng đất thấp. Theo

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

ước tính của Post sản lượng ~~Robusta~~Robusta cho niên vụ 2020/21 đạt 9,4 triệu bao. Sản lượng ~~arabica~~Arabica, tập trung ở Bắc Sumatera, không đổi ở mức 1,3 triệu bao trong năm 2020/21.

1.2. Thương mại cà phê thế giới năm 2020

1.2.1. Xuất khẩu cà phê thế giới năm 2020

Theo Tổ chức cà phê quốc tế (ICO), niên vụ cà phê 2019/20, xuất khẩu cà phê toàn cầu giảm 4,9% xuống 126,9 triệu bao so với niên vụ cà phê 2018-2019. Tổng giá trị xuất khẩu cà phê giảm 3,6% xuống 17,87 tỷ USD so với niên vụ cà phê 2018/19.

Xuất khẩu cà phê ~~robusta~~Robusta ghi nhận mức giảm nhỏ nhất, giảm 1,4% xuống 48,68 triệu bao cà phê, xuất khẩu cà phê ~~Arabica~~Arabica tại Colombia giảm 7,2% xuống 13,88 triệu bao và ~~Arabica~~Arabica Brazil giảm 4,9% xuống 39,18 triệu bao. Trong khi đó, xuất khẩu ~~Arabica~~Arabica tại quốc gia khác ngoài Brazil và Colobia giảm 9,8% xuống 25,15 triệu bao.

Xuất khẩu ~~arabica~~Arabica xanh giảm 7,7% xuống 71,98 triệu bao trong niên vụ 2019/20. Các lô hàng từ bốn trong số năm nhà xuất khẩu ~~Arabica~~Arabica xanh lớn nhất (chiếm 78% tổng lượng xuất khẩu ~~Arabica~~Arabica xanh), đã giảm trong niên vụ 2019/20. Xuất khẩu cà phê ~~arabica~~Arabica xanh của Brazil giảm 8,1% xuống 31,84 triệu bao, Colombia giảm 7,2% xuống 11,59 triệu bao và Honduras giảm 19,1% xuống 5,51 triệu bao. Tuy nhiên, xuất khẩu ~~arabica~~Arabica xanh Ethiopia tăng 1,3% lên 3,85 triệu bao trong khi xuất khẩu của Peru giảm 9,5% xuống 3,63 triệu bao. Tổng giá trị xuất khẩu ~~arabica~~Arabica xanh giảm 2,8% xuống còn 12 tỷ USD từ mức 12,35 tỷ USD vào niên vụ 2018/19 và 13,48 tỷ USD niên vụ 2017/18. Giá trung bình tăng 5,3% lên 2.779,4 USD/ tấn.

Trong niên vụ 2019/20, xuất khẩu ~~Robusta~~Robusta xanh giảm 1,6% xuống 42,65 triệu bao, phần lớn là do giảm xuất khẩu từ Việt Nam, nước chiếm 56% tổng lượng xuất khẩu ~~Robusta~~Robusta xanh. Xuất khẩu ~~Robusta~~Robusta xanh của Việt Nam giảm 8,6% xuống còn 24,05 triệu bao. Tuy nhiên, xuất khẩu ~~Robusta~~Robusta xanh của Brazil đã tăng 21,2% lên 4,63 triệu bao, Uganda tăng 25,9% lên 4,39 triệu bao và Indonesia tăng 31% lên 3,93 triệu bao. Mặt khác, xuất khẩu ~~Robusta~~Robusta xanh của Ấn Độ giảm 14,3% xuống 2,78 triệu bao. Tổng giá trị xuất khẩu ~~Robusta~~Robusta xanh giảm 8% xuống 3,93 tỷ

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

USD so với mức 4,27 tỷ USD niên vụ 2018/19 và 4,77 tỷ USD niên vụ 2017/18. Giá xuất khẩu trung bình đã giảm 6,5% xuống mức 1.534 USD/tấn.

Xuất khẩu cà phê rang xay đã tăng dần qua các năm từ 370.000 bao trong niên vụ 2014/15 lên 788.000 bao vào niên vụ 2018/2019. Tuy nhiên, xuất khẩu cà phê rang xay đã giảm 15% xuống còn 699.000 bao trong niên vụ 2019/2020.

Colombia là nước xuất khẩu cà phê rang lớn nhất, xuất khẩu cà phể rang xay của nước này đã tăng 15% lên 198.000 bao. Tuy nhiên, xuất khẩu của Mexico giảm 12,7% xuống còn 194.000 bao. Xuất khẩu cà phê rang xay của Indonesia đã tăng lên gấp đôi đạt 48.500 bao trong khi xuất khẩu mặt hàng này của Brazil giảm 11,2% xuống 23.000 bao. Trong khi khối lượng xuất khẩu cà phê rang giảm trong năm 2019/20, tổng giá trị đã tăng 7,8% lên 176,36 triệu USD. Ngoài ra, giá cà phê rang đã tăng 26,8% lên mức 4.391 USD/tấn.

Về xuất khẩu cà phê hòa tan: xuất khẩu cà phê hòa tan đã tăng trưởng với tốc độ trung bình hàng năm là 5% trong năm năm qua, từ mức 9,01 triệu bao niên vụ 2014/15 lên 11,34 triệu bao niên vụ 2018/19. Trong niên vụ 2019/20, xuất khẩu cà phê hòa tan tăng 2,3% lên mức 11,60 triệu bao. Brazil là nước xuất khẩu cà phê hòa tan lớn nhất trong năm 2019/20, Brazil đã xuất khẩu được 3,94 triệu bao, thấp hơn 2,1% so với năm 2018/19. Xuất khẩu cà phê hòa tan của Indonesia tăng 36,1% lên 1,81 triệu bao trong khi Ấn Độ giảm 7,8% xuống 1,8 triệu bao, đay là là năm giảm thứ ba của Ấn Độ. Xuất khẩu cà phê hòa tan của Việt Nam giảm 3,2% xuống 1,32 triệu bao. Tuy nhiên, xuất khẩu cà phê hòa tan của Mexico đã tăng 8,8% lên 861.000 bao. Tổng giá trị xuất khẩu cà phê hòa tan tăng 0,3% lên 1,76 triệu USD trong niên vụ 2019/20 và giá trung bình giảm 2% xuống còn 2.531 USD/tấn.

Hình 3: Xuất khẩu cà phê theo khu vực

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

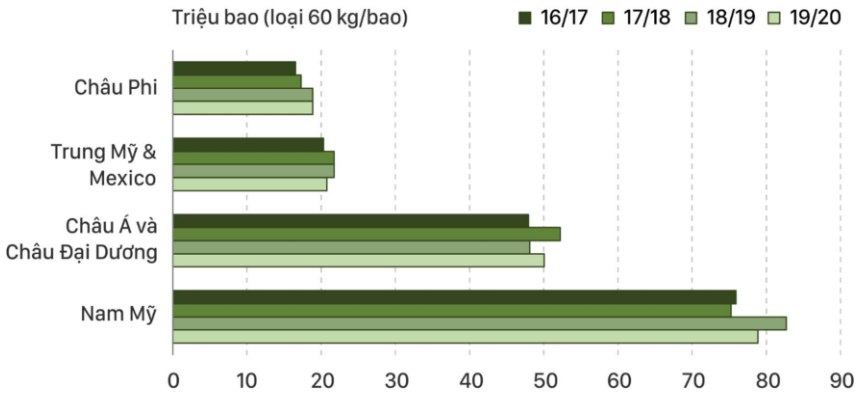

Nguồn: ICO, 2020

Hình 4: Xuất khẩu cà phê các nước 2016-2020

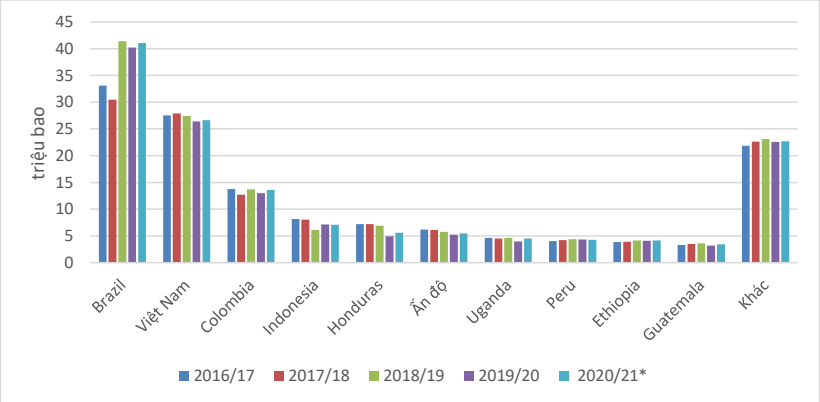

Nguồn USDA, 2020

Tình hình xuất khẩu cà phê của một số nước trong niên vụ 2019/20 như sau:

Brazil: Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê Brazil (Cecafé) báo cáo xuất khẩu cà phê niên vụ 2019/20 đạt 40,24 triệu bao, trị giá 5,1 triệu USD. Xuất khẩu cà phê nhân (~~Arabica~~Arabica và ~~Robusta~~Robusta) đạt 36,2 triệu bao, trong khi xuất khẩu cà phê hòa tan đạt 4,04 triệu bao. Cảng Santos ở bang Sao Paulo tập trung phần lớn lượng hàng xuất khẩu, chiếm khoảng 80% tổng sản lượng xuất khẩu.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Colombia: Colombia đã báo cáo xuất khẩu trong niên vụ cà phê 2019/20 đạt tổng số là 12.222.000 bao, thấp hơn 1.027.000 bao, tương đương 7,75% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu giảm do các hạn chế được đưa ra như một phần của nỗ lực toàn quốc nhằm chống lại sự lây lan của vi rút Covid-19.

Indonesia: Xuất khẩu cà phê ~~Robusta~~Robusta của Indonesia niên vụ 2019/20 đạt 7,152 triệu bao, tăng 1.000 nghìn bao, tương đương mức tăng 16,29 % so với cùng kỳ niên vụ trước.

Honduras: Viện Nghiên cứu Cà phê Honduras báo cáo xuất khẩu cà phê niên vụ 2019/2020 thấp hơn 19,22% so với cùng kỳ năm trước, đạt tổng cộng 5.504.000 bao. HCAFE dự báo niên vụ 2020/2021 (từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 9 năm 2021), xuất khẩu cà phê có khả năng tăng khoảng 14% lên 6,28 triệu bao.

Uganda: Cơ quan Phát triển Cà phê Uganda (UCDA) đã báo xuất khẩu cà phê niên vụ cà phê niên vụ 2019/2020 cao hơn 921.051 bao hay 20,75% so với cùng kỳ năm trước, với tổng số là 5.360.859 bao, trong đó xuất khẩu cà phê ~~Robusta~~Robusta tăng 26,61% so với niên vụ cà phê 2018/2019, đạt tổng cộng 4.395.683 bao, trong khi xuất khẩu cà phê ~~arabica~~Arabica giảm nhẹ 0,29% so với năm trước, đạt tổng cộng 965.176 bao.

Bờ Biển Ngà: Xuất khẩu cà phê niên vụ cà phê 2019/20 thấp hơn 269.166 bao hay 15,73% so với cùng kỳ năm ngoái, ở mức tổng cộng 1.441.533 bao.

1.2.2. Nhập khẩu cà phê thế giới năm 2020

Theo ICO, nhập khẩu từ tất cả các quốc gia trong nhóm Thành viên nhập khẩu ICO và Mỹ niên vụ 2019 - 2020 giảm 4,5% xuống 129,98 triệu bao.

Trong niên vụ 2019/2020, nhập khẩu cà phê tại một số thị trường giảm như: EU~~Nhập khẩu của EU trong niên vụ 2019 - 2020~~ giảm 2,6% xuống 78,32 triệu bao, ~~. Nhập khẩu của~~ Mỹ giảm 10% xuống 28,36 triệu bao.

~~Nhập khẩu của~~ Nhật Bản giảm 10% xuống còn 7,34 triệu bao, Vương quốc Anh giảm 13,4% xuống 5 triệu bao. Trong khi đó, nhập khẩu cà phê tại một số thị trường tăng như: ~~. Nhập khẩu của~~ Liên bang Nga tăng 7,6% lên 6,22 triệu bao, ~~trong khi của Vương quốc Anh giảm 13,4% xuống 5 triệu bao.~~

~~Nhập khẩu của~~ Thụy Sĩ, Na Uy và Tunisia lần lượt tăng 9% lên 3,41 triệu bao, 0,4% lên 802.400 bao và 6,2% lên 527.000 bao.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Về chủng loại nhập khẩu: Nhập khẩu cà phê nhân của nhóm các Thành viên ICO và Mỹ giảm 5,4% xuống 95,98 triệu bao trong niên vụ 2019 - 2020 trong khi nhập khẩu cà phê rang xay giảm 3,7% xuống 19,6 triệu bao. Tuy nhiên, nhập khẩu cà phê hòa tan tăng 1% lên 14,41 triệu bao.

Mặc dù nhập khẩu cà phê rang xay giảm đối với hầu hết các Thành viên ICO và Mỹ, nhập khẩu cà phê rang của Thụy Sĩ tăng 9,6% lên 257.000 bao với Ý, Đức và Hà Lan là các nước cung cấp chính.

Ngược lại, nhập khẩu cà phê hòa tan của Mỹ và tất cả các Thành viên ICO tăng ngoại trừ EU và Vương quốc Anh. Nhập khẩu cà phê hòa tan của EU giảm 2,2% xuống 7,73 triệu bao trong khi của Anh giảm 7,4% xuống 1,14 triệu bao.

Trong đó, Hoa Kỳ nhập khẩu 27,2 triệu bao do tiêu thụ và dự trữ tăng cao. Colombia nhập khẩu 1,1 triệu bao do các nước như Peru và Honduras đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này.

Formatted: Normal (Web), Space After: 6 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

Commented [hp2]: Đừng liệt kê, gom nó lại, ví dụ, các nước giảm, các nước tăng

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Formatted: Space Before: 0 pt, After: 10 pt, Line spacing: Multiple 1.15 li

Hình 5: Nhập khẩu cà phê toàn cầu niên vụ 2019/2020

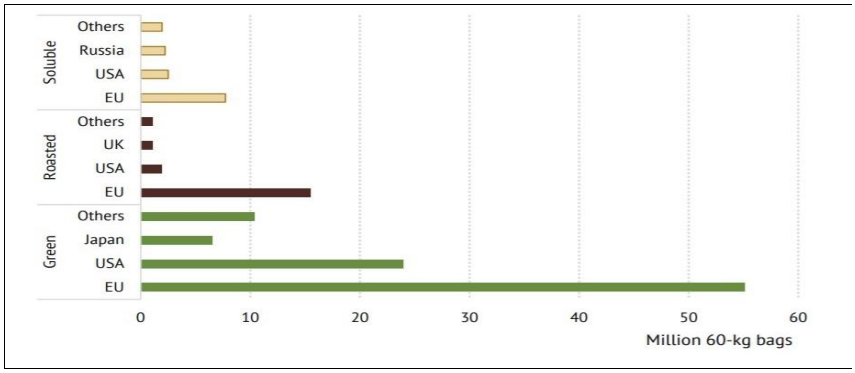

Nguồn:ICO,2020

Theo báo cáo thị trường tháng 11 cua ICO, nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm 10% xuống 28,36 triệu bao, và Brazil, Colombia và Việt Nam là nguồn cung cấp chính. Nhập khẩu của Nhật Bản giảm 10% xuống còn 7,34 triệu bao với Brazil, Việt Nam và Colombia là ba nước xuất khẩu hàng đầu. Nhập khẩu của Liên bang Nga tăng 7,6% lên 6,22 triệu bao, trong khi của Vương quốc Anh giảm 13,4% xuống 5 triệu bao. Nhập khẩu của Thụy Sĩ, Na Uy và Tunisa lần lượt tăng 9% lên 3,41 triệu bao, 0,4% lên 802.400 bao và 6,2% lên 527.000 bao.

Bảng 1: Nhập khẩu cà phê các nước theo khu vực

Nước/ khu vực	2018/2019	2019/20	Tăng trưởng
Toàn bộ	**136,104**	**129,983**	**-4.5%**
EU	80,444	78,317	-2.6%
Nhật Bản	8,156	7,344	-10.0%
Na Uy	799	802	0.4%
LB Nga	5,780	6,218	7.6%
Thụy sĩ	3,129	3,410	9.0%
Tunisia	514	527	2.5%
Anh	5,778	5,004	-13.4%
Mỹ	31,502	28,361	-10.0%

Nguồn: ICO,2020

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Nhập khẩu cà phê nhân của các Thành viên ICO và Hoa Kỳ giảm 5,4% xuống 95,98 triệu bao trong niên vụ cà phê 2019/20 trong khi nhập khẩu rang xay giảm 3,7% xuống 19,6 triệu bao. Tuy nhiên, nhập khẩu cà phê hòa tan tăng 1% lên 14,41 triệu bao. Mặc dù nhập khẩu cà phê rang giảm đối với hầu hết các Thành viên ICO và Hoa Kỳ, nhập khẩu cà phê rang của Thụy Sĩ tăng 9,6% lên 257.000 bao với Ý, Đức và Hà Lan là các nước xuất xứ chính. Ngược lại, nhập khẩu hòa tan tăng đối với Hoa Kỳ và tất cả các Thành viên ICO ngoại trừ EU và Vương quốc Anh. Nhập khẩu hòa tan của EU giảm 2,2% xuống 7,73 triệu bao trong khi của Anh giảm 7,4% xuống 1,14 triệu bao.

~~***1.2.3. Tái xuất cà phê thế giới 2019/2020***~~

Commented [hp3]: Tái xuất là gì, tạm nhập, tái xuất à,

~~Tái xuất của các thành viên nhập khẩu ICO và Hoa Kỳ, tăng 8,3% lên 4,31 triệu bao vào tháng 9 năm 2020. Trong niên vụ cà phê 2019/20, tổng lượng tái xuất của các nước này tăng 0,4% lên 46,93 triệu bao. Lượng cà phê tái xuất của EU trong niên vụ 2019/20 giảm 0,3% xuống 38,56 triệu bao, trong khi của Mỹ giảm 6% xuống 2,66 triệu bao. Hàng tái xuất từ Vương quốc Anh giảm 24,6% xuống 1,45 triệu bao. Tuy nhiên, lượng tái xuất của tất cả các thành viên nhập khẩu ICO khác đã tăng lên. Lượng hàng tái xuất của Nhật Bản tăng hơn gấp đôi lên 309.700 bao do lượng hàng tái xuất có thể hòa tan tăng trưởng mạnh, đặc biệt là sang Liên bang Nga, Nhật Bản và Trung Quốc. Tái xuất khẩu từ Na Uy tăng 46,3% lên 20.700 bao do các lô hàng gia tăng đến EU, đặc biệt là Đan Mạch, Thụy Điển và Vương quốc Anh. Tái xuất khẩu của Liên bang Nga tăng 45,7% lên 1. 59 triệu bao do cả lô hàng rang và hòa tan đều tăng. Các điểm đến chính cho tái xuất khẩu rang xay của Liên bang Nga là Belarus, Ukraine và Gruzia và để tái xuất khẩu hòa tan là Belarus, Kazakhstan và Uzbekistan.~~

Formatted: Indent: Left: -0.19 cm, First line: 1.27 cm

~~Tái xuất khẩu từ Thụy Sĩ tăng 14% lên 2,34 triệu bao với phần lớn tăng trưởng từ việc tái xuất khẩu cà phê rang sang Pháp, Mỹ và Đức cũng như các thị trường mới hơn như Hàn Quốc và Indonesia. Hàng tái xuất của Tunisia tăng 6,1% lên 157 bao.~~

~~Trong niên vụ cà phê 2019/20, lượng cà phê rang tái xuất khẩu từ các thành viên nhập khẩu ICO và Hoa Kỳ giảm 0,1% xuống 22,54 triệu bao do lượng cà phê tái xuất khẩu tăng bù đắp cho lượng cà phê rang xay giảm. Cà phê rang tái xuất của EU giảm 1,2% xuống 18,35 triệu bao, trong khi của Mỹ giảm 3,9% xuống 1,61 triệu bao. Tuy nhiên, lượng cà phê rang tái xuất của Thụy Sĩ tăng 14,8% lên 1,82 triệu bao. Cà phê hòa tan tái xuất tăng 0,7% lên 11,93 triệu bao. Xuất khẩu tái hòa tan từ EU tăng 0,6% lên 8,5 triệu bao và từ Liên bang~~

Formatted: Tab stops: Not at 1 cm

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

~~Nga tăng 35,5% lên 1,28 triệu bao. Tuy nhiên, lượng hàng tái xuất từ Vương quốc Anh giảm 32,4% xuống còn 813.000 bao.~~

~~Hình 6: Tái xuất cà phê toàn cầu niên vụ 2019/2020~~

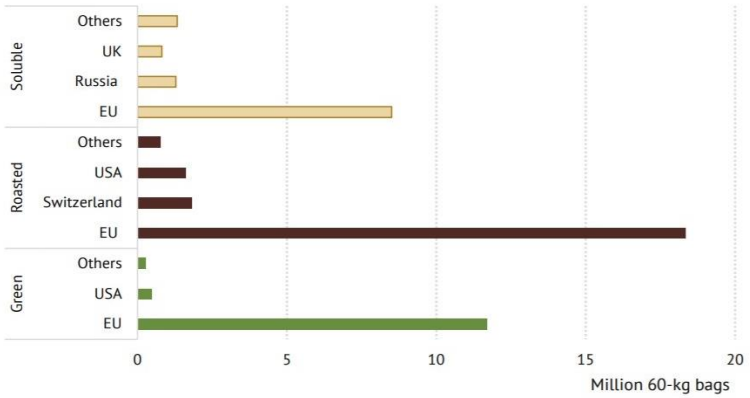

Formatted: Justified, Indent: Left: -0.19 cm

~~*Nguồn: ICO,2020*~~

1.2.3. Cân bằng cung cầu cà phê thế giới năm 2020

ICO ước tính tiêu thụ cà phê toàn cầu trong năm 2019/20 giảm 0,9% xuống 167,59 triệu bao sau khi tăng 4,6% trong niên vụ 2018/19 lên 169,11 triệu bao. Nhu cầu được ước tính giảm xuống do áp lực liên tục từ suy thoái kinh tế toàn cầu và sự phục hồi hạn chế trong tiêu dùng ngoài gia đình do các biện pháp tạo khoảng cách xã hội vẫn được duy trì trên toàn cầu. Tiêu thụ cà phê tại các nước xuất khẩu cà phê ước tính đạt 50 triệu bao (giảm 0,5% so với niên vụ trước) tại các nước nhập khẩu tiêu thụ khoảng 117 triệu bao (giảm 1,1% so với niên vụ trước). Trong đó, khu vực Bắc mỹ giảm nhiều nhất (1,1%) với lượng tiêu thụ là 31,4 triệu bao, khu vực Châu Á Thái Bình Dương và Châu Âu đều giảm 0,9% xuống mức lần lượt là 37 triệu bao và 55 triệu bao.

Mặc dù cả sản xuất và tiêu dùng đều giảm nhưng 2019/20 vẫn thặng dư, với sản lượng vượt mức tiêu thụ 1,24 triệu bao. Chỉ số giá tổng hợp ICO đạt trong niên vụ cà phê 2019/20 là 2.364 USD/tấn trong khi chỉ số giá tổng hợp trung bình niên vụ 2018/19 là 2.215 USD/tấn khi thặng dư đạt gần 4 triệu bao. Khả năng giá phục hồi giá trong thời gian tới vài tháng tới sẽ bị hạn chế bởi thặng dư này và triển vọng thị trường, đặc biệt khi vụ mùa 2020/21 của Brazil là là năm được mùa trong chu kỳ sản xuất ~~Arabica~~Arabica hai năm

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

một lần.Tiêu thụ cà phê thế giới có khả năng tiếp tục giảm khi các ca nhiễm Covid gia tăng trên khắp thế giới.

Bảng 2: Cân bằng sản xuất – tiêu dùng cà phê thế giới (ĐVT: triệu bao)

Năm	2015	2016	2017	2018	*2019**	Tăng trưởng so với 2018/19
SẢN XUẤT	**157 160**	**160 713**	**166 476**	**171 378**	***168 553***	***-1.60%***
~~Arabica~~Arabica	91 083	100 686	97 478	100 827	*95 732*	-5.10%
~~Robusta~~Robusta	66 077	60 027	68 998	70 551	*72 822*	3.20%
Châu phi	15 566	16 539	17 307	18 858	*18 855*	0.00%
Châu Á & Châu Đại Dương	51 837	47 930	52 203	48 098	*50 074*	4.10%
Mexico & Trung Mỹ	17 106	20 322	21 727	21 739	*20 760*	-4.50%
Nam Mỹ	17 106	75 921	75 240	82 682	*78 865*	-4.60%
TIÊU DÙNG	**155 672**	**158 771**	**161 608**	**169 113**	***167 592***	***-0.90%***
Các nước xuất khẩu	47 349	48 334	49 686	50 275	*50 003*	-0.50%
Nước nhập khẩu (Năm cà phê)	108 323	110 437	111 922	118 838	*117 589*	-1.10%
Châu phi	10 768	10 702	11 087	11 734	*11 671*	-0.50%
Châu Á & Châu Đại Dương	32 964	35 059	35 124	37 396	*37 067*	-0.90%
Mexico & Trung Mỹ	5 309	5 193	5 273	5 433	*5 426*	-0.10%
Châu Âu	52 398	52 147	53 262	55 614	*55 089*	-0.90%
Bắc Mỹ	28 934	29 559	29 941	31 779	*31 434*	-1.10%
Nam Mỹ	25 299	26 111	26 922	27 156	*26 905*	-0.90%
CÂN BẰNG	**1 488**	**1 942**	**4 868**	**2 265**	**961**	

Nguồn: ICO (số liệu tại thời điểm tháng 01 năm 2021)

Từ đầu niên vụ cà phê 2019/20, thị trường cà phê có nguồn cung dồi dào nhờ lượng hàng tồn kho của niên vụ trước khá dồi dào, có thể gây áp lực lên thị nguồn cung thị trường cà phê, khiến giá cà phê khó có sự bứt phá tích cực trong quý I/2021.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Hình 67: Biến động tồn kho cà phê tại các sàn giao dịch trên thế giới năm 2020

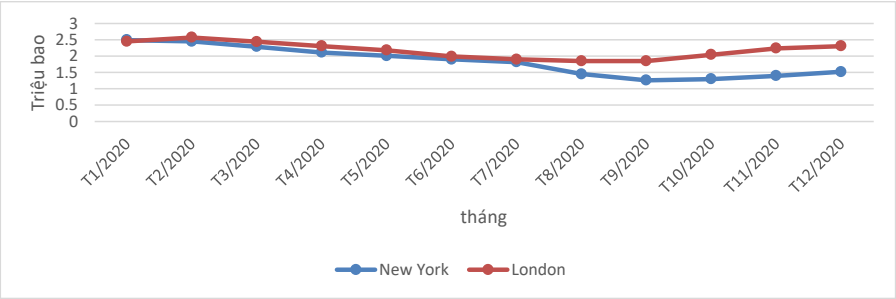

Nguồn: ICO, 2020

Nhìn chung, tồn kho cà phê trên cả 2 sàn có xu hướng tăng nhẹ thời điểm cuối năm 2020, tuy nhiên vẫn chưa cao bằng mức tồn kho vào đầu năm 2020. Tại thời điểm tháng 12/2020, tồn kho tại sàn New York là 1,52 triệu bao, và tồn kho tại sàn London là 2,31 triệu bao, giảm lần lượt ở mức 38,96% và 5,71% so với thời điểm tháng 1/2020

1.3 Biến động giá cà phê thế giới

Theo báo cáo của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) cho thấy, chỉ số giá ICO xuống thấp nhất vào tháng 5/2020 ở mức tương đương 2058 USD/tấn, mức thấp nhất kể từ tháng 10/2006. Chỉ số ICO biến động trái chiều ở các tháng tiếp theo rồi tăng lên mức cao nhất vào tháng 9 lên tương đương 2.562,9 USD/tấn trước khi giảm sâu vào tháng 10 ở mức 2.333 USD/tấn. Chỉ số tháng 12/2020 đạt 2528 USD/ tấn.

Hình 78: Biến động chỉ số giá tổng hợp ICO

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

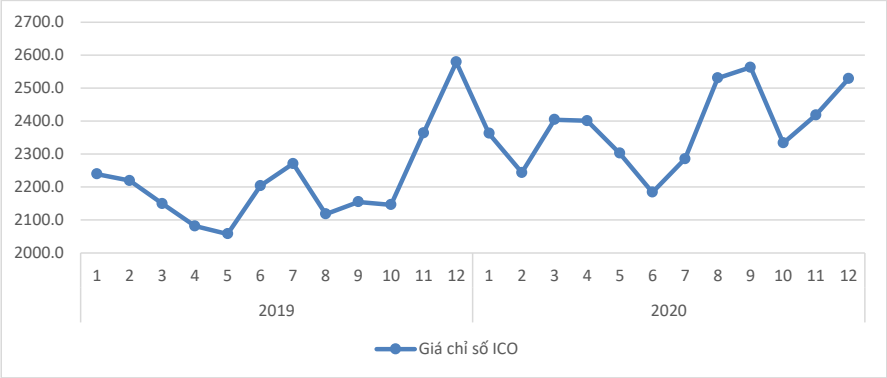

Nguồn: ICO, 2021 (số liệu tại thời điểm tháng 1 năm 2021)

Bảng 3: Chỉ số giá các loại cà phê năm 2020

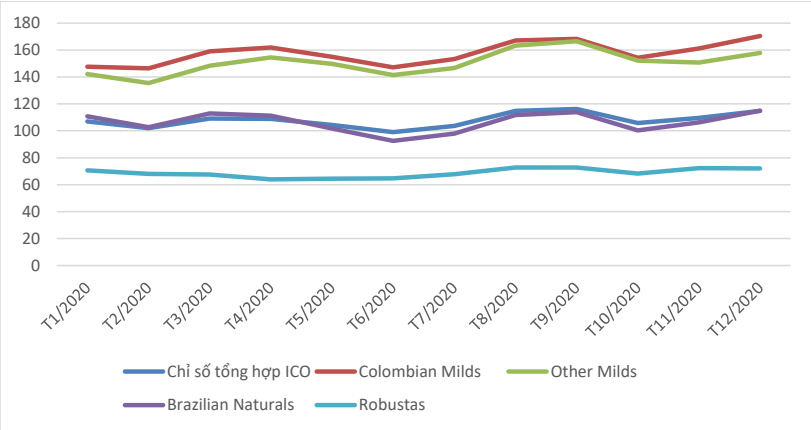

Nguồn: ICO, 2021 (số liệu tại thời điểm tháng 1 năm 2021)

Về giá cà phê kỳ hạn, giá cà phê toàn cầu biến động trái chiều trên sàn London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tại sàn London trong năm 2020 đạt trung bình 1.296 USD/tấn, giảm 7,48% so với năm 2019 trong khi đó giá cà phê Arabica kỳ hạn tại sàn New York tăng 8,15% lên mức 2.287 USD/tấn.

Hình 8:Biến động giá cà phê trên 2 sàn London và NewYork

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

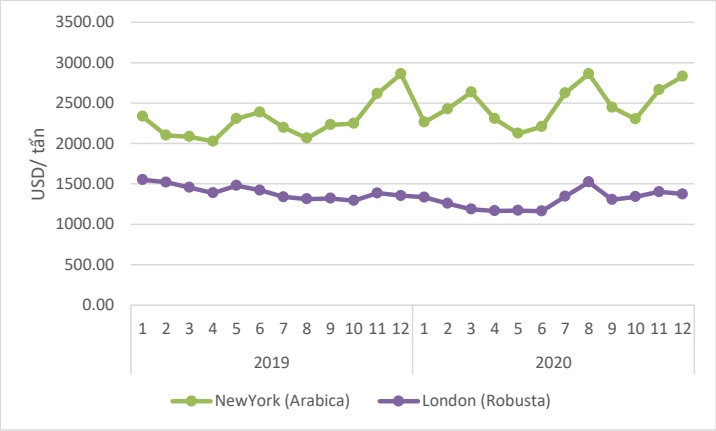

Nguồn: ICE, Agroinfo tổng hợp 2020

Giá cà phê Robusta giảm ở mức thấp trong khi giá cà phê Arabica biến đông tăng giảm với biên độ mạnh, nhiều thời điểm tăng nhiều so với năm 2019, được các chuyên gia quốc tế đánh giá chủ yếu xuất phát từ một số nguyên nhân chính như:

Xu hướng giá cà phê giảm từ cuối năm 2016 cho đến năm 2019 do tình trạng sản xuất quá mức ở Brazil và đồng real Brazil giảm mạnh so với đồng đô la Mỹ. Sau vụ mùa kỷ luc của Brazil trong niên vu 2018/2019, sản lương sut giảm và nguồn cung bi thắt chặt. Sự kết hợp giữa sản lượng Brazil thấp hơn và đồng real Brazil mạnh hơn trong một thi trường quá bán, cũng như xu hướng nhu cầu tiêu dùng thay đổi, đã làm tăng giá Arabica. Giá cà phê bắt đầu giảm vào tháng Hai khi các đợt đóng cửa Covid-19 bắt đầu ở Trung Quốc và mở rộng trên khắp thế giới, làm giảm nhu cầu cà phê để cung cấp cho các nhà hàng và quán cà phê. Người tiêu dùng đang uống cà phê tai nhà, chuyển nhu cầu từ Arabica sang Robusta , loại cà phê được sử dụng trong các hỗn hợp cà phê hòa tan. Giá Arabica đầu năm năm ở mức 1,26 USD / pound, giảm xuống 0,98 USD / pound vào tháng Hai, tăng lên 1,30 đô la mỗi pound vào tháng 3, sư biến đông tăng lên khi nó giảm trở lai 0,96 đô la vào đầu tháng 6.

Giá cả đã tăng trong suốt mùa hè khi các han chế về phong tỏa được nới lỏng, nhưng triển vọng về một đợt đại dịch thứ hai đã kéo giá xuống thấp hơn vào mùa đông. Các giá cho Arabica pha trôn tăng 10 phần trăm trên $ 1,12 cho mỗi pound sau khi giảm đến 1/3. Trong khi kim ngach xuất khẩu của Brazil tăng 11,5%/năm lên mức kỷ luc trong tháng

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Mười do những lo ngại rằng cơn bão Eta công Nicaragua và Honduras vào tuần đầu tiên của tháng 11 làm mùa màng bị hư hại và sẽ làm gián đoạn giao thông.

Giá cà phê Robusta giảm nhiều thời điểm hai quý đầu năm 2020. Giá Robusta cũng tăng do bão và lũ lụt ở Việt Nam đã làm gián đoạn thu hoạch. Các thị trường hàng đã tăng đột biến vào tháng 11 trước tin tức về tiềm năng vắc xin Covid-19 với hy vọng một loại vắc-xin hiệu quả sẽ cho phép trở lại hoạt động kinh tế thường xuyên, giúp nâng cao nhu cầu về cà phê. Trong khi đó, các nhà phân tích dự đoán giá cà phê cho thấy thị trường sẽ tiếp tục chịu áp lực với việc các chính phủ đưa ra các biện pháp hạn chế mới để làm chậm làn sóng đại dịch thứ hai.

~~Giá cà phê toàn cầu trong niên vụ 2019/20 biến động trái chiều trên sàn London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta tại sàn London trong năm 2020 đạt trung bình 1.273 USD/tấn, giảm 9% so với năm 2019 trong khi đó giá cà phê arabica tại sàn New York tăng 26% lên mức 2.364 USD/tấn.~~

~~Hình 9:Biến động giá cà phê trên 2 sàn London và NewYork~~

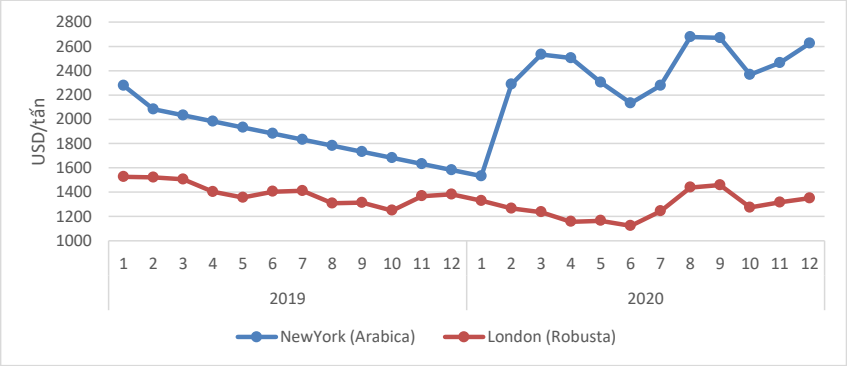

~~Nguồn: ICE, Agroinfo tổng hợp 2021~~

~~Giá cà phê Robusta giảm ở mức thấp trong khi giá cà phê Arabica biến động tăng giảm với biên độ mạnh và tăng nhiều so với thời điểm cuối năm 2019 được các chuyên gia quốc tế đánh giá chủ yếu xuất phát từ một số nguyên nhân chính như:~~

~~Xu hướng giá cà phê giảm từ cuối năm 2016 cho đến năm 2019 do tình trạng sản xuất quá mức ở Brazil và đồng real Brazil giảm mạnh so với đồng đô la Mỹ. Sau vụ mùa kỷ lục của Brazil trong niên vụ 2018/2019, sản lượng sụt giảm và nguồn cung bị thắt~~

Commented [hp4]: Nói thêm thông tin về tác động của covid1-19 năm 2020 thấy hồi đầu năm giãn cách châu âu giá giảm lắm sao ấy

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

~~chặt. Sự kết hợp giữa sản lượng Brazil thấp hơn và đồng real Brazil mạnh hơn trong một thị trường quá bán, cũng như xu hướng nhu cầu tiêu dùng thay đổi, đã làm tăng giá Arabica. Giá cà phê bắt đầu giảm vào tháng Hai khi các đợt đóng cửa Covid-19 bắt đầu ở Trung Quốc và mở rộng trên khắp thế giới, làm giảm nhu cầu cà phê để cung cấp cho các nhà hàng và quán cà phê. Người tiêu dùng đang uống cà phê tại nhà, chuyển nhu cầu từ Arabica sang Robusta , loại cà phê được sử dụng trong các hỗn hợp cà phê hòa tan. Giá Arabica đầu năm năm ở mức 1,26 USD / pound, giảm xuống 0,98 USD / pound vào tháng Hai, tăng lên 1,30 đô la mỗi pound vào tháng 3, sự biến động tăng lên khi nó giảm trở lại 0,96 đô la vào đầu tháng 6.~~

~~Giá cả đã tăng trong suốt mùa hè khi các hạn chế về phong tỏa được nới lỏng, nhưng triển vọng về một đợt đại dịch thứ hai đã kéo giá xuống thấp hơn vào mùa đông. Các giá cho Arabica pha trộn tăng 10 phần trăm trên $ 1,12 cho mỗi pound sau khi giảm đến 1/3. Trong khi kim ngạch xuất khẩu của Brazil tăng 11,5%/năm lên mức kỷ lục trong tháng Mười do những lo ngại rằng cơn bão Eta cộng Nicaragua và Honduras vào tuần đầu tiên của tháng 11 làm mùa màng bị hư hại và sẽ làm gián đoạn giao thông.~~

~~Giá Robusta cũng tăng do bão và lũ lụt ở Việt Nam đã làm gián đoạn thu hoạch. Các thị trường hàng hóa rộng lớn đã tăng đột biến vào ngày 9 tháng 11 trước tin tức về vắc xin Covid-19 tiềm năng. Một loại vắc xin hiệu quả sẽ cho phép trở lại hoạt động kinh tế thường xuyên, giúp nâng cao nhu cầu về cà phê. Trong khi đó, các nhà phân tích dự đoán giá cà phê cho thấy thị trường sẽ tiếp tục chịu áp lực với việc các chính phủ đưa ra các biện pháp hạn chế mới để làm chậm làn sóng đại dịch thứ hai.~~

Jack Scoville, nhà phân tích của công ty nghiên cứu Price Futures Group, cho biết: "Nhu cầu từ các cửa hàng cà phê và các hoạt động dịch vụ ăn uống khác vẫn ở mức rất thấp do người tiêu dùng vẫn đang uống cà phê tại nhà. Các báo cáo chỉ ra rằng người tiêu dùng ở nhà đang tiêu thụ các loại cà phê pha trộn với nhiều ~~Robusta~~Robusta hơn và ít ~~Arabica~~Arabica hơn. Xu hướng như vậy có lợi hơn cho dự báo giá cà phê ~~Robusta~~Robusta .

Các nhà phân tích tại ngân hàng Hà Lan ABN dự báo Thời tiết khô hạn ở Brazil là mối lo ngại đối với thị trường cà phê. Rất có thể niên vụ 2021 từ Brazil sẽ thấp hơn. Tiêu thụ cà phê bên ngoài thấp hơn trong đại dịch Covid-19. Áp lực này sẽ tiếp tục với các biện pháp kiểm dịch mới trên toàn cầu. Giá sẽ vẫn tương đối yếu~~.~~

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Ngân hàng dự kiến giá hỗn hợp ~~Arabica~~Arabica trung bình là 1,09 đô la trong tháng 12, giảm xuống 1,07 đô la trong quý đầu tiên của năm 2021 và trung bình là 1,09 đô la cho toàn bộ năm 2021.

Fitch Solutions đưa ra dự báo giá cà phê ~~Arabica~~Arabica trung bình là 1,05 USD / pound cho năm 2021 và 2022, kỳ vọng giá sẽ giảm từ mức trung bình 1,10 USD / pound vào năm 2020. Citibank đã điều chỉnh mục tiêu giá ~~Arabica~~Arabica trong ba tháng xuống 1,07 USD / lb và vẫn ở mức "trung tính đến giảm giá… do mức thặng dư rộng rãi là 4,3 triệu bao cho niên vụ 2020/21 được ghi nhận".

Tương tự, nhà dự báo kỹ thuật WalletInvestor.com dự đoán giá cà phê ~~arabica~~Arabica chuẩn sẽ giảm từ 1,08 USD / pound vào tháng 12 năm 2020 xuống 1 USD / pound vào tháng 12/2021

II. NGÀNH CÀ PHÊ VIỆT NAM 2020

2.1. Tình hình sản xuất cà phê

2.1. Diện tích sản xuất cà phê

Việt Nam được chia thành hai vùng khí hậu phù hợp cho sản xuất cà phê. Vùng Tây Nguyên có đất đỏ bazan, rất thuận lợi để trồng cà phê vối và các tỉnh miền Bắc, với độ cao phù hợp (khoảng 6-800 m) phù hợp với cà phê chè.

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, diện tích cà phê của Việt Nam năm 2020 là 680.000 ha, giảm khoảng 2% so với năm 2019. ~~Bước sang~~Dự báo năm 2021 diện tích sẽ còn giảm xuống khoảng 675.000 ha do giá cà phê thấp nên người dân ~~trồng xen canh với các loại~~chuyển qua trồng cây khác.

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Justified, Indent: First line: 1.27 cm

Hình ~~9~~10: Diện tích và sản lượng cà phê Việt Nam

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

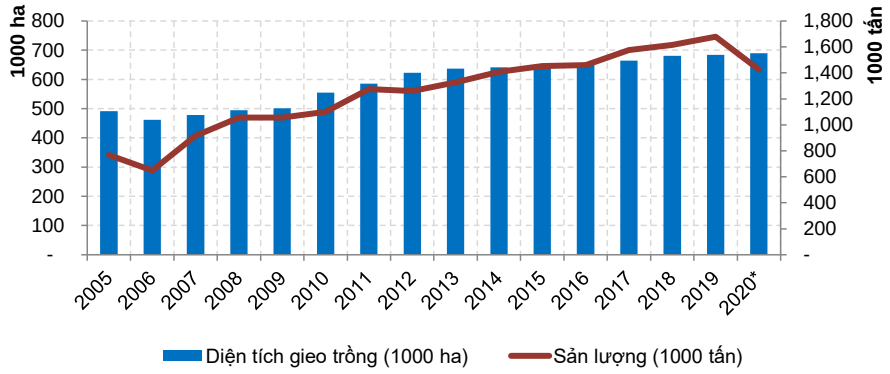

Nguồn: Niên giám thống kê 2020

~~Việt Nam trồng hai loại cà phê chính: cà phê vối (Robusta) và cà phê chè (Arabica), trong đó, diện tích cà phê vối chiếm tới hơn 95% tổng diện tích gieo trồng. Cả nước có 20 tỉnh trồng cà phê, chủ yếu được trồng ở các vùng đồi núi phía Bắc và Tây Nguyên. Cà phê chè trồng chủ yếu ở vùng Nam Trung Bộ, vùng núi phía Bắc do các vùng này ở vùng cao hơn, nhưng với diện tích và sản lượng rất khiêm tốn, tập trung nhiều ở các tỉnh Quảng Trị, Sơn La.~~

Tây Nguyên vẫn là vùng sản xuất cà phê tập trung chính của cả nước. Diện tích cà phê của khu vực này chiếm tới 72% tổng diện tích cả nước và sản lượng cũng chiếm khoảng 92% tổng sản lượng cả nước.

Hình 10~~11~~: Diện tích gieo trồng cà phê phân theo vùng

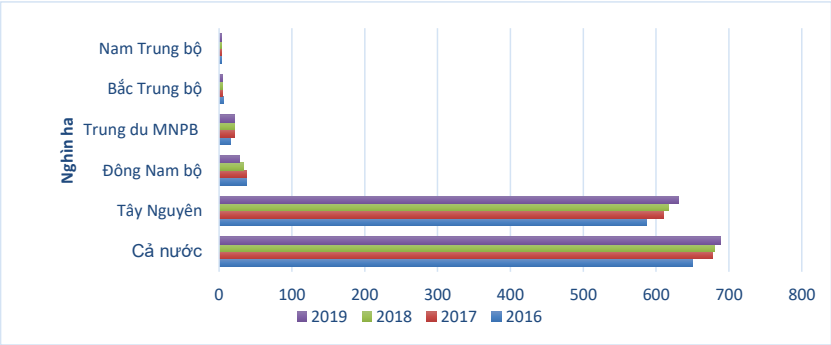

Nguồn: Tổng cục thống kê, 2020

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Niên vụ 2019-2020, diện tích trồng cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên hơn 600.000 ha, Tỉnh có diện tich trồng cà phê lớn nhất là Đắk Lắk với gần 210.000 ha, Lâm Đồng trên 170.000 ha và Đắk Nông khoảng 130.000 ha.

Hình 1112: Diện tích gieo trồng cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên 2016-2019

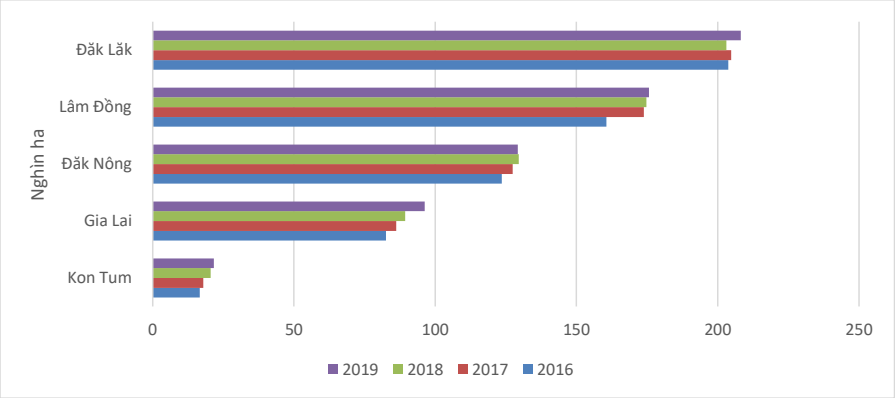

Nguồn: Niên giám thống kê 2020

Tuy nhiên, hiện nay số diện tích cà phê già cỗi khá nhiều, cho năng suất thấp, chất lượng kém, tác động xấu đến sức cạnh tranh xuất khẩu, cần phải tiến hành tái canh. Theo thống kê của Bộ NN & PTNT, có khoảng 86.000 ha diện tích thu hoạch cây hơn 20 năm tuổi, chiếm khoảng 13% tổng diện tích cà phê, khoảng 140.000-150.000 ha từ cây 15-20 tuổi (22% tổng diện tích). Trong những năm gần đây, cây cà phê trẻ có năng suất lên đến 4-5 tấn/ha, so với năng suất trung bình 2,5-2,6 tấn/ha. Cây già có năng suất ít hơn 2 tấn/ha. Trồng lại cây già là một ưu tiên lớn của Bộ NN & PTNT và các cơ quan địa phương.

Trong giai đoạn 2014 - 2020, tổng diện tích cà phê trồng tái canh và ghép cải tạo tại các tỉnh Tây Nguyên (tính đến tháng 6/2019) là 118.202 ha, đạt trên 98,5% kế hoạch; trong đó diện tích tái canh là 84.165 ha, diện tích ghép cải tạo là 34.037 ha (chủ yếu tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đắk Nông). Tỉnh Lâm Đồng tái canh lớn nhất với trên 58.200 ha, Đắk Lắk gần 29.000 ha, Đắk Nông trên 16.400 ha; Gia Lai gần 12.000 ha, Kon Tum gần 2.800ha...

Theo định hướng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đến 2025 tiếp tục duy trì ổn định diện tích 600.000 ha; năng suất 2,7-2,9 tấn/ha, sản lượng 1,8-2 triệu

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

tấn/năm; tiếp tục tái canh và ghép cải tạo các vườn cà phê già cỗi, phấn đấu đến 2025 tái canh và ghép cải tạo thêm từ 30.000 – 40.000 ha…

Hình 12~~13~~: Diện tích cà phê tái canh đến năm 2019

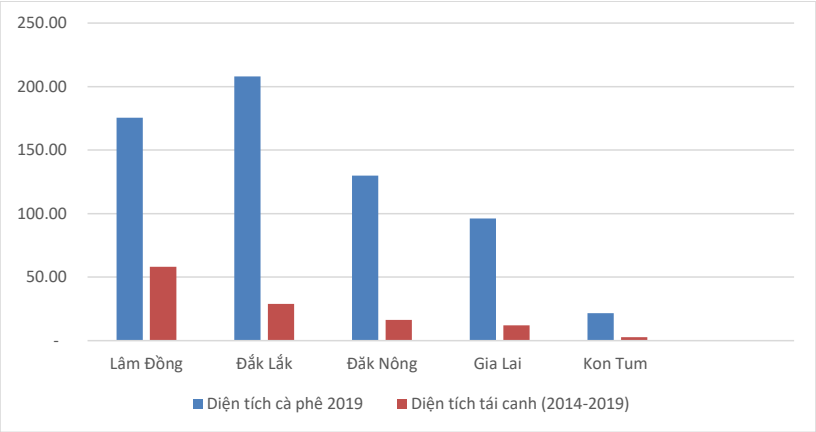

Nguồn: Sở NN và PTNT các tỉnh, 2020

Thời gian qua, để sản xuất cà phê bền vững, Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) áp dụng nhiều quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt. Sau gần 5 năm thực hiện tại các tỉnh Tây Nguyên, dự án VnSAT đã hỗ trợ thành lập và củng cố hoạt động của 185 tổ chức nông dân (đạt 114% so với mục tiêu cuối cùng là 162 tổ chức nông dân) và đào tạo hơn 40.000 hộ nông dân về sản xuất cà phê bền vững. Đến tháng 6/2020, diện tích cà phê sản xuất bền vững đã đạt 36.266 ha (hơn 90,7% so với mục tiêu cuối cùng của dự án là 40.000 ha). Tổng số hộ thực hiện tái canh cà phê đạt hơn 20.000 hộ, tương ứng với hơn 18.000 ha; trong đó có 3.611 hộ đã được vay vốn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các hộ dân được tập huấn các giải pháp kỹ thuật nhằm tái canh bền vững và thích ứng biến đổi khía hậu. Diện tích cà phê tái canh chủ yếu trồng bằng giống mới, đã từng bước phát huy tiềm năng về năng suất và chất lượng cà phê nhân, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu. Lâm Đồng là tỉnh dẫn đầu cả nước về tái canh cây cà phê, theo Ban quản lý dự án VnSAT Lâm Đồng, tổng diện tích cà phê tái canh, cải tạo giống cà phê ở địa phương trong năm 2019 vào khoảng 8.129ha (đạt 116% so với kế hoạch), lũy kế giai đoạn 2013-2019 toàn tỉnh đã thực hiện tái canh, ghép cải tạo 62.512ha (vượt kế hoạch đề ra).

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Trong đó, diện tích tái canh cà phê chè là 1.258ha, diện tích tái canh cà phê vối là 26.283ha, diện tích ghép cải tạo khoảng 34.975ha.

Trong thời gian tới, dự án VnSAT tiếp tục hỗ trợ các HTX, tổ chức kinh doanh duy trì vận hành các thương hiệu của mình để tư vấn, xúc tiến thương mại các sản phẩm cà phê chế biến sâu để hướng đến thị trường xuất khẩu. Cùng với đó, sẽ hình thành 5 chuỗi liên kết về cà phê tại 5 tỉnh Tây Nguyên. Đối với Cà phê cảnh quan, giai đoạn gia hạn các tỉnh sẽ lồng ghép các công trình đầu tư công vào vùng cà phê cảnh quan để phát huy hiệu quả đồng bộ của dự án. Theo danh mục đầu tư đang đề xuất, có 3 tỉnh Đăk Lăk, Đăk Nông, Lâm Đồng có công trình đầu tư công nằm trong khu vực thiết kế cà phê cảnh quan. Đối với Cà phê đặc sản sẽ lồng ghép các công trình đầu tư công vào các vùng lựa chọn phát triển cà phê đặc sản.

Tại Đắk ~~Lăk~~ Lắk , trong thời gian tới VnSAT Đắk ~~Lăk~~ Lắk sẽ triển khai đầu tư 9 tiểu dự án, trong đó chủ yếu đầu tư về cơ sở hạ tầng giao thông nội đồng phục vụ cho các tổ chức nông dân của 7 huyện trong tỉnh. Đây là các hạng mục quan trọng sau khi đầu tư hoàn thành, các tuyến đường đi vào hoạt động, người dân địa phương sống trong cả hai khu vực của tiểu dự án và cộng đồng dân cư xung quanh sẽ là những người được hưởng lợi về phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giúp bà con nông dân vùng dự án gia tăng lợi nhuận từ 20-30%. Đặc biệt, hệ thống giao thông được nâng cấp sẽ thúc đẩy sự phát triển của các chuỗi nông sản và định hình các vùng sản xuất nguyên liệu bền vững, nhờ đó giá trị của nông sản sẽ được nâng lên.

Formatted: Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: Vietnamese

Tại Đắk Nông, dự án VnSAT có đặc thù rất riêng nên thủ tục giải ngân vốn rất khó. Hiện Đăk Nông còn nguồn vốn ODA khoảng 128 tỷ đồng sẽ được chuyển sang lĩnh vực đầu tư công về cơ sở hạ tầng cho các huyện có quy hoạch đầu tư cà phê cảnh quan và các HTX mà VnSAT đã đầu tư để tạo thành chuỗi liên kết khép kín. Trong thời gian tới, Đăk Nông cũng dành một số vốn để đầu tư các vườn ươm để tạo ra nhưng giống đầu dòng chất lượng cao phục vụ nhu cầu cho người dân trên địa bàn tỉnh. Hiện Đăk Nông đang đi theo hướng hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong đó đặc biệt chú trọng đến phát triển cà phê cảnh quan.

Tại Kon Tum, dự án đã chuyển giao kỹ thuật, đồng thời hướng dẫn người dân áp dụng trong việc tái canh, đến nay đã hỗ trợ tái canh được trên 500 ha, hiệu quả được đánh giá là tương đối cao.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

2.1.2. Năng suất, sản lượng

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê năm 2019, sản lượng cà phê cả nước đạt 1.68 triệu tấn, năng suất đạt 2.7 tấn/ ha. Các tỉnh Tây Nguyên chiếm 91% sản lượng cả nước, sản lượng niên vụ 2019/2020 đạt hơn 1,64 triệu tấn, với năng suất bình quân là 2,74 tấn mỗi ha; giải quyết một triệu việc làm và mang lại hơn 3,4 tỷ USD cho nền kinh tế. Vụ thu hoạch ở Việt Nam 2020/2021 bị trì hoãn do mùa mưa kéo dài sang tháng 11, tuy nhiên đến nay việc thu hoạch đang được hoàn tất. Hiện tại, người dân đã thu hoạch được khoảng 60 - 70% sản lượng niên vụ cà phê niên vụ 2020 - 2021. Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam ước tính niên vụ 2020 - 2021, sản lượng cà phê sẽ giảm khoảng 15% do ảnh hưởng bởi đợt mưa lũ vào tháng 10 và hạn hán vào ~~hồi~~ tháng 5 và tháng 6. Thêm vào đó, một số diện tích cà phê vối tái canh chưa cho thu hoạch và chuyển sang cây trồng hiệu quả khác đồng thời do giá cà phê xuống thấp nên việc đầu tư chăm sóc vườn cây của người dân hạn chế dẫn đến năng suất thấp. ~~Mức độ giảm sản lượng dự kiến trong niên vụ 2020 - 2021 mà Hiệp hội Cà phê - Cacao Việt Nam đưa ra cao hơn so với Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đưa ra vào tháng 11/2020.~~

Tuy năm 2020 năng suất cà phê của Việt Nam giảm nhưng nhìn chung vẫn cao hơn so với nhiều nước. Các nước Đông Nam Á khác có năng suất thấp hơn nhiều như: Indonesia 0,6 tấn/ha, Philippines 0,7 tấn/ha, Thái Lan 1 tấn/ha. Trong chương trình Nescafé Plan nhằm phát triển cà phê bền vững, nâng cao năng suất, chất lương, giá trị gia tăng cho hạt cà phê Việt Nam do Tập đoàn Nestlé thực hiện thì năng suất cà phê tại Việt Nam là 4,5 tấn/ha (cao hơn năng suất bình quân của cả nước là 2,6 tấn/ha), Indonesia 1 tấn/ha, Philippines 0,8 tấn/ha, Thái Lan 1,7 tấn/ha, Nhiều nông dân Việt Nam có thể đẩy năng suất cà phê lên 7-10 tấn/ha nhưng các chuyên gia khuyến cáo nên duy trì năng suất khoảng 4,5 tấn/ha để bảo đảm mục tiêu bền vững.

~~Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam, sản lượng cà phê niên vụ 2019 – 2020 của Việt Nam đạt 1,8 triệu tấn, giảm 5% so với niên vụ 2018 – 2019. Trong đó, lượng tiêu thụ trong nước chiếm 10% còn lại là xuất khẩu.~~

Hình 13~~14~~: Sản lượng và năng suất cà phê Việt Nam

Formatted: Font color: Text 1, Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: Font color: Text 1, Vietnamese
Formatted: Font color: Text 1
Formatted: Font color: Text 1, Vietnamese
Formatted: Font color: Text 1
Formatted: Font color: Text 1, Vietnamese
Formatted: Font color: Text 1
Formatted: Font color: Text 1, Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: German (Germany)
Formatted: Vietnamese
Formatted: Font color: Text 1, Vietnamese
Commented [hp5]: Lấy số theo biểu đồ đi, theo số của gso
Formatted: Centered
Formatted: Font: Not Bold, Font color: Text 1

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

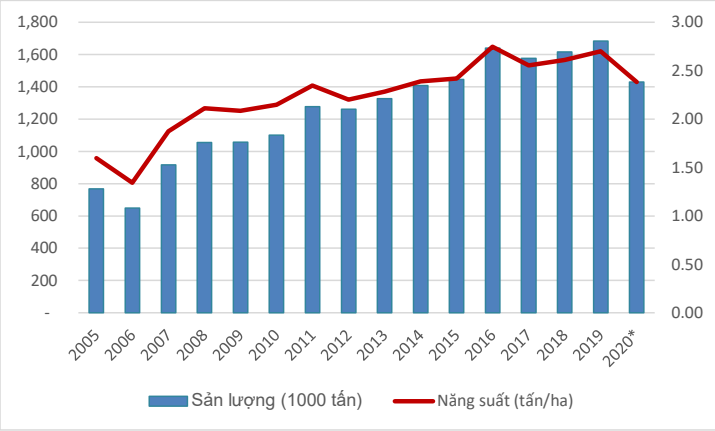

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2020

Formatted: Right

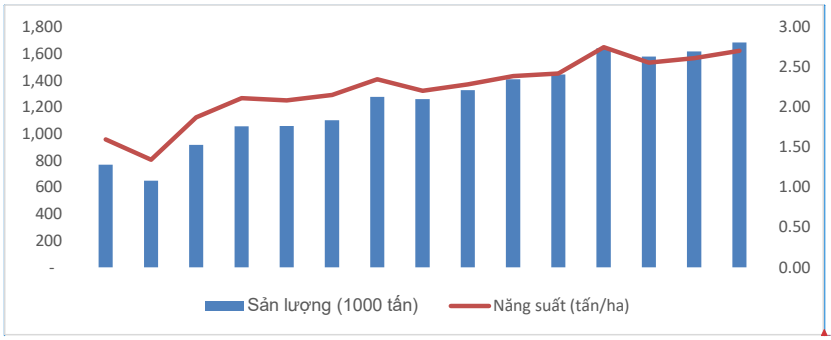

Commented [hp6]: Đưa số 2020 vào

Formatted: Font: Italic, Vietnamese

~~Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2020~~

~~Các tỉnh Tây Nguyên chiếm 91% sản lượng cả nước, sản lượng niên vụ 2019/2020 đạt hơn 1,64 triệu tấn, với năng suất bình quân là 2,74 tấn mỗi ha; giải quyết một triệu việc làm và mang lại hơn 3,4 tỷ USD cho nền kinh tế. Vụ thu hoạch ở Việt Nam 2020/2021 bị trì hoãn do mùa mưa kéo dài sang tháng 11, tuy nhiên đến nay việc thu hoạch đang được hoàn tất. Hiện tại, người dân đã thu hoạch được khoảng 60 - 70% sản lượng niên vụ cà phê niên vụ 2020 - 2021.~~

Formatted: Vietnamese

Tình hình sản xuất, thu hoạch cà phê của các tỉnh Tây Nguyên niên vụ 2020/2021 cụ thể như sau:

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic

Formatted: Tab stops: Not at 6.75 cm

Formatted: German (Germany)

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic, German (Germany)

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Đắk Lắk: Toàn tỉnh Đắk Lắk hiện có hơn 208.000 ha cà phê, niên vụ cà phê 2020 - 2021 dự kiến năng suất bình quân ước 25,44 tạ/ha, tổng sản lượng ước đạt khoảng 470.000 tấn. Đắk Lắk đang bước vào vụ thu hoạch cà phê niên vụ 2020 - 2021, so với niên vụ trước, niên vụ cà phê 2020 - 2021 thu hoạch muộn. việc nâng cao chất lượng cà phê từ khâu thu hoạch đang được đơn vị sản xuất xem là một trong những giải pháp mang lại "lợi ích kép" khi giá bán cao hơn so với thị trường và hướng đến sản xuất cà phê bền vững. Toàn tỉnh chỉ có khoảng trên 10% diện tích cà phê sản xuất tập trung thành vùng chuyên canh do các đơn vị thuộc Tổng Công ty Cà phê Việt Nam, các công ty cà phê thuộc tỉnh Đắk Lắk và doanh nghiệp quản lý, còn lại gần 90% diện tích cà phê của tỉnh là do nông dân tự trồng, chăm sóc và quản lý. Những năm gần đây, có khá nhiều hộ dân liên kết với hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất cà phê bền vững, cà phê đặc sản nên phương pháp chăm sóc, thu hoạch, bảo quản cũng đã được thay đổi rất nhiều. Đặc biệt, là khâu thu hoạch, người dân đều hái quả chín từ 90 - 100% để bảo đảm chất lượng theo yêu cầu của người thu mua. Hiện một số công ty như Công ty TNHH Vương Thành Công (TP. Buôn Ma Thuột, Công ty Simexco Đắk Lắk cộng thêm 10.000 đồng/kg -20.000 đồng/ kg so với giá thị trường đối với cà phê thu hái bảo đảm tỷ lệ quả chín trên 90%, sơ chế đúng quy trình. Nhằm tạo vùng nguyên liệu cà phê bền vững, từ năm 2009 đến nay, Công ty Simexco Đắk Lắk đã liên kết với trên 8.500 nông hộ trong toàn tỉnh, với tổng diện tích trên 12.000 ha. Để phát triển chuỗi liên kết này, công ty đã kết nối, huy động nguồn lực của Tổ chức Sáng kiến thương mại bền vững Hà Lan IDH, Tập đoàn JDE, Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên (Wasi), Dự án VnSAT, chính quyền địa phương cùng đồng hành với nông dân, cam kết bao tiêu sản phẩm và hỗ trợ nông dân tiến tới xây dựng vùng cảnh quan bền vững.

Tổng diện tích cà phê được áp dụng quy trình sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận [1] của tỉnh Đắk Lắk đạt hơn 45.674 ha, chiếm khoảng 22,12% diện tích cà phê toàn tỉnh. Đề án phát triển cà phê bền vững của tỉnh đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 cũng đã đặt nhiệm vụ là nâng cao nhận thức người sản xuất về việc bảo đảm chất lượng cà phê trong thu hái, phơi sấy, chế biến và bảo quản sau thu hoạch là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm thúc đẩy ngành hàng cà phê tỉnh phát triển theo hướng bền vững. Quan

[1] hiện đang có 4 loại hình cà phê chứng nhận phổ biến gồm: 4C (Bộ nguyên tắc chung cho cộng đồng cà phê), UTZ Certifed, RFA (Rừng nhiệt đới) và FLO (Thương mại công bằng).

Formatted: Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: Font: 8 pt
Formatted: Font: 8 pt
Formatted: Font: 8 pt

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

điểm của tỉnh Đắk Lắk là không tăng diên tích cà phê ngoài quy hoạch; tập trung rà soát và xây dựng kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2021 - 2025 nhằm cải tạo vườn cà phê già cỗi, nâng cao năng suất, chất lương sản phẩm, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

Đắk Nông: Toàn tỉnh đang có trên 131.000 ha cà phê, ước tính niên vụ 2020/2021 tổng sản lương đạt khoảng 306.172 tấn, tức bằng 96,89% kế hoạch năm. Năng suất cà phê năm nay giảm là do nắng han kéo dài vườn cây bi suy kiệt, kém phát triển. Cùng với đó, giá cà phê ở mức thấp, người dân gặp khó nên sức đầu tư chăm sóc vườn cây cũng giảm, dẫn đến năng suất không được như ý, nhiều vườn cà phê năng suất giảm 25-30% so với niên vụ trước. Theo phản ánh của nông dân một số xã, phường trên địa bàn huyện Đắk Glong và TP Gia Nghĩa (tỉnh Đắk Nông), hiên nay, vườn cà phê đang trong giai đoan thu hoạch thì ra hoa. Nhiều vườn, số lương cây cà phê ra hoa lên đến 30-40%, gây khó khăn cho bà con thu hoạch, thậm chí phải tạm ngưng chờ hoa héo mới tiếp tục công việc. Theo ngành Nông nghiệp, cà phê ra hoa sớm là điều không tốt, nguy cơ gây mất mùa, vì dễ gặp phải sương muối, hoa sẽ bi thối, không đâu trái. Việc thu hoạch cà phê trong thời điểm cây cà phê ra hoa sẽ dẫn đến việc gây rụng hoa, làm hỏng các mắt mầm trên cành, khiến cho đợt ra hoa tiếp theo không đạt, thâm chí cây bi thui chột, không ra hoa đợt 2. Mặt khác, nếu hoa cà phê đậu được quả nhưng do chưa bảo đảm các điều kiện cần thiết như thời gian nghỉ của cây, lượng phân bón ít, nên cây không đủ sức, dẫn đến chất lượng quả, năng suất cà phê năm tới không cao.

Gia Lai: toàn tỉnh hiện có trên 97.000 ha cà phê; trong đó, diện tích đang trong giai đoan kinh doanh khoảng 83.148 ha, còn lai đang trong giai đoan kiến thiết cơ bản và tái canh. Diện tích cà phê tập trung chủ yếu ở các huyện như: Ia Grai, Chư Prông, Chư Păh, Đak Đoa, Chư Sê, Mang Yang. Dù chỉ mới thu hoạch được khoảng 40% diện tích nhưng phần lớn người dân đều cho rằng, năng suất cà phê năm nay giảm khá mạnh so với niên vụ trước. Nhiều rẫy cà phê ở tỉnh Gia Lai đã chín đỏ cây mà không có người thu hoạch. Theo thông tin từ Sở Lao đông Thương binh và Xã hội Gia Lai, những năm trước, vào vu thu hoạch cà phê, tỉnh đón khoảng 7 - 8 nghìn lao động, từ các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Đinh. Nhưng năm nay, số người lên hái cà phê thuê giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh, lũ lut đã tác đông đến thời gian thu hoạch, gieo trồng của các tỉnh đồng bằng, lao động phải ở lại quê lo khắc phục hậu quả thiên tai và gieo sạ.

Lâm Đồng: năm 2020 diện tích cà phê toàn tỉnh ước đạt 174.142 ha. Trong đó diện tích kinh doanh 162.040 ha, năng suất bình quân 31,9 tạ/ha, sản lượng 516.602,8 tấn, gồm:

Formatted: Font: Not Bold
Formatted: Space Before: 0 pt, Tab stops: Not at 6.75 cm
Formatted: Font: Not Bold, Vietnamese
Formatted: Font color: Auto, Vietnamese

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Cà phê vối: 160.457 ha (chiếm 92,14% tổng diên tích cà phê), trong đó diên tích kinh doanh 148.772 ha; năng suất bình quân 32,1 tạ/ha; sản lượng 477.625 tấn; Cà phê chè: 13.685 ha (chiếm 7,86% tổng diên tích cà phê), trong đó diên tích kinh doanh 13.535 ha; năng suất bình quân 29,4 tạ/ha; sản lượng 38.978 tấn. Theo thống kê, diện tích, năng suất và sản lượng cà phê đều giảm so với 2019 và không đạt kế hoạch. Nguyên nhân do một số diên tích cà phê vối tái canh chưa cho thu hoạch và chuyển sang cây trồng hiêu quả như rau, hoa…, đồng thời do giá cà phê xuống thấp nên việc đầu tư chăm sóc vườn cây của người dân hạn chế. Theo kết quả tổng hợp từ các địa phương trong tỉnh, năm 2020 người dân hầu hết không trồng mới cà phê mà tập trung trồng tái canh, ghép cải tạo trên những diện tích cà phê cho năng suất thấp, bị sâu bệnh...~~Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam ước tính niên vụ 2020 - 2021, sản lượng cà phê sẽ giảm khoảng 15% do ảnh hưởng bởi đợt mưa lũ vào tháng 10 và hạn hán hồi tháng 5 và tháng 6. Mức độ giảm sản lượng dự kiến trong niên vụ 2020 - 2021 mà Hiệp hội Cà phê – Cacao Việt Nam đưa ra cao hơn so với Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đưa ra vào tháng 11/2020.~~

Formatted: Vietnamese
Formatted: Font color: Auto, Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: Font color: Auto, Vietnamese
Formatted: Vietnamese
Formatted: Font color: Auto, Vietnamese

Theo ước tính của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) vụ mùa 2020/21 sản lượng dự kiến giảm 3,5% so với niên vụ 2019/20, xuống còn 30,2 triệu bao 60 kg do các tỉnh Tây Nguyên nhận lượng mưa ít hơn 15-30% so với mức trung bình. Thời tiết nắng nóng và khô hạn vào tháng 4, tại Đắk Lắk, Đăk Nông và Kon Tum khiến nhiệt độ cao hơn trung bình từ 0,5-1,5 độ C. Điều kiện dòng chảy từ sông Mê Kông được dự báo cực kỳ khô hạn, đặc biệt từ giữa tháng 3 và khi thời gian từ tháng 2 đến tháng 5 các vườn cây cà phê rất cần nước để ra hoa. Tuy nhiên, giá cà phê thấp không thu hút sự đầu tư từ phía các nông dân cho việc trang trải thêm chi phí cho vườn cây, làm năng suất giảm. Năng suất ~~Robusta~~Robusta vụ mùa 2020/21 bị ảnh hưởng do thời tiết bất thường, sản lượng ~~Robusta~~Robusta ước đạt khoảng 29.5 triệu bao, còn lại là sản lượng ~~Arabica~~Arabica tại Lâm Đồng, Đăk Nông. Sản lượng ~~Arabica~~Arabica vụ 2020/21 không vượt qua 1 triệu bao, thấp hơn vụ mùa trước, mặc dù diện tích ổn định nhưng năng suất giảm do thời tiết bất thường.

Bảng 4: USDA dự báo diện tích và sản lượng cà phê của Việt Nam

Chỉ tiêu	2018/2019	2019/2020 (Ước lượng)	2020/2021 (dự báo)
Diện tích canh tác (-ha)	607.000	620.000	620.000

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Sản lượng (nghìn ha)	29.350	30.200	29.170
Năng suất trung bình	2.90	2.92	2.80

Nguồn: USDA

~~Năng suất cà phê của Việt Nam thể hiện sự vượt trội, không chỉ cao nhất thế giới, mà cao gấp 3 lần năng suất bình quân chung của thế giới. Năng suất bình quân tại Việt Nam đạt 2,7 tấn/ha, cao hơn nhiều so với năng suất bình quân của thế giới là 7 tạ nhân/ha. Trong khi các nước Đông Nam Á khác như: Indonesia 0,6 tấn/ha, Philippines 0,7 tấn/ha, Thái Lan 1 tấn/ha. Trong chương trình Nescafé Plan nhằm phát triển cà phê bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng cho hạt cà phê Việt Nam do Tập đoàn Nestlé thực hiện thì năng suất cà phê tại Việt Nam là 4,5 tấn/ha (cao hơn năng suất bình quân của cả nước là 2,6 tấn/ha), Indonesia 1 tấn/ha, Philippines 0,8 tấn/ha, Thái Lan 1,7 tấn/ha, Nhiều nông dân Việt Nam có thể đẩy năng suất cà phê lên 7-10 tấn/ha nhưng chúng tôi không khuyến khích điều này mà khuyến cáo họ nên duy trì năng suất khoảng 4,5 tấn/ha để bảo đảm mục tiêu bền vững.~~

~~Theo báo cáo của Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên, giải pháp kỹ thuật chăm sóc cà phê ở Tây Nguyên được coi là độc đáo, chỉ ở Việt Nam mới áp dụng, trên thế giới chưa có. Cạnh mỗi gốc cây cà phê, thường tạo một chiếc bồn diện tích 4m2, dự trữ được hơn 1.000 lít nước. Mỗi khi vào mùa mưa, nước mưa sẽ chảy và trữ ở trong các bồn này, nhờ vậy mà nước mưa không làm trôi đất, chống được xói mòn, đồng thời trữ được nước tưới cho cây trong mùa khô. Thêm vào đó, những giống cà phê được phát triển đều có năng suất vượt trội, tiềm năng đạt tới 5-7 tấn/ha. Chất lượng hạt cũng rất tốt, vì kích cỡ hạt đạt tới 25gr/hạt, trong khi các giống hiện trồng chỉ có kích cỡ hạt bình quân 14 gr/hạt. Trong kinh doanh cà phê, kích cỡ hạt là tiêu chuẩn để phân loại 1, loại 2, loại 3. Nếu trồng những giống mới được công nhận, tỷ lệ hạt loại 1 đạt tới 70% (quy định cà phê được bán ở sàn London là phải đạt 40% hạt loại 1). Với những thành tựu về chọn tạo các giống cà phê cao sản năng suất vượt trội cùng những kỹ thuật canh tác vừa đơn giản mà khác biệt sẽ giúp cho ngành cà phê Việt Nam tiếp tục tăng cao sản lượng hơn nữa.~~

Theo Hiệp hội Cà phê - ca cao Việt Nam, để cà phê phát triển bền vững cần có sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp và cộng đồng để hạn chế sự thua thiệt về giá, nâng cao vị thế và uy tín của cà phê Việt Nam. Bên cạnh đó, ngành cà phê nước ta cần tiếp tục

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm bằng các biện pháp như: sản xuất thân thiện môi trường, không thu hoạch cà phê xanh, thực hiện tốt khâu sau thu hoạch và chế biến theo các công nghệ mới tránh làm giảm chất lượng cà phê.

Theo thông lệ khi giá cà phê xuống thấp, người dân có xu hướng chuyển hướng sang trồng cây hồ tiêu. Tuy nhiên, những năm gần đây, cả ngành hồ tiêu cũng hứng chịu cuộc khủng hoảng dư cung khi diện tích gấp 3 lần quy hoạch nên giá xuống thấp kỉ lục. Do đó, người trồng cà phê chuyển sang trồng xen canh các loại cây ăn quả như xoài, sầu riêng… Mặc dù diện tích giảm nhưng con số này vẫn vượt so với quy hoạch trong đề án Phát triển ngành cà phê bền vững giai đoạn 2015 - 2020. Theo đó, đến năm 2020 tổng diện tích cà phê của cả nước là 600.000 ha và tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 3,8 - 4,2 tỷ USD. Tuy nhiên, cuộc khủng dư thừa nguồn cung khiến giá cà phê giảm 4 năm liên tiếp. Kèm theo đó, do chịu tác động của dịch COVID-19, xuất khẩu cà phê năm 2020 không đạt được như trong đề án đưa ra

Kể từ khi triển khai vào năm 2011, Nescafé Plan đã mang đến nhiều cải tiến kỹ thuật và áp dụng công nghệ mới, tạo tác động tích cực đến sự phát triển bền vững cho ngành cà phê Việt Nam. Trong 10 năm qua Nescafé Plan phân phối trên 46 triệu cây giống kháng bệnh năng suất cao tới người nông dân; cải tạo 46.000 hecta diện tích cà phê già cỗi tại khu vực Tây Nguyên thông qua hoạt động tái canh; hỗ trợ phát triển và xây dựng công cụ quản lý nhật ký nông hộ dựa trên công nghệ số, giúp nông dân quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, thay thế việc quản lý bằng giấy tờ. Đồng thời tập huấn và đào tạo kỹ thuật canh tác bền vững cho hơn 260.000 lượt nông dân với sự tham gia của các kỹ sư nông nghiệp; tiết kiệm 40% lượng nước tưới, giảm 20% lượng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu. Nescafé Plan đã giúp 21.000 nông hộ đạt chứng chỉ cà phê quốc tế 4C và tăng trên 30% thu nhập cho người nông dân với chương trình Nescafé Plan. Hằng năm, Nestlé thu mua 20-25% sản lượng cà phê của Việt Nam để chế biến sâu cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu, với tổng giá trị trung bình đạt 600-700 triệu USD, duy trì vị trí nhà thu mua cà phê lớn nhất Việt Nam. Tất cả sản phẩm Nescafé được sản xuất từ 100% hạt cà phê Việt Nam chất lượng cao với kỹ thuật Nescafé Plan đang được xuất khẩu đến 25 thị trường nước ngoài và đón nhận sự yêu thích từ nhiều người tiêu dùng trên thế giới.

Theo Nescafé, trong thời gian tới, chương trình Nescafé Plan sẽ đẩy mạnh việc áp dụng những cải tiến khoa học công nghệ trong việc canh tác và thu hoạch cà phê, giúp hạt cà phê Việt Nam đạt những tiêu chuẩn cao ở các thị trường phát triển; gia tăng sản lượng

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

chế biến sản phẩm cà phê cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu; nghiên cứu và phát triển những sản phẩm cà phê mới đáp ứng những thị hiếu mới của người tiêu dùng; cũng như hướng đến tầm nhìn 2030: Không tạo ra tác động tiêu cực lên môi trường trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh. Nescafé Plan sẽ tiếp tục đóng góp vào canh tác cà phê bền vững, phát triển tăng cường liên kết chuỗi và gia tăng chất lượng và giá trị cho hạt cà phê Việt Nam, góp phần duy trì vị trí Việt Nam là nước xuất khẩu cà phê lớn thứ hai thế giới.

Tình hình thu hoạch cà phê của các tỉnh Tây Nguyên niên vụ 2020/2021

Đắk Lắk: Toàn tỉnh Đắk Lắk hiện có hơn 208.000 ha cà phê, niên vụ cà phê 2020 - 2021 dự kiến năng suất bình quân ước 25,44 tạ/ha, tổng sản lượng ước đạt khoảng 470.000 tấn. Đắk Lắk đang bước vào vụ thu hoạch cà phê niên vụ 2020 - 2021, việc nâng cao chất lượng cà phê từ khâu thu hoạch đang được đơn vị sản xuất xem là một trong những giải pháp mang lại "lợi ích kép" khi giá bán cao hơn so với thị trường và hướng đến sản xuất cà phê bền vững. So với niên vụ trước, niên vụ cà phê 2020 - 2021 thu hoạch muộn. Toàn tỉnh chỉ có khoảng trên 10% diện tích cà phê sản xuất tập trung thành vùng chuyên canh do các đơn vị thuộc Tổng Công ty Cà phê Việt Nam, các công ty cà phê thuộc tỉnh Đắk Lắk và doanh nghiệp quản lý, còn lại gần 90% diện tích cà phê của tỉnh là do nông dân tự trồng, chăm sóc và quản lý. Những năm gần đây, có khá nhiều hộ dân liên kết với hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất cà phê bền vững, cà phê đặc sản nên phương pháp chăm sóc, thu hoạch, bảo quản cũng đã được thay đổi rất nhiều. Đặc biệt, là khâu thu hoạch, người dân đều hái quả chín từ 90 - 100% để bảo đảm chất lượng theo yêu cầu của người thu mua. Hiện Công ty TNHH Vương Thành Công (TP. Buôn Ma Thuột) đang liên kết với 6 hộ, diện tích 9 ha để sản xuất cà phê theo hướng an toàn và cà phê hữu cơ. Công ty khuyến khích các hộ liên kết thu hái quả chín bằng cách cộng thêm 20.000 đồng/kg đối với quả chín 100%. Tương tự, các hộ tham gia chuỗi liên kết sản xuất cà phê bền vững với Công ty Simexco Đắk Lắk cộng thêm 10.000 đồng/kg so với giá thị trường đối với cà phê thu hái bảo đảm tỷ lệ quả chín trên 90%, sơ chế đúng quy trình. Nhằm tạo vùng nguyên liệu cà phê bền vững, từ năm 2009 đến nay, Công ty Simexco Đắk Lắk đã liên kết với trên 8.500 nông hộ trong toàn tỉnh, với tổng diện tích trên 12.000 ha. Để phát triển chuỗi liên kết này, công ty đã kết nối, huy động nguồn lực của Tổ chức Sáng kiến thương mại bền vững Hà Lan IDH, Tập đoàn JDE, Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên (Wasi), Dự án VnSAT, chính quyền địa phương cùng đồng hành với nông dân, cam kết bao tiêu sản phẩm và hỗ trợ nông dân tiến tới xây dựng vùng cảnh quan bền vững.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Đắk Lắk hiện đang có 4 loại hình cà phê chứng nhận phổ biến gồm: 4C (Bộ nguyên tắc chung cho cộng đồng cà phê), UTZ Certifed, RFA (Rừng nhiệt đới) và FLO (Thương mại công bằng), với tổng diện tích cà phê được áp dụng quy trình sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận hơn 45.674 ha, chiếm khoảng 22,12% diện tích cà phê toàn tỉnh. Tuy nhiên, để nâng cao được chất lượng cà phê toàn diện, năm nào ngành nông nghiệp cũng phối hợp với chính quyền các địa phương tăng cường tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân không thu hái cà phê xanh, đảm bảo an ninh trật tự giúp người dân yên tâm thu hái khi tỷ lệ cà phê chín khi hái đạt trên 85%; trường hợp thu cuối vụ, tỷ lệ quả chín phải đạt tối thiểu 80% nhằm đảm bảo chất lượng cà phê sau thu hoạch. Đề án phát triển cà phê bền vững của tỉnh đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 cũng đã đặt nhiệm vụ là nâng cao nhận thức người sản xuất về việc bảo đảm chất lượng cà phê trong thu hái, phơi sấy, chế biến và bảo quản sau thu hoạch là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm thúc đẩy ngành hàng cà phê tỉnh Đắk Lắk phát triển theo hướng bền vững. Quan điểm của tỉnh Đắk Lắk là không tăng diện tích cà phê ngoài quy hoạch; tập trung rà soát và xây dựng kế hoạch tái canh cà phê giai đoạn 2021 - 2025 nhằm cải tạo vườn cà phê già cỗi, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

Gia Lai: trên địa bàn toàn tỉnh có trên 97.000 ha cà phê. Trong đó, diện tích đang cho thu hoạch hơn 80.000 ha. Nhìn chung, sản lượng vụ mùa năm nay không tăng nhiều so với niên vụ trước. Tại tỉnh Lâm Đồng, nhiều vùng trồng cà phê trên những khu vực đất đồi núi dốc ở các huyện gồm: Bảo Lâm, Di Linh, Đam Rông, nông dân đang bước vào thu hoạch cà phê đại trà. Còn các huyện Lâm Hà, Đức Trọng, TP Đà Lạt, thời điểm này, cà phê mới bắt đầu thu hoạch những cây chín bói. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng cho biết, niên vụ năm nay, toàn tỉnh có khoảng 174.000 ha cà phê với sản lượng trung bình đạt 515.000 tấn/năm. Hiện giá cà phê nhân tại Lâm Đồng chỉ dao động ở mức 31.800 - 32.800 đồng/kg, ngang với giá niên vụ trước. Đồng thời, năng suất, sản lượng năm nay tại một số địa phương trong tỉnh có giảm nhẹ do ảnh hưởng của thời tiết. Một yếu tố khác cũng làm nhiều người trồng cà phê trên địa bàn lo lắng là nhân công vẫn thiếu hụt, không dồi dào khiến phí thu hái tăng cao.

Đắk Nông: Toàn tỉnh đang có trên 131.000 ha cà phê, ước tính niên vụ 2020/2021 tổng sản lượng đạt khoảng 306.172 tấn, tức bằng 96,89% kế hoạch năm. Năng suất cà phê năm nay giảm là do nắng hạn kéo dài vườn cây bị suy kiệt, kém phát triển. Cùng với đó, giá cà phê ở mức thấp, người dân gặp khó nên sức đầu tư chăm sóc vườn cây cũng giảm,

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

dẫn đến năng suất không được như ý, nhiều vườn cà phê năng suất giảm 25-30% so với niên vụ trước. Theo phản ánh của nông dân một số xã, phường trên địa bàn huyện Đắk Glong và TP Gia Nghĩa (tỉnh Đắk Nông), hiện nay, vườn cà phê đang trong giai đoạn thu hoạch thì ra hoa. Nhiều vườn, số lượng cây cà phê ra hoa lên đến 30-40%, gây khó khăn cho bà con thu hoạch, thậm chí phải tạm ngưng chờ hoa héo mới tiếp tục công việc. Theo ngành Nông nghiệp, cà phê ra hoa sớm là điều không tốt, nguy cơ gây mất mùa, vì dễ gặp phải sương muối, hoa sẽ bị thối, không đậu trái. Việc thu hoạch cà phê trong thời điểm cây cà phê ra hoa sẽ dẫn đến việc gây rụng hoa, làm hỏng các mắt mầm trên cành, khiến cho đợt ra hoa tiếp theo không đạt, thậm chí cây bị thui chột, không ra hoa đợt 2. Mặt khác, nếu hoa cà phê đậu được quả nhưng do chưa bảo đảm các điều kiện cần thiết như thời gian nghỉ của cây, lượng phân bón ít, nên cây không đủ sức, dẫn đến chất lượng quả, năng suất cà phê năm tới không cao.

Gia Lai: toàn tỉnh hiện có trên 97.000 ha cà phê; trong đó, diện tích đang trong giai đoạn kinh doanh khoảng 83.148 ha, còn lại đang trong giai đoạn kiến thiết cơ bản và tái canh. Diện tích cà phê tập trung chủ yếu ở các huyện như: Ia Grai, Chư Prông, Chư Păh, Đak Đoa, Chư Sê, Mang Yang. Dù chỉ mới thu hoạch được khoảng 40% diện tích nhưng phần lớn người dân đều cho rằng, năng suất cà phê năm nay giảm khá mạnh so với niên vụ trước. Nhiều rẫy cà phê ở tỉnh Gia Lai đã chín đỏ cây mà không có người thu hoạch. Theo thông tin từ Sở Lao động Thương binh và Xã hội Gia Lai, những năm trước, vào vụ thu hoạch cà phê, tỉnh đón khoảng 7 - 8 nghìn lao động, từ các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định. Nhưng năm nay, số người lên hái cà phê thuê giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh, lũ lụt đã tác động đến thời gian thu hoạch, gieo trồng của các tỉnh đồng bằng, lao động phải ở lại quê lo khắc phục hậu quả thiên tai và gieo sạ.

Lâm Đồng: năm 2020, diện tích cà phê toàn tỉnh ước đạt 174.142 ha. Trong đó diện tích kinh doanh 162.040 ha, năng suất bình quân 31,9 tạ/ha, sản lượng 516.602,8 tấn. Theo thống kê, diện tích, năng suất và sản lượng cà phê đều giảm so với năm 2019 và không đạt kế hoạch. Nguyên nhân do một số diện tích cà phê vối tái canh chưa cho thu hoạch và nhiều hộ dân đã chuyển đổi cây trồng ngắn ngày cho thu nhập cao hơn như rau, hoa…, đồng thời do giá cà phê xuống thấp nên việc đầu tư chăm sóc vườn cây của người dân hạn chế. Điều đáng quan tâm là với diện tích cà phê kinh doanh lên tới 162.040 ha, như mọi năm, Lâm Đồng cần khoảng 80.000 lao động thời vụ để thu hái cà phê chín trong thời gian khoảng 2 tháng. Tuy nhiên, lực lượng lao động địa phương chỉ đáp ứng được khoảng 40%

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

~~tới 50% nhân công thu hái tại chỗ, còn lại phải cần lực lượng ngoài tỉnh đổ về. Hiện nay việc thu hái cà đã vào chính vụ nên giá thuê nhân công đội lên hơn năm trước lên tới 300.000-340.000 đồng/người/ngày tùy việc cà phê tán lùn hay cà nuôi để ngọn, địa thế đồi núi trồng cà bằng phẳng hay dốc gắt.~~

2.2. Chuỗi giá trị xuất khẩu cà phê

2.2.1. Tổ chức chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu cà phê tại Lâm Đồng

Kết quả khảo sát chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu của ngành cà phê tại Lâm Đồng hiện tại có 2 giá trị và các tác nhân trong chuỗi bao gồm: (i) Người nông dân trồng cà phê; (ii) Đại lý/doanh nghiệp thu mua tại địa phương. (iv) Doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu cà phê.

Hình 14~~15~~: Sơ đồ chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu cà phê tại Lâm Đồng

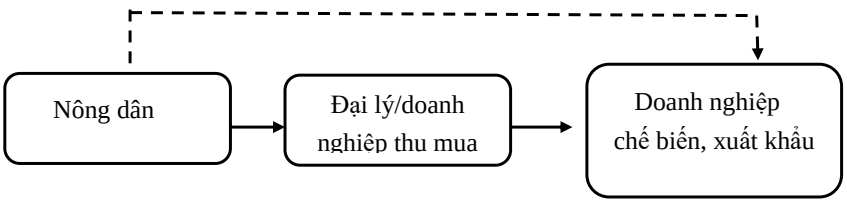

Nguồn: Kết quả điều tra IPSARD, 2020

Kênh 1: Nông dân -> Doanh nghiệp/đại lý thu mua -> Doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu

Là kênh phổ biến nhất trong chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu cà phê tại Lâm Đồng, có sự tham gia của 3 tác nhân là nông dân, doanh nghiệp/đại lý thu mua và doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu. Hình thức tổ chứcc, các doanh nghiệp chế biến/xuất khẩu lớn ký hợp đồng liên kết theo mô hình doanh nghiệp/ đại lý - nông dân, theo đó, doanh nghiệp sẽ thông qua hệ thống doanh nghiệp thu mua (thực chất là đại lý với quy mô lớn) thu mua cà phê từ nông dân, phân loại và vận chuyển cà phê về các nhà máy của doanh nghiệp. Trong chuỗi liên kết này, nông dân được tổ chức thành các nhóm hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã để có đủ năng lực liên kết trực tiếp với các doanh nghiệp cà phê (thường là các nhóm sản xuất cà phê bền vững).

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Các doanh nghiệp thu mua cà phê tại địa phương ký hợp đồng với doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu. Doanh nghiệp thu mua tại đại phương có thể ký hoặc không ký hợp đồng với nông dân, nhưng họ sẽ có các hình thức khác nhau để thu hút nông dân bán cà phê cho mình. Một số doanh nghiệp điển hình thực hiện mô hình liên kết này tại tỉnh Lâm Đồng được khảo sát như: Công ty OLAM.

Doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu thường đưa ra các yêu cầu đối với các doanh nghiệp thu mua về các tiêu chuẩn bền vững (4C, UTZ, FairTrade, Rainforest Alliance), các doanh nghiệp thu mua sẽ phân loại theo cỡ sàn tiêu chuẩn, % hạt đen vỡ, % tạp chất... Tuy nhiên, mặc dù các doanh nghiệp có tổ chức các nhóm hộ sản xuất cà phê bền vững theo tiêu chuẩn, nhưng lượng thu mua thì lại rất thấp (khoảng 30%),chủ yếu xuất sang thị trường khó tính số còn lại vẫn bán như các loại cà phê bình thường làm cho nông dân không mặn mà trong áp dụng tiêu chuẩn cà phê bền vững.

Kết quả khảo sát cho thấy, đây là kênh thị trường phổ biến ở Lâm Đồng, nông dân chủ yếu bán cà phê cho đại lý thu mua (67%). Đây l kênh tiêu thụ chính của các hộ, do các đại lý gần các khu sản xuất, thuận tiện về nguồn lực và thanh toán bằng tiền mặt hoặc ứng trước tiền cho các hộ sản xuất. Bên cạnh đó các đại lý này còn hỗ trợ các công ty thu mua tổ chức tập huấn sản xuất và kỹ thuật cho các hộ dân trồng cà phê, theo dõi và hỗ trợ kỹ thuật để người sản xuất thực hiện theo các tiêu chuẩn bền vững. Đại lý là một trong những mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị sản xuất bền vững cà phê trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Bên cạnh đó, kênh tiêu thụ thông qua thương lái cũng có tới 29% người lựa chọn. Nguyên nhân các hộ lựa chọn tiêu thụ qua kênh này do gần các hộ và các hộ bán do đã mua phân, lân nhưng trả chậm đến vụ các hộ bán một phần sản lượng cà phê của mình cho đối tượng này. Tỷ lệ các hộ bán trực tiếp cho các doanh nghiệp rất thấp chỉ chiếm tỷ lệ 4%. Các hộ này thường có sản lượng lớn và sản phẩm cà phê đồng đều và thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.

Các đại lý sẽ mua cả 2 loại cà phê quả tươi (trong thời gian thu hoạch) và nhân xô quanh năm. Giao dịch giữa đại lý và nông dân thường không qua hợp đồng, hoặc chỉ có hợp đồng miệng. Nhiều đại lý rằng buộc nông dân bán cà phê cho mình bằng việc ứng trước phân bón và cho vay vốn. Đối với các đại lý thu mua quả tươi từ nông trước khi thu hoạch, đại lý sẽ đến vườn cà phê của nông dân để xem chất lượng quả và thỏa thuận giá, sau đó nông dân sẽ thu hoạch quả cà phê tươi và phải vận chuyển đến kho của các đại lý. Các đại lý thường không quan tâm đến sản xuất cà phê theo quy trình bền vững hay không

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

bền vững, họ quan tâm nhiều hơn tới tỷ lệ chín, nhưng cà phê quả tươi này thường sẽ được bán cho các doanh nghiệp thu mua để thực hiện chế biến ướt hoặc do chính đại lý thực hiện chế biến.

Đối với các đại lý thu mua cà phê nhân xô, đã được nông dân chế biến qua phương pháp chế biến khô, nông dân cũng sẽ phải chịu trách nhiệm vận chuyển cà phê đến các kho của đại lý, sau đó đại lý đánh giá và phân loại chất lượng hạt cà phê và thỏa thuận giá.

Giá cà phê được các đại lý tại địa phương chủ yếu được căn cứ bởi giá các doanh nghiệp báo hàng ngày. Giá đại lý đưa ra dựa trên giá thu mua vào của các công ty chế biến. Và giá các công ty được tính toán trên giá đóng cửa của hai sàn cà phê thế giới là sàn ~~Arabica~~Arabica New York và ~~Robusta~~Robusta London. Giá cà phê tại Lâm Đồng biến động liên tục trong ngày, đặc biệt là đầu giờ sáng đến lúc trưa. Giá tham chiếu tại các đại lý không giống nhau do họ liên kết với các công ty khác nhau và nhu cầu thu mua cũng khác nhau. Đại lý thường thông báo giá bán sản phẩm thông qua điện thoại di động như gọi điện báo giá hoặc gửi tin nhắn hằng ngày qua zalo. Thông qua tham vấn với các hộ, thông tin giá của các hộ thường hạn chế, chủ yếu các hộ căn cứ giá thông qua thương lái và đại lý gần nhà nên khó có thể so sánh hoặc tham khảo giá của các vùng, địa phương khác làm căn cứ để quyết định lượng bán ra cũng như thời gian bán sản phẩm. Có tới 83% số hộ khảo sát tham khảo giá bán từ đại lý. Số hộ có thể thương lượng với đại lý rất thấp, chỉ chiếm 6%. Những hộ này thường là những hộ tập trung sản xuất cà phê chất lượng cao, chất lượng hạt đồng đều và có diện tích trồng cà phê lớn, hướng tiêu thụ chủ yếu nội địa nên các hộ có thể thương thảo giá với các đại lý.

Theo khảo sát, 44% số hộ nông dân bán cà phê cho các đơn vị liên kết là có sử dụng hợp đồng liên kết tiêu thị sản phẩm với các đại lý và chủ yếu hình thức này là đồng miệng. Hộ và các đơn vị liên kết thỏa thuận về giá, các đại lý hỗ trợ hộ dịch vụ đầu vào như phân bón, thuốc và kỹ thuật sản xuất. Sau thu hoạch, nông dân đem hàng ký gửi tại đại lý hoặc giữ tại nhà, theo dõi biến động giá để quyết định thời điểm bán (thời gian ký gửi phụ thuộc vào thỏa thuận giữa hộ và các đại lý). Thường chỉ cần 1 cuộc điện thoại là nông dân có thể biết giá và quyết định bán, chốt giá mà không ký kết.

Phương thức thanh toán các đại lý sẽ thực hiện trả tiền mặt ngay cho người nông dân, hoặc sau khi trừ các khoản thanh toán các khoản nợ về phân bón, thuốc trừ sâu cho người nông dân.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Sau khi thu mua cà phê, các đại lý sẽ bán lại cho doanh nghiệp thu mua (đối với quả cà phê tươi) hoặc tích trữ hàng chờ giá tăng rồi bán cho doanh nghiệp chế biến/xuất khẩu. Doanh nghiệp thu mua cà phê thực chất là các đại lý trung gian lớn hơn, họ sẽ không trực tiếp mua cà phê từ nông dân mà thường thu gom cà phê từ các đại lý tại địa phương. Một số doanh nghiệp có đầu tư máy móc để sơ chế và bán các loại cà phê thành phẩm, cà phê bột như Công ty Tám Trình, Công ty Phước Sơn tại Lâm Đồng (là công ty trong mẫu khảo sát). Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp này chỉ thu mua nguyên liệu rồi bán lại cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

Kênh 2: Nông dân -> Doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu

Trong kênh thị trường này, nông dân bán cà phê trực tiếp cho các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu. Hiện nay tại địa bàn huyện Lâm Hà và Di Linh đã hình thành một số doanh nghiệp, ngoài thu mua từ các đại lý, vẫn thực hiện thu mua trực tiếp từ nông dân và chế biến xuất khẩu. Các doanh nghiệp đứng ra bao tiêu sản phẩm, hỗ trợ đầu ra trực tiếp cho người nông dân. Điều này thể hiện khả năng chế biến, xuất khẩu của doanh nghiệp địa phương đã được nâng cao so với các năm trước: VD Công ty Phước Sơn, Công ty Tám Trình... (đối với các doanh nghiệp xuất khẩu FDI the OLAM, doanh nghiệp bắt buộc phải thu mua cà phê từ các đơn vị vệ tinh thay vì thu mua trực tiếp từ nông dân)

Các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thường căn cứ vào giá trên các sàn để quyết định giá thu mua của các công ty thu mua địa phương hoặc các đại lý. Các giao dịch của các doanh nghiệp xuất khẩu thường được thực hiện trên các sàn kỳ hạn. Chính vì thế, giá cà phê thu mua trong nước sẽ biến động liên tục theo những biến động trên các sàn.

2.2.2 Hiệu quả kinh tế của các tác nhân trong chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu cà phê tại Lâm Đồng

a. Phân bổ chi phí - lợi nhuận trong chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu cà phê tại Lâm Đồng

Theo như số liệu điều tra trên 100 hộ ngẫu nhiên tại hai huyện Lâm Hà và Di Linh, 100% các hộ trồng cà phê ~~Robusta~~Robusta (Cà phê vối).

Tổng hợp dữ liệu điều tra của các tác nhân trong chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu cà phê ở Lâm Đồng, chi phí, lợi nhuận của các tác nhân tại địa bàn khảo sát được thể hiện trong bảng dưới đây.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Bảng 5: Chi phí – lợi nhuận trên 1 kg cà phê nhân xô của các tác nhân trong chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu cà phê ~~Robusta~~Robusta

Chỉ tiêu	Nông dân	HTX, Đại lý/ DN thu mua	Doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu	Cả chuỗi
Chi phí	23.086	31.500	48.000	115.586
Chi phí tăng thêm	7.914	500	16.350	14.678
% chi phí tăng thêm	20%	27%	42%	100%
Giá bán	31.000	31.650	50.000	126.150
Lãi ròng	7.914	150	2.000	10.564
% lãi ròng	75%	1%	19%	100%
Độ cận biên thị trường	31.000	650	2.000	33.150
% đóng góp vào giá (%)	94%	2%	6%	100%

**Ghi chú: Quá trình chế biến đã phối trộn các loại cà phê*

Nguồn: Kết quả điều tra của IPSARD, 2020

a, Đối với nông dân

Đối với cà phê ~~Robusta~~Robusta, nông dân bán cà phê nhân xô (chế biến khô) cho hệ thống đại lý địa phương. Đại lý địa phương hoặc sẽ bán cho doanh nghiệp thu mua hoặc bán trực tiếp cho doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu. Sau đó, công ty chế biến, xuất khẩu sẽ thực hiện việc đưa cà phê vào lò sấy, lọc và phân loại hạt cà phê theo các tiêu chuẩn và xuất khẩu.

Trong các tác nhân tham gia chuỗi giá trị xuất khẩu cà phê ~~Robusta~~Robusta, nông dân đóng góp vào giá trị gia tăng rất cao chiếm 94%, tiếp đó là doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu 6% và đại lý thu mua chỉ chiếm 2%

Hình 15~~16~~: Cơ cấu chi phí sản xuất cà phê giai đoạn kinh doanh trung bình trên 1ha của nông dân tại Lâm Đồng

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

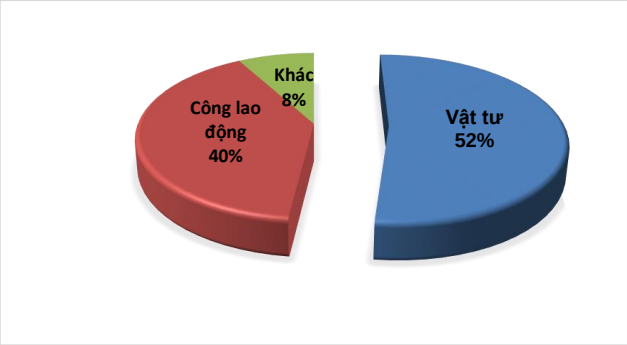

Nguồn: Điều tra của IPSARD tại Lâm Đồng, 2017

Chi tiết các khoản chi phí được trình bày cụ thể như sau:

- Đối với cà phê ~~Robusta~~Robusta trong giai đoạn kinh doanh: Trong các loại vật tư đầu vào, chiếm tỷ trọng lớn nhất là chi phí phân bón với 46% bao gồm cả phân bón vô cơ (với 4 loại Ure, Sunphat, lân NPK và Kali) và phân bón hữu cơ vi sinh. Chi phí cho thuốc BVTV chiếm 2% giảm hơn nhiều so với trước kia đặc biệt đối với những hộ sản xuất cà phê bền vững. Một số chi phí khác như: điện, nhiên liệu chiếm 3%.

- Chi phí lao động chiếm khoảng 40%, trong đó chi phí lớn nhất cho thu hoạch chiếm khoảng 19%.

Đối với cà phê ~~Robusta~~Robusta trong giai đoạn kiến thiết: Người dân phải đầu tư cây giống ghép 10 triệu/ ha; cây giống thực sinh 3,5 triệu/ ha còn nếu tái canh ghép chồi ghép 3 triệu/ha, Cây che bóng lâu dài (Bơ, sầu riêng, mắc ca, muồng...): 2,5 tiệu/ha. Việc trồng mới cà phê tại tại Huyện Di Linh và Lâm Hà đều không cho thu nhập vào những năm kiến thiết cơ bản. Qua điều tra nông hộ thì đa số những hộ trồng mới đều có diện tích cà phê trước đó và diện tích trồng mới là trồng thêm. Bên cạnh đó cũng có một số hộ tái canh cho vườn cà phê già cỗi, họ cũng không chú trọng lắm đến việc trồng xen kẽ các cây khác trong vườn cà phê. Việc đầu tư trồng mới cũng tốn khá nhiều vốn ban đầu cho 4 năm, trung bình đầu tư cho 1 ha cà phê có số vốn lên tới khoảng 127tr. Trong đó tiền phân bón và công lao động chiếm tỉ lệ cao nhất, 36% và 28%.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Bảng 6: Chi phí sản xuất bình quân 1 ha cà phê ~~Robusta~~Robusta giai đoạn kinh doanh của người nông dân tại Di Linh và Lâm Hà

TT	Hạng mục	Chi phí theo 1 ha (nghìn VND)	Tỷ trọng (%)
I	**Chi phí vật tư**	**55,700.00**	52%
1	Phân bón: vô cơ	28,000.00	26%
2	Phân bón: Hữu cơ	20,000.00	19%
3	Thuốc BVTV	2,000.00	2%
4	Điện, nhiên liệu	2,700.00	3%
5	Vật tư khác	3,000.00	3%
II	**Công lao động**	**42,000.00**	40%
1	Cắt, tỉa cành	6,000.00	6%
2	Bơm nước	6,500.00	6%
3	Làm cỏ, bón phân, vét bồn tưới	5,000.00	5%
4	Thu hái	20,000.00	19%
5	Xay xát, sơ chế	4,500.00	4%
III	**Chi phí khác**	**8,500.00**	8%
1	Chi phí khấu hao	4,000.00	4%
2	Bao bì và dụng cụ hỗ trợ thu hoạch	500.00	0%
3	Chi phí duy tu máy móc	1,000.00	1%
4	Chi phí lãi vay	3,000.00	3%

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

IV	**TỔNG CHI PHÍ**	**106,200.00**	100%
V	**Tổng thu nhập**	**142.600**	

Nguồn: Điều tra của IPSARD tại Lâm Đồng, 2020

Như vậy, chi phí trung bình 1 ha ~~Robusta~~Robusta là 106,2 triệu đồng/ha, chi phí bình quân 1 kg cà phê nhân xô là 23.086 đồng/kg. Giá cà phê ~~Robusta~~Robusta nhân xô trung bình tại thời điểm điều tra là 31.000 đồng/kg. Năng suất trung bình đạt khoảng 4,6 tấn/ha cà phê nhân xô, doanh thu trồng cà phê đạt khoảng 142,6 triệu đồng/ha, trừ chi phí lợi nhuận 36.400 triệu đồng/ha. Đối với các hộ trồng cà phê với quy mô lớn trên 20 ha, lợi nhuận lên tới hàng tỷ đồng. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát, tỷ lệ hộ có quy mô trên 20 ha khá nhỏ (tỷ lệ hộ trồng cà phê canh tác trên diện tích dưới 2 ha vẫn chiếm đến 97% tại Lâm Đồng), bên cạnh đó sản xuất cà phê chịu nhiều rủi ro như dịch bệnh, thời tiết, biến động giá trên thị trường, đặc biệt giá cả xuống thấp do ảnh hưởng của dịch Covid 19

Bảng 7: Hiệu quả kinh tế tính trên 1 kg cà phê ~~Robusta~~Robusta tại Lâm Đồng (đồng/kg)

Chỉ tiêu	Số tiền	Tỷ lệ trên doanh thu (%)
Giá bán cà phê	31.000	100
Chi phí	23.086	74
Lợi nhuận	7913	25%

Nguồn: Điều tra của IPSARD tại Lâm Đồng, 2020

Chi phí đầu vào tăng cao, trong khi giá bán thấp, lợi nhuận của các hộ trồng cà phê đang rất thấp, chủ yếu lấy công làm lãi.

b, Đối với doanh nghiệp/ đại lý thu mua:

Các đại lý nhỏ thu mua ở địa phương không phải bỏ ra nhiều chi phí do chi phí vận chuyển và tồn kho do nông dân và doanh nghiệp thu mua trả. Các khoản chi phí của đại lý bao gồm: chi phí mua cà phê quả tươi hoặc cà phê nhân xô, tiền chênh lệch trả cho trung gian (nếu có), chi phí vận chuyển và lưu kho (rất ít). Theo kết quả điều tra, chi phí tăng thêm mà đại lý nhận được khoảng 1.000 đồng/kg đối với cà phê ~~Robusta~~Robusta và 50

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

đồng/kg đối với cà phê ~~Arabica~~Arabica. Theo đó, với giá cà phê chênh lệch khoảng 100-1.300 đồng/kg, đại lý địa phương thu lợi nhuận khoảng 50 - 300 đồng/kg.

Tính trên 1kg cà phê, lợi nhuận của đại lý thu được rất nhỏ nhưng trên thực tế, lượng thu mua cà phê của đại lý địa phương rất lớn nên lợi nhuận đại lý địa phương thu được cũng rất lớn. Trung bình thu gom 1 tấn cà phê, đại lý địa phương thu được lợi nhuận là 150 nghìn đồng đối với cà phê ~~Robusta~~Robusta. Trong khi đó, chỉ tính trong thời điểm vụ thu hoạch (từ tháng 11 – tháng 1), một đại lý địa phương có thể thu mua trên 200 tấn cà phê, lợi nhuận thu được khoảng 10-60 triệu đồng/vụ, tổng lợi nhuận hàng năm của một đại lý nhỏ đạt 30 - 100 triệu đồng.

Theo kết quả điều tra, lợi nhuận của đại lý/doanh nghiệp thu mua cà phê đạt 150 đồng/kg. Đối với một doanh nghiệp cà phê thu mua bình quân trong 3 tháng thu hoạch có thể thực hiện luân chuyển mua bán hơn 1.000 tấn cà phê, như vậy, doanh nghiệp có thể thu tổng lợi nhuận khoảng 1 – 1,5 tỷ đồng.

Hầu hết các cơ sở thu mua đều có khó khăn về vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, thiếu thông tin thị trường là một trong các hạn chế để mở rộng liên kết và mang lại lợi ích cho các hộ khi tham gia.

c, *Đối với doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu:* chi phí 16.350 đồng/kg và lợi nhuận 2.000 đồng/kg. Như vậy, bình quân 1 tấn cà phê doanh nghiệp thu lợi nhuận 2 triệu đồng.

2.2.3. Những khó khăn đối với sản xuất kinh doanh cà phê

Trong những năm gần đây, mặc dù ngành hàng Cà phê của nước ta có những bước phát triển nhanh chóng cả về diện tích và sản lượng, song lợi thế trên thị trường thế giới phần lớn vẫn thuộc về các doanh nghiệp nước ngoài có thương hiệu và tiềm lực tài chính mạnh. Đây là sự thua thiệt lớn về giá trị xuất khẩu của cà phê Việt Nam. Nguyên nhân chính được nêu ra là do xuất khẩu cà phê của nước ta vẫn chủ yếu ở dạng thô, nên không có thương hiệu. Phần lớn cà phê xuất khẩu của Việt Nam lại trở thành nguyên liệu của nhiều nước, dùng để chế biến sâu và tái xuất lại tiêu thụ ở nước ta dưới dạng cà phê bột, hòa tan, pha sẵn... Theo phân tích của các chuyên gia, tuy khối lượng cà phê xuất khẩu nhiều nhưng giá trị lại thấp so với một số nước trên thị trường quốc tế - do khoảng 80% sản lượng cà phê được sơ chế khô tại các hộ gia đình với sân phơi tạm bợ. Thêm nữa, phải kể đến các máy móc, thiết bị sơ chế của người dân còn lạc hậu, cộng với cà phê không đáp ứng đủ tiêu chuẩn về độ chín, còn lẫn nhiều tạp chất.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Bên cạnh đó, cà phê Việt hiện đang phải đối mặt với không ít những thách thức, bao gồm cả khách quan và chủ quan:

Về yếu tố khách quan: Những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu với trình trạng thời tiết cực đoan đã đặt các vùng trồng cà phê vào vị trí nguy hiểm. Theo Trung tâm Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế (CIAT), nhiệt độ tăng và lượng mưa thay đổi có thể khiến nước ta mất 50% diện tích sản xuất cà phê ~~Robusta~~Robusta hiện tại vào năm 2050. Hơn nữa, trong những năm tới, sản xuất cà phê Việt chủ yếu dựa vào 3 nhóm. 50% tổng số thuộc nhóm cây từ 10 - 15 tuổi - nhóm cho năng suất cao nhất; 30% cây là từ 15 - 20 tuổi và khoảng 20% trên 20 tuổi - nhóm không thể đảm bảo năng suất. Vậy nên, nếu không được cải tạo trong vài năm tới, cây già sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất và chất lượng cà phê của nước ta.

Về yếu tố chủ quan.: Diện tích cây cà phê mới trồng đã tăng đáng kể trong thời gian gần đây, nhưng hầu hết lại nằm ở những khu vực không phù hợp - đất nông, dốc cao, thiếu nước tưới,... Do đó, mặc dù diện tích trồng được cải thiện nhưng lại không đạt được hiệu quả kinh tế, do năng suất thấp và chi phí sản xuất cao. Các biện pháp canh tác, thâm canh được áp dụng trong quá khứ đã sử dụng quá nhiều đầu vào (phân bón, tưới tiêu,...) để đạt được năng suất tối đa. Dẫn đến cây cà phê không chỉ nhanh chóng cạn kiệt và mất khả năng sản xuất, mà còn gây phá hủy tài nguyên nước ngầm và ô nhiễm đất - nhiều bệnh và sâu bệnh hình thành, đặc biệt là nấm và tuyến trùng rễ. Những hình thức sản xuất với quy mô nhỏ, phân tán và độc lập của các hộ nông dân đã dẫn đến tình trạng sản xuất chất lượng thấp và không ổn định. Sự khác biệt của đầu tư, thu hoạch và chế biến đã phần nào ảnh hưởng đến chất lượng của toàn bộ ngành Cà phê Việt Nam.

Sản xuất cà phê những năm gần đây của các hộ đang gặp nhiều khó khăn, đây là một trong những nguyên nhẫn dẫn đến một số hộ dân đang có xu hướng chuyển đổi từ cây cà phê sang cây trồng khác để có hiệu quả kinh tế cao hơn. Nhìn chung, thực trạng sản xuất và tiêu thụ cà phê của nông dân hiện nay đang gặp nhiều khó khăn và thiếu bền vững, quy mô sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, diện tích cà phê già cỗi chiếm tỷ lệ khá cao; kỹ thuật canh tác chưa hợp lý (bón phân không cân đối; lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật; tưới nước quá mức cần thiết; chưa coi trọng cây che bóng, chắn gió; thu hái không đảm bảo độ chín); khâu chế biến, bảo quản thiếu đồng bộ; khâu tiêu thụ, xuất khẩu còn yếu, thiếu liên kết với thị trường tiêu thụ; người sản xuất cà phê chưa có tiếng nói đủ mạnh trong các quan hệ liên kết ngành hàng, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp đầu vào và đầu ra, nên thường chịu

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

thiệt thòi và chưa bảo vệ được lợi ích của chính mình. Ý kiến và nguyện vọng của người sản xuất cà phê chưa được phản ánh đầy đủ trong quá trình xây dựng chính sách.

Một số mô hình liên kết nông dân đã được thành lập gần đây như nhóm hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã hoạt động khá hiệu quả. Tuy nhiên, hình thức này chưa nhiều, quy mô nhỏ, vẫn phụ thuộc vào các tác nhân cung ứng dịch vụ, chưa hình thành chuỗi giá trị có hiệu quả, chủ yếu tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh mà chưa phát huy được tiếng nói và vị thế của người dân. Thời gian qua, nhiều chủ trương, chính sách, chương trình, dự án đã ban hành đã có sự quan tâm đáng kể đối với ngành cà phê, song đối tượng cần tập trung nhiều nhất là nông dân thì lại thiếu chính sách hợp lý. Các cơ chế, chính sách tác động nhiều về mặt kỹ thuật, trong khi đó các chính sách thúc đẩy liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân chưa phát huy hiệu quả rõ nét.

Qua ý kiến khảo sát của các hộ, không nhiều hộ biết và tiếp cận được các nguồn lực từ chính sách hỗ trợ của nhà nước để phát triển sản xuất như ưu đãi tín dụng, hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp, hỗ trợ vật tư đầu vào hay các chính sách liên quan đến chương trình thúc đẩy liên kết tiêu thụ sản phẩm. Theo phân tích từ kết quả điều tra, có tới hơn 70% số hộ không biết hoặc chưa từng nghe về các chính sách này. Chính sách các hộ tiếp cận được chủ yếu liên quan đến hỗ trợ về kỹ thuật sản xuất thông qua việc các doanh nghiệp hoặc cơ sở thu mua tổ chức tập huấn. Một số hộ tiếp cận được chính sách tái canh cây cà phê thông qua việc hỗ trợ giống. Tuy nhiên, các chính sách này đã được các hộ tiếp cận từ năm 2015. Có tới 75% các hộ mong muốn được tiếp cận với các chính sách vay ưu đãi vào đầu vụ để đầu tư vào sản xuất đầu vụ để các hộ có chi phí để đầu từ vào sản xuất. Ngoài ra, người dân mong muốn được nhận các hỗ trợ như phát triển vùng sản xuất, đường vào vùng nguyên liệu,...

2.2.4. Các tiêu chuẩn bền vững cần thực hiện khi tham gia các liên kết.

Các doanh nghiệp trên địa bàn khảo sát cho biết việc canh tác ứng dụng kỹ thuật tiêu chuẩn an toàn bền vững là xu thế và đang được các doanh nghiệp coi là điều kiện tiên quyết để ký kết hợp đồng với đại lý, thương lái và nông dân. Các doanh nghiệp có nhu cầu tiêu chuẩn khác nhau, song tập chung chính tại 2 tiêu chuẩn là 4C, UTZ certified và Vietgap.

Việc canh tác có ứng dụng kỹ thuật tiêu chuẩn an toàn bền vững là chiến lược lâu dài, bởi người dân bán cà phê có chứng nhận chỉ hưởng mức giá thưởng. Đại lý chỉ chi trả

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

cho nông hộ với giá trị bằng khoảng 1/3 so với tổng mức giá thưởng. Các sản phẩm cà phê có chứng nhận hay không đều được tiêu thụ theo mức giá thị trường. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cà phê chứng nhận, thu hút các doanh nghiệp có uy tín đầu tư xây dựng nhà máy chế biến để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững ngành hàng cà phê.

Tiêu chuẩn 4C:

Cà phê canh tác theo tiêu chuẩn 4C (canh tác dựa trên những tiêu chuẩn về kinh tế, môi trường, xã hội) được xem là loại hình phổ biến nhất do yêu cầu kỹ thuật ở mức cơ bản dễ tiếp cận đối với người dân. Cà phê 4C được những người nông dân trồng với cam kết giảm thiểu sử dụng thuốc trừ sâu nhằm bảo vệ môi trường, đảm bảo môi trường làm việc tốt nhất cho người làm việc, và nhiều hơn thế nữa. Tính đến 2014, hơn 397.000 nông dân và 1.176.000 nhân công trên thế giới tuân theo quy tắc 4C[2]. Tính đến cuối năm 2014, tỉnh Lâm Đồng có hơn 193.000 tấn cà phê được sản xuất theo tiêu chuẩn 4C.[3]

Tiêu chuẩn UTZ Certified

UTZ Certified là chương trình chứng nhận toàn cầu đảm bảo sản xuất một cách có trách nhiệm. Chương trình này bao gồm hỗ trợ nông dân thông qua đào tạo, bảo vệ môi trường thông qua kiểm định nghiêm ngặt các chất độc hại và đất đai canh tác, quan tâm đến đời sông công nhân và cộng đồng một cách toàn diện thông qua thiết lập các tiêu chuẩn đối với người sản xuất cà phê: về cơ sở vật chất y tế, giáo dục, nước sinh hoạt và nhà ở đáp ứng nhu cầu của cả cộng đồng. UTZ Certified hoạt động tại Việt Nam theo giấy phép số 40-000001, cấp lần đầu ngày 25/10/2006. Tính đến thời điểm 2017, 22 đơn vị nhà máy chế biến xuất khẩu, 30.798 hộ với diện tích 43,9 nghìn ha cà phê có chứng nhận UTZ Certified. Tỉnh Lâm Đồng có 7.781 hộ với 15.647 ha cà phê đạt chuẩn chứng nhận này.4

Tiêu chuẩn VietGAP

Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho cà phê được ban hành theo Quyết định số 2998/QĐ-BNN-TT ngày 9/11/2010, quy định các nguyên tắc, nội dung,

[2] Diễn đàn đối thoại và triển vọng ngành hàng cà phê 2014
[3] Báo cáo Diễn đàn đối thoại và triển vọng ngành hàng cà phê 2014
[4] Báo cáo hoạt động cập nhật đến 24/9/2018 của tổ chức chứng nhận UTZ tại việt nam

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

phương thức quản lý và thực hành các hoạt động trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh, kiểm tra và chứng nhận sản phẩm cà phê nhân tại Việt Nam.

Để tiếp tục nâng cao giá trị sản phẩm cà phê, tỉnh Lâm Đồng đang tập trung nhiều giải pháp để thúc đẩy phát triển cà phê theo chuỗi nông sản toàn cầu, trong đó có việc đẩy mạnh thực hiện đề án tái canh cà phê; xây dựng vùng sinh thái để chuyển sang trồng cà phê chè, nơi đây có thổ nhưỡng phù hợp với sinh thái cà phê chè, đặc biệt là tại Cầu đất- Đà Lạt.

2.3. Thương mại cà phê

2.3.1. Tiêu dùng cà phê trong nước

Sự vươn lên mạnh mẽ của Việt Nam trên thị trường cà phê thế giới đã khiến nhiều nhà nghiên cứu bất ngờ. Vượt lên nhiều đất nước nổi tiếng về xuất khẩu cà phê như Colombia, Indonesia, Việt Nam trở thành đất nước xuất khẩu cà phê lớn thứ hai thế giới.

Những năm gần đây, sự phát triển của các hàng quán cà phê, hệ thống cung ứng cà phê, nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng (NTD), tiêu thụ cà phê trong nước tăng nhanh (với 2/3 là cà phê bột rang xay, 1/3 là cà phê hòa tan).

Chính phủ Việt Nam từ lâu đã nhận ra cơ hội ở thị trường sản xuất kinh doanh cà phê hòa tan, đây là một ngành phát triển khá nhanh. Do vậy, Việt Nam đã tăng cường hỗ trợ các nhà máy sản xuất cà phê trong nước. Tuy nhiên, cà phê sau khi được sản xuất chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ ở thị trường bên ngoài, mà tại đây loại đồ uống chính vẫn là trà. Trong khi đó, so sánh với Brazil, quốc gia sản xuất cà phê lớn nhất thế giới, khoảng 50% sản lượng cà phê ~~Arabica~~Arabica được tiêu thụ trong nước, đặc biệt mức tiêu thụ nội địa đang có xu hướng tăng mạnh so với mức tiêu thụ trung bình của thế giới.

Bảng 8: Định hướng phát triển ngành cà phê chế biến trong nước

		Năm 2020	Năm 2030
Cà phê bột (rang xay)	Số cơ sở chế biến	160	160
	Công suất (tấn/năm)	50.000	50.000
Cà phê hòa tan	Số nhà máy chế biến	19	19
	Công suất (tấn/năm)	255.000	350.000

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và PTNT

Hiện nay, cả nước có 97 cơ sở chế biến cà phê nhân, 160 cơ sở chế biến cà phê rang xay, 8 cơ sở chế biến cà phê hòa tan và 11 cơ sở chế biến cà phê phối trộn. Cụ thể, gồm có:

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

97 cơ sở chế biến cà phê nhân - với tổng công suất thiết kế 1,503 triệu tấn, tổng công suất thực tế đạt 83,6%; 160 cơ sở chế biến cà phê rang xay - tổng công suất thiết kế 51,7 nghìn tấn sản phẩm/năm; 8 cơ sở chế biến cà phê hòa tan - tổng công suất thiết kế 36,5 nghìn tấn sản phẩm/năm, tổng công suất thực tế đạt 97,9%; 11 cơ sở chế biến cà phê phối trộn - tổng công suất thiết kế 139,9 nghìn tấn sản phẩm/năm, tổng công suất thực tế đạt 81,6%. Cà phê bột của Trung Nguyên, cà phê hòa tan của Vinacafe, Trung Nguyên không những chiếm lĩnh được thị trường trong nước mà còn được hoan nghênh ở nhiều thị trường trong khu vực, đồng thời đã bước đầu xây dựng được thương hiệu cà phê Việt.

Hình 1617: Tiêu dùng cà phê trong nước của Việt Nam

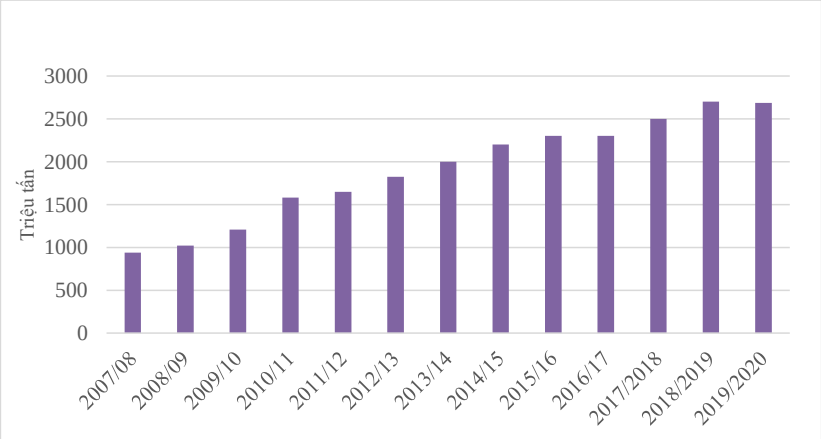

Nguồn: ICO, 2020

Theo số liệu thống kê của ICO, tiêu thụ cà phê nội địa tại Việt Nam tăng trưởng tương đối đều đặn trong 10 năm qua với mức tăng trưởng bình quân 8,3%/năm, năm 2019/2020 tiêu thụ nội địa chững lại, ở mức gần tương đương năm trước là 161 triệu tấn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

USDA ước tính tồn kho cuối kỳ mùa vụ 2019/2020 của Việt Nam sẽ tăng gấp đôi ở mức 4,1 triệu bao trong khi tiêu thụ nội địa của Việt Nam được dự đoán chỉ tăng nhẹ so với niên vụ trước với khoảng 3 triệu bao.

Niên vụ 2020/2021 tồn kho được dự báo ở mức 5,5 triệu bao. Trong vụ mùa mới này, dự báo Việt Nam sẽ xuất khẩu tăng 2,13% tương đương 500.000 bao so với niên vụ

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

trước đó với tổng số 24 triệu bao cà phê xanh. Tiêu thụ nội địa ở Việt Nam dự báo sẽ ở mức 3,1 triệu bao trong niên vụ 2020/2021, cao hơn cao hơn 3,23% so với niên vụ trước.

Bảng 9: Cung - cầu và tiêu thụ nội địa cà phê tại Việt Nam

Đơn vị: nghìn bao

STT	Niên vụ	2018/19	2019/20	2020/21*
1	**Tồn kho đầu kỳ**	**763.00**	**1,983.00**	**4,583.00**
2	**Tổng sản lượng**	**30,400.00**	**31,300.00**	**30,200.00**
2.1	Sản lượng ~~Arabica~~Arabica	1,064.00	1,100.00	1,033.00
2.2	Sản lượng ~~Robusta~~Robusta	29,336.00	30,200.00	29,167.00
3	**Tổng nhập khẩu**	**1,160.00**	**700.00**	**700.00**
3.1	Nhập khẩu cà phê	500.00	300.00	300.00
3.2	Nhập khẩu rang xay	500.00	300.00	300.00
3.3	Nhập khẩu hòa tan	160.00	100.00	100.00
4	**Tổng cung**	**32,323.00**	**33,983.00**	**35,483.00**
5	**Tổng xuất khẩu**	**27,400.00**	**26,300.00**	**26,850.00**
5.1	Xuất khẩu cà phê	24,700.00	23,500.00	24,000.00
5.2	Xuất khẩu cà phê rang xay	550.00	550.00	550.00
5.3	Xuất khẩu hòa tan	2,150.00	2,250.00	2,300.00
6	Tổng tiêu thụ nội địa	2,940.00	3,100.00	3,200.00
6.1	Tiêu thụ cà phê rang xay	2,550.00	2,600.00	2,650.00
6.2	Tiêu thụ cà phê hòa tan	390.00	500.00	550.00
7	Tồn kho cuối kỳ	1,983.00	4,583.00	5,433.00

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

*Nguồn: USDA. * Ước tính*

Theo USDA ước tính thụ nội địa của Việt Nam chiếm 10% tổng sản lượng, đạt khoảng 3,1 triệu bao vào niên vụ 2019/2020. Tăng trưởng tiêu thụ tại chuỗi quá cà phê và ở nhà vẫn được duy trì ổn tại thị trường nội địa. Thêm vào đó, tiêu thụ cà phê hoà tan đang dần gia tăng. Chính phủ hạ mục tiêu tăng trưởng GDP - thu nhập bình quân đầu người Việt Nam từ 6,8% xuống còn 4,5% -5,4% do Covid 19. Điều này có thể dẫn đến giảm tiêu thụ của giới thượng lưu và thị trường thay thế các sản phẩm cà phê có giá rẻ hơn. Dự kiến tiêu thụ vụ 2020/21 của Việt Nam đạt mức khoảng 3,2 triệu bao. USDA ước tính tồn kho vụ 2019/20 USDA dự kiến ở khoảng 4,6 triệu bao, vụ 2020/21 là 5.5 triệu bao.

Về thói quen tiêu dùng cà phê của người tiêu dùng Việt Nam:

Kết quả một cuộc khảo sát gần đây có tên là "360- Degree View of the Consumer Journey from Purchase to Usage for In and Out of home consumption '' của Công ty nghiên cứu thị trường Kantar Worldpanel nghiên cứu về tiêu thụ các loại đồ uống không cồn tại TP. Hồ Chí Minh trong 9 tháng đầu năm 2020 cho thấy, tiêu dùng ngoài nhà (OOH) chiếm gần 60% tổng chi tiêu cho đồ uống không cồn (NAB).

Hình 1718: Chi tiêu trong và ngoài nhà đối với đồ uống không cồn.

Commented [TV7]:

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

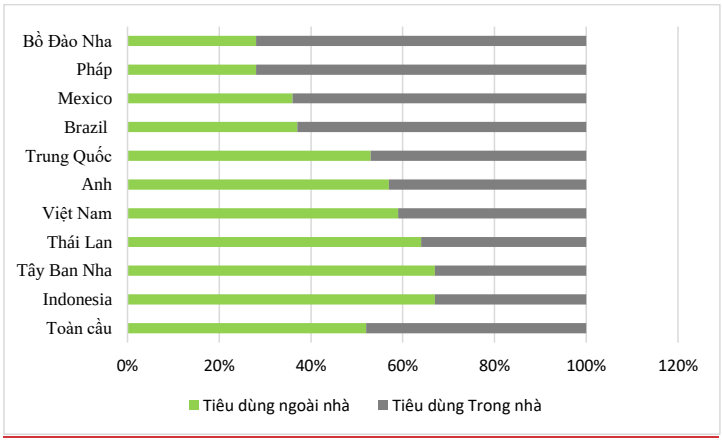

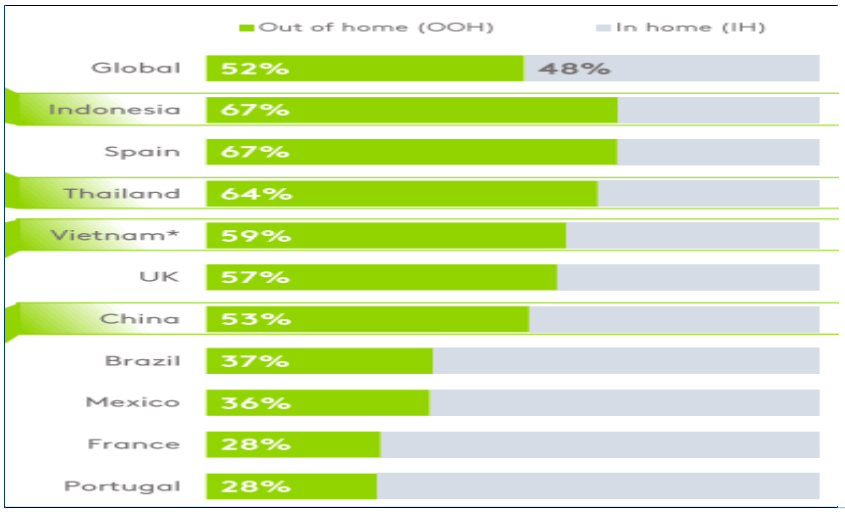

Nguồn: Khảo sát của Kantar Worldpanel

Trung bình mỗi năm người dân TP. Hồ Chí Minh tiêu 2,9 triệu cho đồ uống không chứa cồn tại nhà, số lượt mua sắm là 35 lần, trung bình mỗi lần là 83 nghìn đồng. Trong khi đó, chi tiêu đối với đồ uống không chứa cồn ngoài nhà là 1,6 triệu đồng, với số lần ra ngoài uống là 64 lần, mỗi lần trung bình 26n nghìn đồng.

Hình 1819: Ttiêu thụ đồ uống không cồn trung bình trong năm của mỗi cá nhân

Formatted: Centered

Commented [hp8]: Vẽ lại dùng excel, chuyển tên nước sang tiếng việt

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Chỉ tiêu	Trong nhà	Ngoài nhà
Chi tiêu trung bình mỗi cá nhân (VND/ năm)	2,9 triệu đồng	1,6 triệu đồng
Tần suất (lần/ năm)	35	64
Chi tiêu mỗi lần (VND/ lần)	83 nghìn đồng	26 nghìn đồng

Formatted: Left
Formatted: Left
Formatted: Left
Formatted: Normal

Formatted: Right

Nguồn: Khảo sát của Kantar Worldpanel

Trung bình mỗi năm người dân TP. Hồ Chí Minh tiêu 2,9 triệu cho đồ uống không chứa cồn tại nhà, số lượt mua sắm là 35 lần, mỗi lần là 83 nghìn đồng. Trong khi đó, chi tiêu đối với đồ uống không chứa cồn ngoài nhà là 1,6 triệu đồng, với số lần ra ngoài uống là 64 lần, mỗi lần trung bình 26 nghìn đồng.

Người tiêu dùng cũng chi nhiều hơn cho cà phê ngoài nhà vì 69% tổng chi phí cho đồ uống này được thực hiện tại các quán cà phê và nhà hàng.

Hình 1920: Cà phê tiêu dùng trong và ngoài nhà

Formatted: Font: (Default) Arial, Bold
Formatted: Centered, Indent: Hanging: 0.5 cm

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Nguồn: Khảo sát của Kantar Worldpanel

Khi người dân đi uống nước, cà phê là lựa chọn phổ biến nhất ở Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là ở dạng pha sẵn. Trà, là đồ uống phổ biến thứ 2 ở TP. Hồ Chí Minh, được mua trung bình hai lần mỗi quý. Giống như cà phê, thị trường tiêu thụ ở ngoài nhà chiếm 87% tổng chi tiêu cho trà trong khi trà tiêu thụ tại nhà chỉ chiếm 13%.

Formatted: Font: (Default) Arial, Bold

Formatted: Centered, Indent: Hanging: 0.25 cm

Formatted: Justified, Indent: First line: 1.27 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li, Pattern: Clear

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Hình 2021: Chi tiêu cho NAB

~~Khi người dân đi uống nước, cà phê là lựa chọn phổ biến nhất ở Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là ở dạng pha sẵn. Trà, là đồ uống phổ biến thứ 2 ở TP. Hồ Chí Minh, được mua trung bình hai lần mỗi quý. Giống như cà phê, thị trường tiêu thụ ở ngoài nhà chiếm 87% tổng chi tiêu cho trà trong khi trà tiêu thụ tại nhà chỉ chiếm 13%.~~

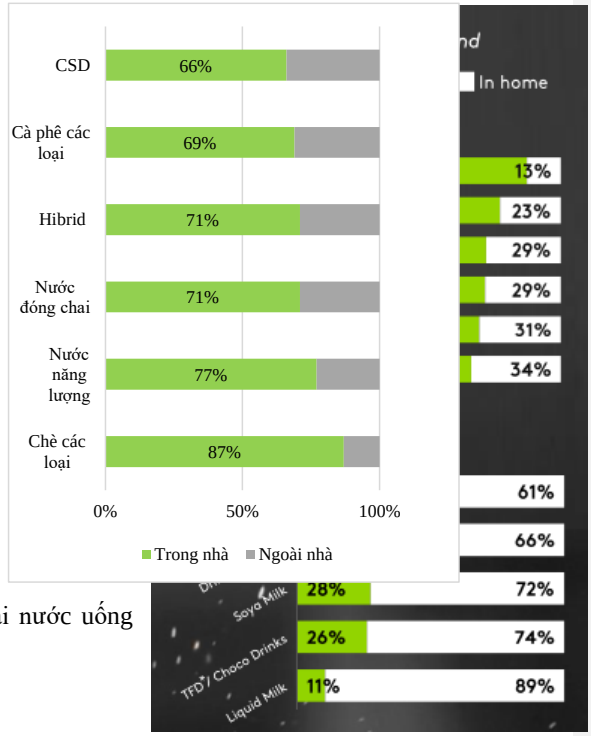

Nhưng xét về góc độ người người tiêu dùng, cà phê chỉ đạt hơn 690% người uống tại nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trà có số người uống nhiều nhất ở TP. Hồ Chí Minh, với mức 8790% người dùng, mức lớn nhất trong tất cả các loại nước uống không cồn.

Theo Kantar Worldpanel, khi uống ở nhà, người Sài Gòn có những lựa chọn khác nhau. Nước trái cây là thức uống phổ biến nhất để tiêu thụ tại nhà, trong khi trà và cà phê lần lượt đứng thứ hai và thứ ba. Tuy nhiên, trà và cà phê được thưởng thức ở nhà có nhiều dạng khác với những gì mọi người uống ở cửa hàng, đ. Đó là trà lá và cà phê hòa tan.

Nguồn: Khảo sát của Kantar Worldpanel

;

~~*Nguồn: Khảo sát của Kantar Worldpanel*~~*Nguồn: Khảo sát của Kantar Worldpanel*

Formatted: Left

Formatted: Justified, Indent: First line: 0 cm, Pattern: Clear (White)

Formatted: Justified

Formatted: Justified, Indent: First line: 0 cm, Pattern: Clear (White)

Formatted: Right

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

2.3.2. Xuất khẩu cà phê 2020

Xuất khẩu cà phê tháng 12/2020 ước đạt 85 nghìn tấn, trị giá 170 triệu USD, tăng 1,5% về lượng và tăng 5,5% về trị giá so với tháng 11, nhưng giảm 54,7% về lượng và giảm 48% về trị giá so với tháng 12/2019. Lũy kế cả năm 2020, xuất khẩu cà phê ước đạt 1,51 triệu tấn, trị giá 2,66 tỷ USD, giảm 8,8% về lượng và giảm 7,1% về trị giá so với năm 2019.

Tháng 12, giá xuất khẩu bình quân cà phê ước đạt mức 2.000 USD/tấn, tăng 4% so với tháng 11 và tăng 14,9% so với tháng 12/2019. Năm 2020, giá xuất khẩu bình quân cà phê ước đạt mức 1.759 USD/tấn, tăng 1,8% so với năm 2019. Thông tin từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê ~~robusta~~Robusta tháng 11 đạt 70,78 nghìn tấn, trị giá 111 triệu USD, giảm 25,1% về lượng và giảm 22,1% về trị giá so với tháng 11/2019. Trong 11 tháng năm 2020, xuất khẩu cà phê ~~robusta~~Robusta đạt 1,22 triệu tấn, trị giá 1,82 tỷ USD, giảm 2,9% về lượng và giảm 4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu cà phê ~~robusta~~Robusta sang nhiều thị trường chính giảm, như: Đức, Mỹ, Tây Ban Nha, Nga, Bỉ, Thái Lan. Ngược lại, xuất khẩu cà phê ~~robusta~~Robusta sang các thị trường chính khác tăng, như: Italy, Nhật Bản, Algeria, Philippines. Kim ngạch xuất khẩu cà phê chế biến tháng 11 tăng 0,3% so với tháng 11/2019, đạt 46,14 triệu USD. Tuy nhiên, trong 11 tháng năm 2020 kim ngạch xuất khẩu cà phê chế biến giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 524,8 triệu USD. Trong đó, xuất khẩu cà phê chế biến sang thị trường Philippines, Trung Quốc giảm, nhưng xuất khẩu sang Nga, Mỹ, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Đức tăng.

Theo dự báo của Chủ tịch Hiệp hội cà phê- Ca cao, với việc sản lượng cà phê toàn cầu và Việt Nam đang có xu hướng giảm như hiện nay, giá cà phê có thể tiếp tục tăng trong năm 2021.Vụ cà phê năm nay của Việt Nam bị mất mùa và thu hoạch trễ hơn so với các năm trước nên chưa tạo áp lực lên thị trường. Theo đó, vụ mùa năm nay, kỹ thuật thu hái và phơi sấy sau thu hoạch đã được quan tâm nhiều hơn, tạo động lực đẩy giá cà phê đi lên. Tồn kho cà phê tại các kho cảng trên thế giới đã giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm qua là tín hiệu lạc quan cho thấy thị trường xuất khẩu cà phê sẽ cải thiện trong năm 2021. Các thị trường nhập khẩu cà phê lớn của Việt Nam đều gặp thiệt hại lớn vì dịch COVID-19 và tiếp tục thực hiện giãn cách xã hội ở mức cao, tăng cường nhu cầu tiêu thụ cà phê tại nhà. Tuy nhiên việc giá cà phê phục hồi hay không sẽ phải phụ thuộc rất nhiều vào mức độ phục hồi của ngành du lịch sau đại dịch COVID-19 do ngành này tiêu thụ cà phê rất lớn.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản cho rằng cùng với thông tin thử nghiệm vắc xin, sẽ thúc đẩy lượng xuất khẩu tăng lên, dự báo xuất khẩu cà phê sẽ có nhiều tín hiệu lạc quan trong những tháng đầu năm 2021. Xuất khẩu ~~robusta~~Robusta khả năng tiếp tục tăng cao khi nhu cầu cà phê hòa tan tại nhà nhiều hơn trong bối cảnh các nước áp đặt các biện pháp hạn chế tiếp xúc để ngăn chặn dịch COVID-19.

Tổng cục Thống kê Việt Nam ước tính xuất khẩu cà phê trong tháng 12 sẽ thấp hơn 54,70% so với cùng kỳ năm ngoái, tổng cộng xấp xỉ 1.416.667 bao, nâng xuất khẩu cà phê của cả nước cho năm dương lịch 2020 sẽ thấp hơn 8,80% so với năm 2019, ở mức tổng cộng 25.183.333 bao. Ước tính giá trị xuất khẩu cà phê của cả nước trong năm dương lịch 2020, sẽ thấp hơn 7,20% so với năm 2019, với tổng số khoảng 2,70 tỷ USD.

Cà phê vụ mới được chuyển từ nội địa ra cảng. Chi phí vận tải biển từ khu vực này đến các thị trường khác trên thế giới gia tăng đáng kể nhưng chỉ trong thời gian tương đối ngắn, chủ yếu là do nhu cầu hàng hóa thành phẩm tăng lên các thị trường tiêu dùng lớn trong tháng 12.

Hình 2122: Xuất khẩu cà phê theo lượng và kim ngạch

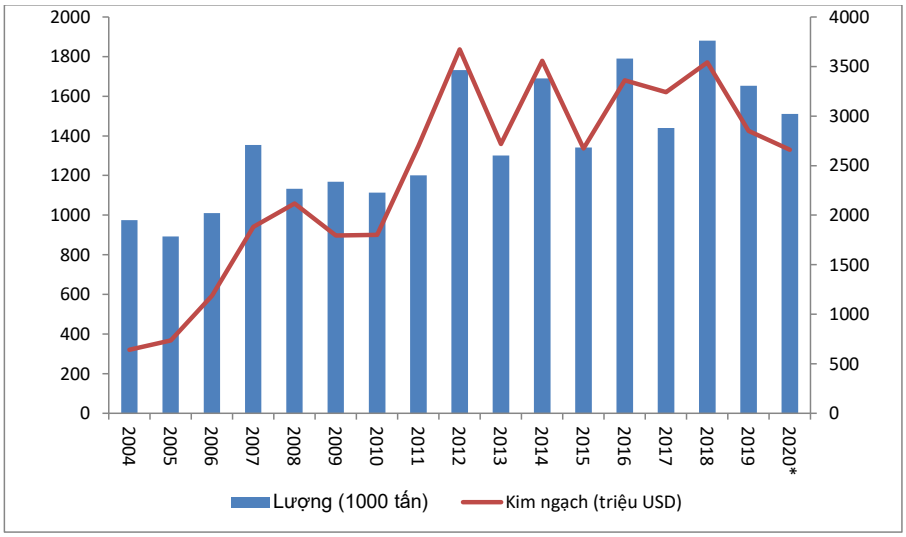

Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2019

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Tổng kết năm 2020, các sản phẩm cà phê Việt Nam đã xuất khẩu đến hơn 80 quốc gia và vùng lãnh thổ, chiếm 14,2% thị phần xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu (đứng thứ 2, sau Brazil); đặc biệt, cà phê rang xay và hòa tan xuất khẩu đã chiếm 9,1% thị phần (đứng thứ 5, sau Brazil, Indonesia, Malaysia và Ấn Độ), tạo ra nhiều cơ hội cũng như triển vọng cho ngành cà phê khi Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào thị trường quốc tế thông qua các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết. EU là thị trường tiêu thụ nhiều nhất cà phê của Việt Nam, chiếm 40% trong tổng lượng và 38% về tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước; tiếp theo là Đông Nam Á, chiếm 13% tổng lượng và tổng kim ngạch.

Hình 2223: Xuất khẩu cà phê theo tháng của Việt Nam

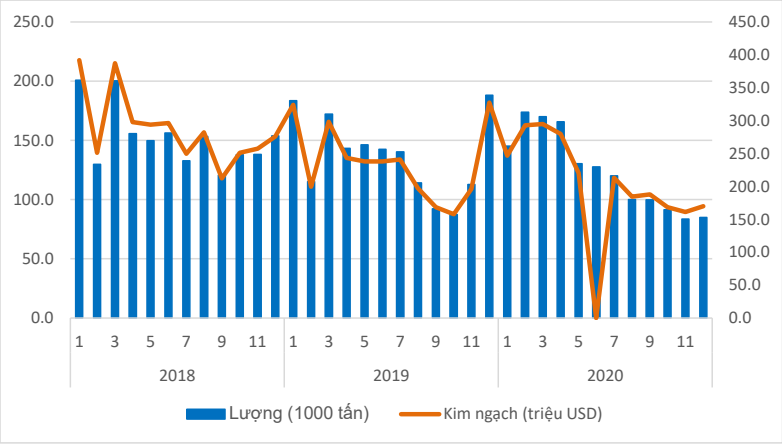

Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2019

Về thị trường xuất khẩu, Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam với thị phần lần lượt là 14,83% và 10,71%. Thị phần kim ngạch xuất khẩu các thị trường chính nhìn chung đều giảm so với năm 2019.

Hình 2324: Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam 19/20

Commented [hp9]: Năm 2019 ko thấy mục "khác"

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

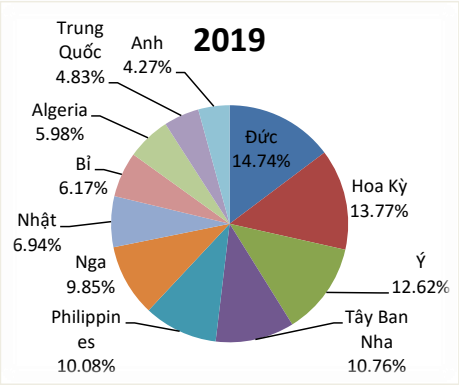

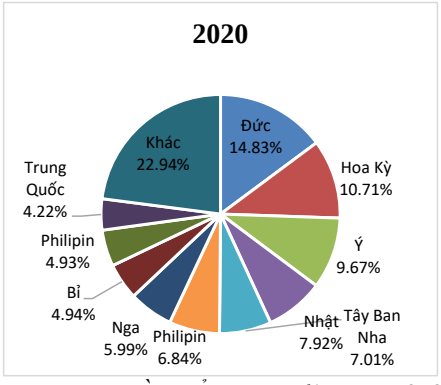

Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2020

EU là thị trường tiêu thụ nhiều nhất các loại cà phê của Việt Nam, chiếm 42,8% trong tổng lượng và chiếm 42,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước với trị giá 1,06 tỷ USD, so với năm 2018 giảm 16 % về kim ngạch.

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đã có hiệu lực từ ngày 01/8/2020, sau khi Hiệp định có hiệu lực EU xóa bỏ mức thuế 7,5-9% ngay lập tức cho cà phê nhân (rang, rang xay) và 9-11,5% trong vòng 3 năm cho một số chế phẩm từ hạt cà phê bao gồm cà phê hòa tan, tinh chất chứa cà phê. EU cũng đã công nhận và bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam, trong đó có cà phê Buôn Mê Thuột. Để được hưởng các ưu đãi thuế quan theo EVFTA, cà phê phải có xuất xứ thuần túy, tức là được trồng tại Việt Nam; Đối với các chế phẩm từ cà phê: không tái sản xuất lại từ các sản phẩm không xuất xứ trong cùng nhóm với sản phẩm đầu ra; và trọng lượng đường sử dụng trong sản phẩm không được vượt quá 40% trọng lượng sản phẩm.

Ngày 16/9, tại Gia Lai, lô cà phê đầu tiên của Việt Nam đã chính thức xuất khẩu sang thị trưng EU theo EVFTA. Đợt xuất khẩu này, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp đã xuất khẩu 14 container với số lượng 296 tấn sang Cảng đến Hamburg, Antwerp của Bỉ và Đức. Hằng năm, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp xuất khẩu khoảng 50-70 tấn cà phê các loại cho thị trường thế giới, trong đó, xuất sang thị trường châu Âu chiếm 60%. Doanh thu kim ngạch xuất khẩu đạt 150 triệu USD. Niên vụ 2019-2020, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp đã xuất sang thị trường Châu Âu khoảng 34.000 tấn cà phê, gồm các sản phẩm như cà phê rang xay, cà phê hòa tan, cà phê tinh và cà phê sạch. Hiện sản phẩm cà phê của Công ty TNHH Vĩnh

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Hiệp đã đạt toàn bộ các chứng chỉ Quốc tế cho 25.000 ha cà phê của đơn vị, từ các chứng chỉ của Hoa Kỳ, Nhật Bản, châu Âu, Hàn Quốc, kể cả chứng chỉ của các tổ chức bền vững; trong đó, có Hà Lan về FOSI, DELFORES. Đặc biệt, Công ty TNHH Vĩnh Hiệp là doanh nghiệp cà phê đầu tiên của Việt Nam đạt được chứng nhận USDA của Hoa Kỳ.

Hiện nay, Việt Nam đã có hai chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm cà phê là "Cà phê Buôn Ma Thuột" và chỉ dẫn địa lý "Cà phê Sơn La". Theo Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột, đã có 12 doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu cà phê nằm trong vùng địa danh được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý Cà phê Buôn Ma Thuột; có 15 dòng sản phẩm cà phê rang xay của 11 doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn, chất lượng được đưa ra thị trường với chỉ dẫn, logo Cà phê Buôn Ma Thuột. EU đã chấp nhận chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Mê Thuột với thương hiệu "Buôn Ma Thuột Coffee".

Theo Vicofa, niên vụ cà phê 2019-2020, Việt Nam đã xuất khẩu 1,6 triệu tấn. So với niên vụ 2018-2019, sản lượng sụt giảm 15%. Nguyên nhân do bão lũ, thời tiết thay đổi, giá cà phê xuống 4 năm liên tục nên người dân cũng không mặn mà. Trong những năm vừa qua, Việt Nam có nhiều thay đổi. Ngoài xuất khẩu cà phê nhân, Việt Nam cũng đẩy mạnh sang chế biến và xuất khẩu cà phê rang xay, hòa tan (chiếm khoản 12%). Việt Nam cũng đẩy mạnh tiêu thụ cà phê nội địa với sự trở lại của rất nhiều thương hiệu Việt và chuỗi cung ứng quốc tế đến từ các công ty trong ngành, sự tăng nhanh của các hệ thống chuỗi, đưa sản lượng tiêu thụ nội địa trong nước hiện nay đạt trên 10%. Hiện Vicofa cũng đang đẩy mạnh việc xúc tiến tiêu thụ cà phê trong nước, đẩy mạnh tiêu thụ cà phê rang xay, chế biến cũng như đẩy mạnh văn hóa thưởng thức cà phê cao cấp.

Mặc dù có sự sụt giảm đáng kể, nhưng Việt Nam đứng trước các cơ hội rất lớn từ hơn 14 Hiệp định thương mại đã được ký kết, trong đó có một số hiệp định lớn với EU, CP TPP giúp Việt Nam có cơ hội được hưởng lãi suất chỉ từ 0-6% khi gia nhập các thị trường lớn cũng như mang lại nguồn lợi cho các nhà đầu tư khi đầu tư tại thị trường Việt Nam dự kiến đạt từ 15%-20% (lợi nhuận/ doanh thu…) đến năm 2030. Việt Nam đang đứng trước cơ hội hiếm có để bứt phá và vươn mình thành cường quốc số 1 về cà phê. Theo các chuyên gia, nếu nâng cao giá trị ngành cà phê, Việt Nam sẽ có cơ hội đạt được 2 thành tựu quan trọng. Thứ nhất là giúp cho 10% sản lượng cà phê nhân xuất khẩu thành cà phê thành phẩm xuất khẩu có giá trị cao. Thứ hai là gia tăng tiêu thụ cà phê ở thị trường nội địa từ 1.68 kg/người (năm 2019) lên 3 kg/người (năm 2023). Và chỉ khi có được sức mạnh nội lực,

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

vững chãi trên thị trường nội địa, cà phê Việt Nam mới có cơ hội để được đối xử bình đẳng, được tôn trọng, được trả giá đúng với giá trị mà người nông dân và các nhà sản xuất Việt Nam đã bỏ ra, góp phần tạo dựng nên thương hiệu chung cho ngành cà phê Việt Nam.

Theo ông Xiong Xiangren- Tổng giám đốc tập đoàn Hoogwood, một trong các công ty cà phê lớn nhất Trung Quốc, Chủ tịch Asian Coffee Association (ACA), t "Trong năm 2020, sản lượng tiêu thụ cà phê Trung Quốc nội địa đạt 350,000 tấn. Trong đó, việc tiêu thụ cà phê qua các nền tảng thương mại điện tử tăng lên 200%, lượng tiêu thụ offline chỉ còn chiếm khoảng 60%. Năm nay, sản lượng tiêu thụ cà phê nội địa ở Trung quốc đạt 250 tỷ nhân dân tệ, tăng gần 30% so với năm ngoái. Nếu chia bình quân trên đầu người là 9 cốc cà phê/người. Năm 2019, Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam hơn 30 ngàn tấn trên tổng 110 ngàn tấn, từ 84 quốc gia". Điều này có nghĩa là Việt Nam chiếm hơn 30% tổng lượng nhập khẩu cà phê vào một trong những thị trường lớn nhất thế giới này. Các sản phẩm xuất khẩu từ Việt Nam vào Trung Quốc bao gồm cả cà phê nhân xanh, rang xay, lẫn hòa tan, RTD. Việc thúc đẩy hợp tác giữa ACA và VICOFA sẽ hỗ trợ thúc đẩy B2B ở cả Việt Nam và xuất nhập khẩu, tăng kim ngạch nhập khẩu thương mại giữa hai quốc gia.

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Trước những rủi ro do đợt bùng phát dịch Covid-19 trên thế giới sức tiêu thụ cà phê toàn cầu đã bị ảnh hưởng. Đặc biệt, tại các nước kêu gọi giãn cách, như: Đức, Pháp, Bỉ, Áo, Anh..., các nhà hàng, quán bar đóng cửa, ảnh hưởng đến việc xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Theo dự báo của Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, giá cà phê tiếp tục có xu hướng tăng bởi diễn biến của thời tiết ở miền Trung và Tây Nguyên tương đối phức tạp, ảnh hưởng đến nguồn cung trong nước. Cà phê chín muộn do mưa nhiều sẽ đẩy thời gian thu hoạch kéo dài. Cà phê cũng là một trong những mặt hàng có mức tiêu thụ cao tại các thị trường này, đặc biệt là cà phê rang xay, hòa tan đang được các nước trên thế giới ưa chuộng do nhu cầu thưởng thức tại nhà tăng cao. Theo đó, các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê cần tận dụng cơ hội này để đẩy mức tăng trưởng xuất khẩu cà phê trong tháng cuối năm 2020 và đầu năm 2021.

2.2.3. Diễn biến giá cả

Trong niên vụ 2019/20, giá cà phê trong nước biến động theo xu hướng chung của thế giới. Giá cà phê giảm mạnh trong 2 quý đầu năm và hồi phục nhẹ trong quý III, IV trước khi khởi đầu xu hướng giảm vào tháng cuối cùng của năm khi Việt Nam bước vào giai đoạn thu hoạch cao điểm.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Hình 2426: Biến động giá cà phê nhân xô thu mua của một số thị trường trong nước

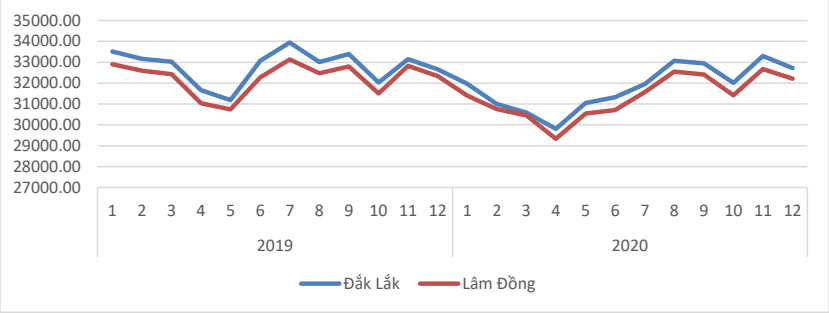

Nguồn: CTV VnSAT

Giá cà phê bình quân năm 2020 tại khu vực Tây Nguyên đạt 33.000đồng/kg, So với năm 2018, giá bình quân trong niên vụ vừa qua của cà phê vối nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên tăng nhẹ 1,2%, tương đương mức tăng 524 đồng/kg.

Giá cà phê thế giới sụt giảm liền trong 4 niên vụ gần đây kéo theo giá bán cà phê của các hộ dân trong nước. Giá cà phê luôn neo ở mức thấp, thời điểm cao nhất giá cà phê đạt khoảng trên 34.000 đồng/kg cà phê nhân. Còn lại phần lớn thời gian, giá cà phê chỉ dao động quanh mức từ 30.000 – 32.000 đồng/kg cà phê nhân. Điều này khiến một số hộ không cầm cự nổi, dần chuyển đổi sang các loại cây trồng khác. Nhiều hộ nông dân bỏ bê vườn cà phê hoặc cắt giảm phân bón, chăm sóc nhằm hạn chế chi phí khiến về lâu dài, chất lượng cà phê có thể giảm sút.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giá cà phê vẫn ở mức thấp trong năm qua do nguồn cung cà phê toàn cầu dư thừa, kết hợp với kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và căng thẳng thương mại lan rộng. Giá cà phê năm nay có thời điểm đã xuống thấp nhất trong nhiều năm qua, dưới 1.200 USD/tấn. Điều này dẫn tới, giá cà phê nhân xô tại các vùng nguyên liệu đã xuống dưới mức 30.000 đồng/kg.

Formatted: Highlight

Hình 2527: Biến động giá xuất khẩu cà phê FOB tại cảng HCM

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

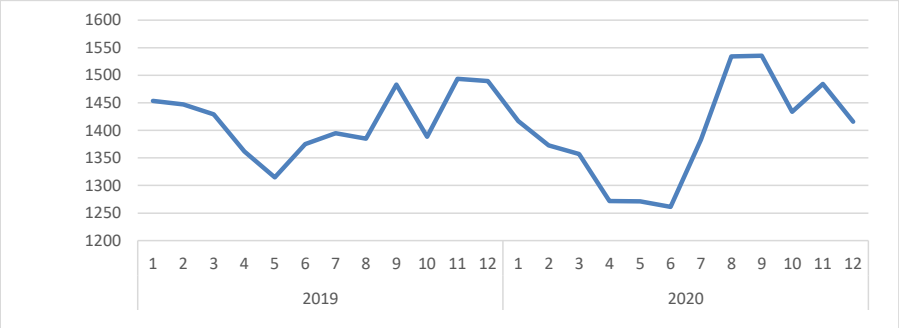

Nguồn: CSDL Agroinfo

Formatted: Highlight

Giá cà phê xuất khẩu cũng cùng xu hướng với giá cà phê trong nước khi cũng giảm mạnh trong quý I, II, xuống mức thấp nhất trong tháng 5 là 1.314,5 USD/ tấn. Giá FBO sau đó chuyển biến tích cực hơn, lên mức cao vào tháng 11 và đến cuối tháng 12, giá xuất khẩu đạt 1.489,2 USD/ tấn.

Dự đoán biến thể mới của virus SARS-Cov-2 tại châu Âu đang tạo tâm lý hoang mang về tiêu thụ cà phê giảm trong thời gian tới, trong khi đó các hãng tàu biển tăng cước, càng gây khó khăn cho hoạt động xuất khẩu. Nhiều hợp đồng đã mua chờ xuất khẩu chưa đặt được chỗ trên tàu, giá mới của mặt hàng cà phê trong điều kiện giá cước đắt đỏ chưa hình thành rõ ràng. Đó có thể là hai lý do khiến hàng cà phê "ế ẩm" dù là tạm thời. Trong khi đó, hàng cà phê vụ mới 2020-2021 đang ra mỗi ngày mỗi nhiều, lại gặp Việt Nam đang chuẩn bị đón tết âm lịch vào đầu tháng 02/2021, nên không tránh khỏi áp lực bán từ phía nông dân. Vào mùa năm nay, tình hình thị trường không như các năm trước. Giá cà phê trong nước nếu có bị ép chăng chính là người thu mua trung gian và giới đầu tư bằng số tiền nhàn rỗi trong thị trường nội địa.

2.4. Tổng quan chính sách cà phê

2.4.1. Các chính sách hỗ trợ hoạt động sản xuất cà phê:

Thời gian qua, Chính phủ đã ban hành rất nhiều chính sách liên quan đến ngành cà phê, trong đó có Quyết định số 1987/QĐ-BNN-TT năm 2012 phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành cà phê Việt Nam đến 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 3417/QĐ-BNN-TT 2014 phê duyệt Đề án phát triển ngành cà phê bền vững đến năm 2020.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Đáng chú ý là chính sách hỗ trợ tái canh cà phê từ gói hỗ trợ 12.000 tỷ của NHNN, chính sách hỗ trợ người dân sản xuất cà phê theo hướng bền vững.

Quyết định 226/QĐ-BNN-KH năm 2017 Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 09/01/2017. Theo đó, đối với hoạt động sản xuất cà phê: giảm dần diện tích trồng và tăng năng suất, ổn định diện tích 600 ngàn ha vào năm 2020; tái canh, ghép cải tạo khoảng 15 ngàn ha cây cà phê già cỗi trên cả nước.

Quyết định 787/QĐ-TTg năm 2017 phê duyệt bổ sung Danh mục sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 05/6/2017, trong đó ưu tiên đẩy mạnh phát triển sản phẩm cà phê Việt Nam chất lượng cao đưa vào danh mục sản phẩm chiến lược cấp quốc gia đến năm 2020.

Liên quan đến chính sách hỗ trợ tín dụng cho tái canh, trong năm 2016 Ngân hàng nhà nước cũng có Chỉ thị số 01, ngày 23/02/2016 về việc tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả năm 2016 trong đó tiếp tục theo dõi sát để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc của hoạt động tín dụng đối với ngành, nông nghiệp cụ thể: Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP; cho vay phục vụ tái canh cà phê tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên….

Quyết định 1519/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch và phân bổ kinh phí thực hiện tái canh, cải tạo giống cà phê gắn với phát triển cà phê bền vững tỉnh Lâm Đồng năm 2017. Tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi, tái canh, cải tạo giống đối với diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp gắn với phát triển cà phê bền vững trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; chú trọng việc lựa chọn bộ giống thích hợp theo từng vùng sản xuất giúp nâng cao năng suất, chất lượng cà phê thương phẩm, đảm bảo duy trì và tăng sản lượng cà phê của tỉnh trong quá trình thực hiện. Tổng kinh phí là 1.829,7 triệu đồng, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 75% kinh phí mua giống cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Quyết định 1244/QĐ-UBND phê duyệt Phương án thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư trực tiếp và trợ giá giống cây trồng tỉnh Lâm Đồng năm 2017. Giống cà phê ghép cao sản, cà phê chè Catimor và cà phê thực sinh trên diện tích 390 ha, kinh phí thực hiện là 1.068 triệu đồng.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Về chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch, tiếp tục thực hiện theo quyết định 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, nhưng đối với ngành cà phê đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT bổ sung danh mục các loại máy theo thống tư số 02/2016/TT-BNNPTNT, ngày 22 tháng 2 năm 2016, cụ thể các loại máy thu hoạch: lúa, ngô, mía, cà phê, sắn, khoai lang, đậu nành (đậu tương); mè (vừng) ; máy đốn, hái chè; máy tuốt đập lúa; máy bóc bẹ tẽ hạt ngô; máy tẽ ngô; máy đập đậu tương; máy bóc vỏ lạc; xát vỏ cà phê; máy, thiết bị sơ chế cà phê thóc ướt; máy khai thác, thu gom, vận xuất rừng trồng thuộc danh mục các loại được hô trợ.

Để giải quyết những vướng mắc trong tái canh cà phê đặc biệt là những vướng mắc về quy trình tái canh để được hưởng lãi suất ưu đãi. Bộ nông nghiệp và PTNT đã ban hành quy trình tái canh cà phê vối theo quyết định số 2085/QĐ-BNN-TT, ngày 31/5/2016 với quy định cụ thể hơn sẽ là căn cứ giúp các ngành chức năng ở các tỉnh tổ chức thực hiện tái canh hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, các địa phương cũng tích cực triển khai các chính sách về phát triển cà phê bền vững trên địa bàn tỉnh. Tại Đắk Lak, nghị quyết 24/2017/NQ-HĐND phát triển cà phê bền vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đặt mục tiêu xây dựng ngành cà phê phát triển theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, mang lại giá trị gia tăng cao, tiến tới phát triển sản xuất cà phê hữu cơ. Đến năm 2020 có khoảng 80% diện tích cà phê được áp dụng quy trình sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận. Định hướng đến năm 2030 có 90% diện tích cà phê áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất cà phê bền vững.

Quyết định 756/QĐ-UBND năm 2017 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 do tỉnh Lâm Đồng ban hành Tổ chức sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng toàn diện, bền vững, hiện đại. Trong đó, đối với cây cà phê tiếp tục thực hiện tái canh cà phê trên các diện tích già cỗi, sâu bệnh, năng suất thấp gắn với các mô hình canh tác bền vững như: trồng cây che bóng, sản xuất cà phê có chứng nhận (UTZ, 4C, Rainforest). Đến năm 2020, toàn tỉnh có 50% diện tích cà phê được trồng cây che bóng, 50-60% được cấp chứng chỉ bền vững (UTZ, 4C, Rainforest); 14.700 ha ứng dụng các công nghệ tưới tiết kiệm; ứng dụng cơ giới hóa trong khâu canh tác, vận chuyển, thu hoạch, bảo quản, sơ chế nhằm giảm tổn thất và nâng cao chất lượng cà phê nhân.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Bộ Nông nghiệp và Nông thôn đã ban hành một số văn bản hướng dẫn người dân trồng cà phê theo đúng kỹ thuật, nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế như: Quyết định 3702/QĐ-BNN-TT ngày 24/9/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành về quy trình trồng xen cây hồ tiêu, cây bơ, cây sầu riêng trong vườn cà phê vối. Quyết định 4428/QĐ-BNN-TT năm 2018 về Quy trình tái canh cà phê chè.

Các tỉnh có diện tích trồng cà phê cũng đồng loaitj ban hành các văn bản hướng dẫn về sản xuất tiêu thụ cà phê theo tiêu chuẩn bền vững như: Chỉ thị 20/CT-UBND năm 2018 về sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ cà phê niên vụ 2018-2019 do tỉnh Đắk Lắk ban hành; Quyết định 3540/QĐ-UBND năm 2017 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển cà phê bền vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; 5 Nghị quyết 24/2017/NQ-HĐND phát triển cà phê bền vững của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định 837/QĐ-UBND năm 2017 phê duyệt Đề án tái canh và phát triển bền vững cây cà phê trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, tính đến năm 2025; Quyết định 2261/QĐ-UBND năm 2015 công bố phê duyệt quy hoạch phát triển Cà phê trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết 112/2015/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ phát triển Cà phê bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2015 - 2020; Quyết định 2968/QĐ-UBND năm 2015 Ban hành Kế hoạch xây dựng và phát triển thương hiệu Cà phê Sơn La giai đoạn 2015 – 2020.

Field Code Changed
Field Code Changed
Field Code Changed
Field Code Changed
Field Code Changed

2.4..2. Các chính sách hỗ trợ hoạt động chế biến và thương mại cà phê:

Quyết định 1137/QĐ-TTg năm 2017 phê duyệt Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 03/8/2017. Trong đó ở lĩnh vực nông nghiệp có mặt hàng cà phê.

Trong năm 2017, Quyết định 923/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 28/6/2017 hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư về các lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư xây dựng cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn, chế biến cà phê.

Ngày 15/11/2017, Bộ NN-PTNT đã phê duyệt đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia "Cà phê Việt Nam chất lượng cao" với tổng kinh phí dự kiến khoảng 170 tỷ đồng, thời gian thực hiện đề án là giai đoạn 2018-2023, tầm nhìn đến năm 2030. Cụ thể, đề án này đặt

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

ra mục tiêu cụ thể nhằm phát triển liên kết sản xuất, tiêu thụ, xây dựng vùng nguyên liệu cà phê hàng hóa chất lượng cao quy mô lớn, có hệ thống sấy, kho bảo quản và nhà máy chế biến phù hợp với quy mô sản xuất. Nâng cao chuỗi thu nhập của người trồng cà phê trên đơn vị diện tích gieo trồng thông qua việc gia tăng giá trị sản phẩm cà phê: Đến năm 2020 tăng 5% và đến 2023 là 7% so với mức thu nhập bình quân niên vụ 2013-2014. Bên cạnh đó, hoàn thiện chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu sản xuất tiêu thụ cà phê, xây dựng được thương hiệu cà phê Việt Nam chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và xuất khẩu; nâng giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam đến 2020 tương đương với các nước trong khu vực và quốc tế trong cùng nhóm chất lượng. Dự kiến, tổng kinh phí thực hiện đề án khoảng 170 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước là 110 tỷ đồng, ngân sách từ các doanh nghiệp, nông dân, vốn vay tín dụng là 60 tỷ đồng.

Quyết định 421/QĐ-UBND năm 2017 Kế hoạch triển khai Đề án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đăk Lăk đến năm 2020. Dự án xây dựng bản đồ dinh dưỡng cho cà phê. Triển khai các dự án ưu tiên đầu tư (Theo Đề án đã được phê duyệt tại Quyết định 2724/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh đến năm 2020).

Ngày 31/12/2019 Chính phủ đã ban hành Quyết định 4055/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2019 về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với cà phê hỗn hợp hòa tan. Chính phủ ban hành Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong đó có quy định về liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung.

Quyết định 4653/QĐ-BNN-KHCN năm 2017 về phê duyệt Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia "Cà phê Việt Nam chất lượng cao" do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Theo đó, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn triển khai xây dựng mô hình "Hoàn thiện và mở rộng sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn gắn với cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến xây dựng thương hiệu". Theo đó, sẽ xây dựng được 6 mô hình sản xuất hàng hóa quy mô lớn đối với sản phẩm lúa gạo ở ĐBSCL và cà phê ở Tây Nguyên. Mục tiêu mô hình nhằm xây dựng các chuỗi giá trị cà phê bền vững, đảm bảo 100% sản phẩm được sản xuất theo quy trình sản xuất chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm và được doanh nghiệp liên kết cung ứng đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra; Đảm bảo tỷ lệ cơ giới hóa tối thiểu ở mỗi khâu của quy trình sản xuất là từ 80% trở lên và tất cả các khâu trong chuỗi giá trị; Lao động vận

Field Code Changed

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

hành sử dụng máy móc, thiết bị phải qua đào tạo, có bảo hộ lao động phù hợp theo quy định, 100% người dân sản xuất cà phê trong mô hình được tập huấn về kỹ thuật sản xuất tiên tiến, bền vững. Các tổ chức nông dân/hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia mô hình sẽ được hỗ trợ các loại máy móc thiết bị như máy làm đất, phun phân, thuốc, máy phân loại hạt cà phê (máy bắn màu), dây chuyền rang xay đóng gói cà phê, xe vận chuyển vật tư, sản phẩm cà phê. Hạ tầng đầu tư lò sấy, hệ thống chế biến cà phê (công nghệ chế biến ướt), nhà kính, kho chứa và bảo quản cho các hợp tác xã, cửa hàng giới thiệu sản phẩm. Dự kiến thời gian triển khai thực hiện thí điểm các mô hình từ năm 2020 đến 6/2022. Tổng kinh phí thực hiện là hơn 319 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn hộ trợ từ Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững - VnSAT là 292 tỷ đồng, còn lại vốn đối dứng của địa phương và các đơn vị tham gia. Sau khi kết thúc thời gian thí điểm, sẽ tổng kết và nhân rộng các mô hình.

Trước động thái các nước Châu Âu nhập cà phê và hàng nông sản Việt Nam cảnh báo và chuẩn bị cấm các sản phẩm nông sản có dư lượng hoạt chất Glyphosate (trong thuốc trừ cỏ) ở mức cao hơn giới hạn cho phép ảnh hưởng đến an toàn chính sách năm 2019 vệ sinh thực phẩm và sức khỏe con người. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 1186/QĐ-BNN-BVTV ngày 10/4/2019 về việc loại bỏ thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất Glyphosate (hoạt chất chính trong các thuốc diệt cỏ) ra khỏi Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam. Quyết định này góp phần nâng cao chất lượng cà phê Việt Nam để đáp ứng các yêu cầu nhập khẩu của các nước.

2.4.3. Một số chính sách của các thị trường xuất khẩu

Ngày 6/11/2019, Bộ Nông nghiệp Australia đã đề xuất kế hoạch cấm bán lẻ đối với các sản phẩm caffein nguyên chất và sản phẩm có hàm lượng caffein cô đặc cao. Mục đích đề xuất này nhằm khuyến cáo các nhà nhập khẩu về việc cơ quan Tiêu chuẩn về Thực phẩm của Australia và New Zealand (FSANZ) đã tham vấn cộng đồng về đề xuất khẩn cấp đối với việc cấm bán lẻ các sản phẩm caffein nguyên chất và sản phẩm có hàm lượng caffein cô đặc cao tại Australia và New Zealand. Nếu lệnh cấm được thực hiện sẽ ảnh hưởng tới việc nhập khẩu những sản phẩm thực phẩm này.

Ngày 21/8/2020, Bộ Tài chính Ấn Độ ban hành Thông báo số 81/2020-Customs (N.T.) và Thông tư số 38/2020-Customs quy định về việc xác minh xuất xứ hàng hóa theo các Hiệp định thương mại mà Ấn Độ là thành viên. Các quy định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 21/9. Theo đó, cơ quan hải quan Ấn Độ có thẩm quyền yêu cầu nhà nhập khẩu cung cấp thông tin về xuất xứ của lô hàng bao gồm: tờ khai hải quan nhập khẩu, các chứng

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

từ nhập khẩu, chi tiết các thông tin của Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), quy trình sản xuất hàng hóa... Trường hợp nhà nhập khẩu không cung cấp được các thông tin, chứng từ nói trên, cơ quan hải quan Ấn Độ sẽ không cho hưởng thuế ưu đãi và tiến hành xác minh xuất xứ bắt buộc đối với tất cả các lô hàng từ cùng một nhà xuất khẩu cho đến khi đáp ứng yêu cầu xác minh từ hải quan Ấn Độ.

Ủy ban Châu Âu vừa công bố hướng dẫn cập nhật về Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam - EU (EVFTA), trong đó tập trung hướng dẫn về qui tắc xuất xứ. Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 1/8/2020. Cho đến hết ngày 31/12/2022, GSP áp dụng cho Việt Nam song song với EVFTA, và do đó, doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng ưu đãi nào có lợi nhất cho doanh nghiệp.

Bộ Công thương cho biết EU cho phép áp dụng ưu đãi theo Hiệp định EVFTA đối với cả những lô hàng đã xuất khẩu tối đa 24 tháng trước thời điểm EVFTA có hiệu lực. Để hỗ trợ thương nhân xuất khẩu hàng hóa nhằm tận dụng ưu đãi của EVFTA, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý và hạn chế nguy cơ gian lận xuất xứ hàng hóa, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công thương đã ban hành Công văn số 1056/XNK-XXHH ngày 22/9/2020 gửi các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu EUR.1 hướng dẫn triển khai Điều 39 Thông tư 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định đối với các lô hàng đã xuất khẩu tối đa 24 tháng trước thời điểm EVFTA có hiệu lực. Các thương nhân thực hiện khai báo để được hưởng ưu đãi theo quy định.

2.5. Các giải pháp tổng thể để thúc đẩy phát triển sản xuất và xuất khẩu ngành Cà phê Việt Nam

- Liên kết đẩy mạnh sản xuất chế biến sâu và xúc tiến thương mại cho cà phê Việt Nam

Để đạt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu 6 tỷ USD vào năm 2030 mà Chính phủ đã đề ra, đồng thời nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm cà phê Việt, ngành Cà phê cần được quan tâm đồng bộ với các giải pháp cụ thể. Trong đó, cần đẩy mạnh công tác tái cơ cấu ngành một cách hiệu quả, xây dựng các vùng trồng tập trung, chuyên canh gắn với phát triển công nghiệp chế biến, áp dụng tiến bộ công nghệ cao; Thúc đẩy liên kết vùng nguyên liệu với các cơ sở, nhà máy chế biến sâu; Tăng cường liên kết và hợp tác trong sản xuất kinh doanh cà phê với mục đích ổn định xuất khẩu, giữ vững và mở rộng thị trường.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Các hiện định thương mại như EVFTA, CPTPP sẽ mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp sản xuất, chế biến và xuất khẩu cà phê, khi mà thuế xuất khẩu của nước ta có thể về gần 0%. Đây là lợi thế vô cùng lớn, giúp Việt Nam không chỉ là trung tâm trồng trọt mà còn có thể là trung tâm sản xuất cà phê của thế giới.

Để nâng cao vị thế và giá trị gia tăng cho cây cà phê, chúng ta cần hình thành và phát triển các liên kết theo chuỗi giá trị. Đó là gây dựng các liên kết giữa các doanh nghiệp, cơ sở, hộ sản xuất kinh doanh từ cung ứng đầu vào đến tiêu thụ sản phẩm đầu ra và chú trọng khâu bảo quản, chế biến, tìm hiểu thị trường, xúc tiến thương mại. Trong quá trình liên kết phải chú trọng đến phát triển nguồn nguyên liệu phục vụ cho chế biến, trong đó, xây dựng vùng nguyên liệu của doanh nghiệp theo hướng liên kết doanh nghiệp - nông dân, nông dân-nông dân và doanh nghiệp-doanh nghiệp. Nhờ đó nông dân có thể tăng cường năng suất, sản lượng, có thị trường ổn định trong khi doanh nghiệp xuất khẩu có vùng nguyên liệu, xây dựng thương hiệu, xác lập tiêu chuẩn đảm bảo, cần chế biến sâu. Các doanh nghiệp đa quốc gia có thể có vùng nguyên liệu ổn định và theo hướng phát triển bền vững để đi sâu hơn vào chuỗi giá trị cà phê toàn cầu. Ngành Cà phê cần mở rộng mô hình hợp tác công tư cà phê có tính nhân rộng cao; tăng cường đo lường và giám sát hiệu quả thực hiện; tăng cường kết nối giữa các tiểu ban VCCB và những dự án liên quan nhằm đẩy mạnh kết nối chuỗi giá trị

Bước đầu tiên cho giải pháp này là xây dựng được mô hình liên kết sản xuất cho các nông hộ, thành lập được các hợp tác xã chuyên canh về cây cà phê, vận động người trồng cà phê tham gia vào hợp tác xã đó và cam kết tạo ra giá trị tăng thêm cho cà phê của họ làm ra. Từ đó đưa các mô hình sản xuất bền vững cho cây cà phê như chứng chỉ 4C, VietGap, UTZ… mà các nước đã và đang được áp dụng.

Bước thứ hai, khi đã thành lập được các Hợp tác xã chuyên canh cây cà phê và các hộ nông dân tham gia vào thì từng bước áp dụng các quy chuẩn, áp dụng khoa học kỹ thuật, thành lập được tổ kỹ thuật có trách nhiệm tham gia tập huấn cũng như hướng dẫn nông dân theo quy trình. Việc nông dân sản xuất cà phê nhỏ lẻ và ít áp dụng kỹ thuật vào sản xuất gây thiệt hại về mặt năng suất cũng như tuổi đời của cây cà phê.

- Đẩy mạnh công tác tái cơ cấu ngành Cà phê một cách hiệu quả

Cần xây dựng các vùng trồng tập trung, chuyên canh gắn với phát triển công nghiệp chế biến; áp dụng tiến bộ công nghệ cao; thúc đẩy liên kết vùng nguyên liệu với các cơ sở,

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

nhà máy chế biến sâu để tạo nguồn hàng đảm bảo ổn định về chất lượng và số lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường; có giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người nông dân, doanh nghiệp thu hút đầu tư; ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đồng thời, cũng cần khuyến khích, tăng cường liên kết và hợp tác trong sản xuất kinh doanh cà phê với mục đích ổn định xuất khẩu, giữ vững và mở rộng thị trường.

Cần ổn định diện tích trồng cà phê trên mỗi nông hộ, để việc chăm sóc và thu hoạch được diễn ra một cách tốt nhất mang lại hiệu quả cao nhất cho các tác nhân tham gia vào chuỗi giá trị. Chỉ nên mở rộng diện tích khi nhu cầu thị trường tăng và thực hiện việc tái canh khi vườn cà phê già cỗi cho năng suất thấp.

- Tiếp tục hỗ trợ nông dân, duy trì và thúc đẩy cà phê có chứng nhận, đảm bảo bền vững lâu dài về mặt môi trường, kinh tế - xã hội, đồng thời nhân rộng mô hình sản xuất bền vững vào thực tiễn.

- Công tác xây dựng thương hiệu phải được chú trọng và quan tâm hơn nữa cùng với việc nâng cao chất lượng sản phẩm. cần khuyến khích các dự án sản xuất cà phê bền vững, các chương trình sản xuất cà phê bền vững theo các bộ quy tắc của VietGAP, Utz certify, 4C, Rainforest Alian… có truy nguyên nguồn gốc để bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn của thị trường quốc tế, từ đó góp phần tăng giá trị gia tăng cho sản xuất và chế biến cà phê Việt Nam

Hiện nay, công tác xây dựng, phát triển thương hiệu chưa được doanh nghiệp nhận thức đầy đủ và triển khai hiệu quả, là một nguyên nhân dẫn đến nông sản nói chung và cà phê nói riêng của Việt Nam chưa được người tiêu dùng trên thế giới biết đến, vị thế trong thương mại quốc tế của hàng hóa do vậy mà cũng thấp hơn so với các đối thủ cạnh tranh. Các doanh nghiệp cần khảo sát nhu cầu của thị trường về các lĩnh vực gồm: thị phần, thị hiếu, chất lượng, giá cả. Từ đó, xác định tỷ trọng chế biến các loại sản phẩm (bao nhiêu % sản phẩm sơ chế; % sản phẩm tinh chế) để định hướng phát triển, xây dựng chiến lược quảng bá, marketing, định vị thương hiệu phù hợp với năng lực của mình. Nhà nước cần hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu thông qua các chiến dịch truyền thông, quảng bá hình ảnh; các chương trình đào tạo, hướng dẫn, nâng cao năng lực thiết kế, định dạng sản phẩm; và cách thức tạo dựng cũng như quảng bá thương hiệu.

- Về công tác xúc tiến thương mại, các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê Việt Nam cần chú trọng tuyển dụng và đào tạo cán bộ có trình độ ngoại ngữ và chuyên môn; chủ

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

động tham gia các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Bộ Công Thương định hướng cũng như do các Bộ, ngành, Hiệp hội tổ chức. Không những vậy, cũng cần tham dự các hội chợ, triển lãm quốc tế ở cả trong và ngoài nước để giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm bạn hàng; xây dựng kênh nghiên cứu và dữ liệu riêng về thị trường xuất khẩu thông qua sự hỗ trợ của cơ quan đại diện thương mại của Việt Nam tại các nước để cập nhật thông tin, nhằm kịp thời điều chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tín hiệu của thị trường.

* Một số khuyến nghị:

- Đối với doanh nghiệp xuất khẩu: Các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu cần nhắc tính toán thận trọng trong kinh doanh. Hạn chế bán trừ lùi xa, tăng cường mua bán ngay, chốt giá trước khi giao hàng. Để cải thiện hiệu quả hoạt động, giảm lãng phí, gia tăng năng suất, chất lượng, cần thiết phải áp dụng các quy trình và công cụ quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, đa dạng hóa và nâng cấp chất lượng cho các sản phẩm cà phê chế biến để cải thiện năng lực cạnh tranh cũng như tạo thêm giá trị gia tăng.

- Đối với người dân: nâng cấp quy trình tập trung vào đẩy mạnh thực hành sản xuất cà phê bền vững, ứng dụng công nghệ cao và tổ chức sản xuất bao gồm: quản lý vật tư nông nghiệp đầu vào, tái canh cà phê sử dụng giống mới, nông lâm kết hợp, tưới nước tiết kiệm, bón phân cân đối, sử dụng phân hữu cơ, chế phẩm vi sinh, quản lý dịch hại tổng hợp/phòng trừ sâu bệnh tổng hợp, thực hành thu hoạch, chế biến, bảo quản cà phê nhân tốt.

III. TRIỂN VỌNG CÀ PHÊ NĂM 2021

3.1. Thế giới

Formatted: Heading 2, Space Before: 0 pt

Về sản xuất

Sản lượng cà phê thế giới cho năm 2020/21 được dự báo cao hơn 7,0 triệu bao (60 kg) so với năm trước lên 175,5 triệu.

Brazil được dự báo sẽ chiếm phần lớn lợi nhuận do vụ ~~Arabica~~Arabica của nước này bước vào năm cuối của chu kỳ sản xuất hai năm một lần và ~~Robusta~~Robusta đạt sản lượng kỷ lục. Xuất khẩu thế giới được dự báo sẽ cao hơn nhờ mức tăng mạnh ở Brazil, Honduras và Colombia. Các kho dự trữ cuối kỳ trên toàn cầu dự kiến sẽ tăng lên mức cao nhất trong 6 năm khi sản xuất vượt qua mức tiêu thụ.

Hình 2628: Dự báo sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2020-2021

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

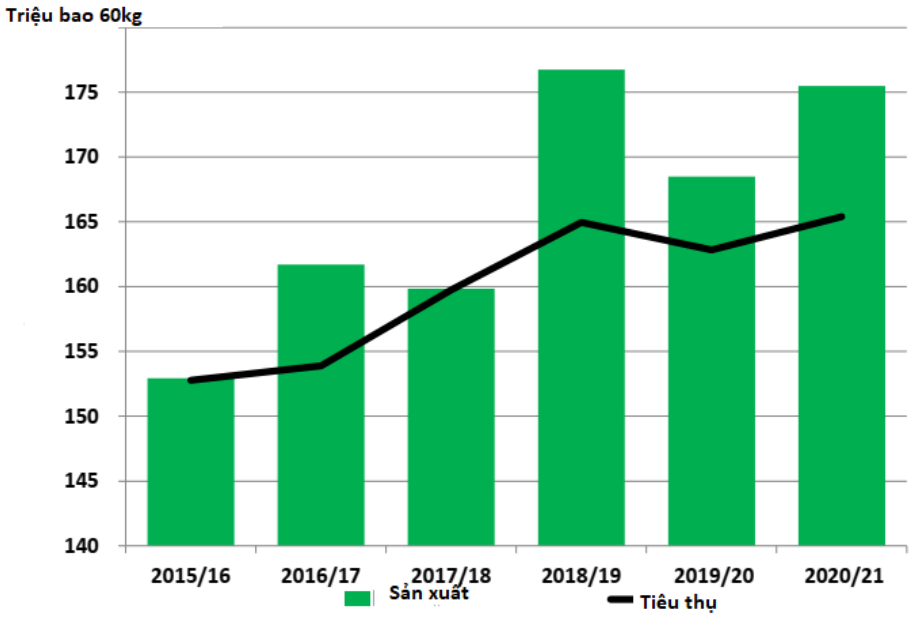

Nguồn: USDA

Theo dự báo của USDA sản lượng và xuất khẩu của các nước sản xuất cà phê lớn niên vụ 2020/2021 như sạu:

Brazil: Sản lượng cà phê ~~arabica~~Arabica của Brazil dự báo tăng 5,8 triệu bao so với vụ trước lên 47,8 triệu bao. Điều kiện thời tiết tốt phổ biến ở hầu hết các vùng cà phê, hỗ trợ quá trình đậu trái và phát triển và lấp đầy, do đó năng suất cao hơn. Ngoài ra, phần lớn các khu vực sản xuất đang trong năm thứ hai của chu kỳ sản xuất hai năm một lần. Sản lượng ~~Robusta~~Robusta được dự báo sẽ tăng 1,6 triệu bao lên mức kỷ lục 20,1 triệu. Lượng mưa dồi dào đã thúc đẩy sản lượng ở ba bang sản xuất chính là Espirito Santo, Rondonia và Bahia. Ngoài ra, việc mở rộng cây giống vô tính và cải tiến kỹ thuật quản lý cây trồng đã hỗ trợ lợi nhuận của năm nay. Các nhà kinh doanh cà phê báo cáo rằng cả kích thước và chất lượng tách cà phê ~~Arabica~~Arabica và ~~Robusta~~Robusta đều trên mức trung bình trong lịch sử do thời tiết ra hoa đồng đều và thời tiết khô trong vụ thu hoạch. Vụ thu hoạch ~~Arabica~~Arabica và ~~Robusta~~Robusta kết hợp dự báo tăng 7,4 triệu bao lên mức kỷ lục 67,9 triệu bao. Xuất khẩu cà phê dự kiến sẽ tăng 825.000 bao lên 37,0 triệu bao, trong khi tồn kho cuối kỳ được dự báo tăng gần gấp ba lên 5,3 triệu bao.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Hình 27: Sản lượng cà phê Brazil

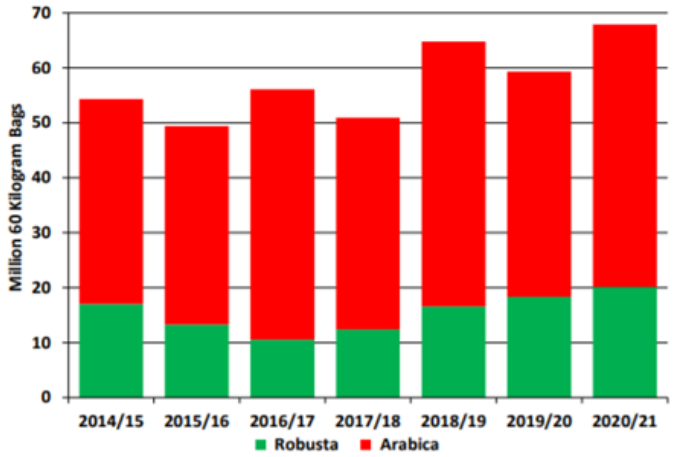

Nguồn: USDA

Colombia: Sản lượng cà phê ~~arabica~~Arabica của Colombia dự báo không đổi ở mức 14,1 triệu bao trong điều kiện phát triển thuận lợi và năng suất cao hơn. Xuất khẩu cà phê, chủ yếu sang Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu, được dự báo sẽ tăng 600.000 bao lên 12,4 triệu bao. Với mức tiêu thụ cũng tăng, dự trữ cuối kỳ dự kiến sẽ giảm nhẹ.

Indonesia: Sản lượng của Indonesia dự báo không đổi ở mức 10,7 triệu bao do sản lượng ~~Robusta~~Robusta thấp hơn được bù đắp bởi sản lượng ~~Arabica~~Arabica cao hơn. Những trận mưa kéo dài ở Nam Sumatra và Java, nơi trồng khoảng 75% vụ ~~Robusta~~Robusta, làm giảm sản lượng 50.000 bao xuống còn 9,4 triệu bao. Sản xuất ~~arabica~~Arabica, nằm ở Bắc Sumatra, có điều kiện phát triển thuận lợi và dự kiến sẽ thúc đẩy sản lượng 50.000 bao lên 1,3 triệu. Các kho dự trữ cuối kỳ được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì ở mức 2,4 triệu bao do giá gần đây đã tạo ra ít động lực để giảm lượng tồn kho. Xuất khẩu cà phê dự báo giảm 100.000 bao xuống 6,0 triệu bao.

Ấn Độ: Sản lượng của Ấn Độ được dự báo sẽ tăng 300.000 bao lên 5,3 triệu bao do thời tiết thuận lợi trong giai đoạn ra hoa và đậu trái dự kiến sẽ cải thiện sản lượng cà phê ~~arabica~~Arabica và ~~Robusta~~Robusta. Xuất khẩu đậu cũng như tồn kho được dự báo không đổi lần lượt ở mức 3,5 triệu bao và 900.000 bao.

Formatted: German (Germany)
Formatted: German (Germany)
Formatted: Font: (Asian) +Body (Calibri), 13 pt, Font color: Text 1, German (Germany), Check spelling and grammar, Border: : (No border)
Formatted: Caption,Caption Char1,Caption Char Char,Bảng,Bang, Line spacing: single, Font Alignment: Auto
Field Code Changed
Formatted: Right, Indent: Left: 2 cm
Formatted: Font: (Default) Times New Roman, (Asian) +Body (Calibri), 13 pt, Italic, Font color: Text 1, German (Germany)
Formatted: Font: (Default) Arial, (Asian) Times New Roman, 10.5 pt, Italic, Font color: Black, (Asian) Chinese (China), (Other) English (United States)
Formatted: Right, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 0 pt, Line spacing: At least 16.8 pt, Font Alignment: Baseline

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Tổng sản lượng của Trung Mỹ và Mexico dự báo tăng 900.000 bao lên 18,3 triệu bao. Bệnh gỉ sắt cà phê vẫn còn trong khu vực và tiếp tục ảnh hưởng đến sản lượng. Honduras dự kiến sẽ chiếm gần như tất cả tăng trưởng của khu vực, phục hồi 700.000 bao lên 6,1 triệu bao nhờ điều kiện tăng trưởng thuận lợi cùng với

Tổng sản lượng của Trung Mỹ và Mexico dự báo tăng 900.000 bao lên 18,3 triệu bao. Bệnh gỉ sắt cà phê vẫn còn trong khu vực và tiếp tục ảnh hưởng đến sản lượng. Honduras dự kiến sẽ chiếm gần như tất cả tăng trưởng của khu vực, phục hồi 700.000 bao lên 6,1 triệu bao nhờ điều kiện tăng trưởng thuận lợi cùng với tăng cường bón phân để tăng năng suất. Honduras chiếm khoảng một phần ba sản lượng của khu vực. Mexico và Guatemala mỗi nước chiếm khoảng 20% sản lượng của khu vực và họ tiếp tục thực hiện các chương trình thay thế cây bằng các giống kháng bệnh gỉ sắt.

Sản lượng của Nicaragua được dự báo sẽ giảm sản lượng năm thứ 3 liên tiếp sản lượng thấp do bệnh gỉ sắt ở cà phê. Do sản lượng cao hơn, xuất khẩu của Trung Mỹ và Mexico được dự báo sẽ cao hơn 900.000 bao lên 14,8 triệu bao. Hơn 45 phần trăm xuất khẩu của khu vực được dành cho Liên minh Châu Âu, tiếp theo là khoảng một phần ba cho Hoa Kỳ.

Về nhập khẩu

Theo dự báo của USDA, nhập khẩu của Liên minh Châu Âu được sẽ tăng 1,9 triệu bao lên 49,0 triệu và chiếm gần 45% lượng cà phê nhân nhập khẩu của thế giới. Các nhà cung cấp hàng đầu bao gồm Brazil (29%), Việt Nam (22%), Colombia (7%) và Honduras (6%). Dự trữ cuối kỳ dự kiến sẽ tăng 1,0 triệu bao lên 14,5 triệu.

Hoa Kỳ nhập khẩu lượng cà phê nhân lớn thứ hai và dự báo tăng 2,1 triệu bao lên 26,0 triệu bao. Các nhà cung cấp hàng đầu bao gồm Brazil (25%), Colombia (22%), Việt Nam (15%) và Honduras (6%). Dự trữ cuối kỳ được dự báo sẽ tăng 600.000 bao lên 7,0 triệu bao.

3.2. Việt Nam

Formatted: Heading 2

Tại báo cáo dự báo gần nhất phát hành vào tháng 11/2020, Post dự báo diện tích canh tác cà phê niên vụ 2020/2021 không thay đổi so với năm ngoái, với hơn 95% tổng sản lượng vẫn là ~~Robusta~~Robusta. Đầu mùa mưa bắt đầu khô ráo, sau đó là lượng mưa dưới mức trung bình ở nhiều vùng trồng trọt chính. Tháng 2 đến tháng 5 thường là những tháng khô hạn và cà phê cần được tưới trong thời gian này để đảm bảo cà phê ra hoa thích

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

hợp. Tuy nhiên, giá cà phê thấp là nguyên nhân không khuyến khích chi phí tưới tiêu, làm giảm năng suất của một số người trồng. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã chỉ đạo sẽ có các chính sách giảm diện tích cà phê khoảng 20.000 ha xuống còn 600.000 và khuyến khích nông dân chuyển sang cây trồng khác ở những nơi không có điều kiện thuận lợi cho việc trồng cà phê. Trong vài năm gần đây, một số nông dân đã bắt đầu trồng sầu riêng, xoài, bơ và chanh dây trong vườn cà phê của họ. Và với giá tiêu đen giảm trong 5 năm qua, nông dân không còn thay thế cây cà phê bằng cây tiêu.

Sản lượng cà phê niên vụ 20 / 21 ước đạt 29 triệu bao, giảm 7% so với năm trước, trong đó 28 triệu bao ~~Robusta~~Robusta và một triệu bao ~~Arabica~~Arabica, thấp hơn con số chính thức của USDA, do ảnh hưởng của thời tiết khắc nghiệt diễn ra trong suốt năm 2020. Sản lượng Arabica ở các tỉnh miền núi phía Bắc, đặc biệt là Sơn La, giảm nhiều hơn so với Lâm Đồng. Điều này là do thiếu công nghệ canh tác, liên kết thị trường và giá cả thấp đã không khuyến khích nông dân đầu tư vào các phương thức canh tác tiên tiến.

Các quan trắc khí tượng cho thấy lượng mưa dưới trung bình và nhiệt độ trên trung bình trong mùa khô đã gây ra hạn hán ở một số địa phương ở Tây Nguyên, vùng trồng cà phê chính của Việt Nam, ảnh hưởng đến năng suất. Ngoài ra, giá thấp không khuyến khích người trồng cà phê đầu tư đầy đủ vào các biện pháp tưới tiêu và chăn nuôi để đảm bảo cà phê ra hoa đúng cách.~~Sản lượng niên vụ 20/21 đạt 29 triệu bao, giảm 7% so với năm trước, trong đó, sản lượng arabica giảm đáng kể, giảm xuống còn một triệu bao, sản lượng arabica ở các tỉnh miền núi phía Bắc, đặc biệt là Sơn La, giảm nhiều hơn so với Lâm Đồng. Điều này là do thiếu công nghệ canh tác, liên kết thị trường và giá cả thấp đã không khuyến khích nông dân đầu tư vào các phương thức canh tác tiên tiến.~~

Các nguồn trong ngành ước tính rằng sản lượng niên vụ 20 / 21 giảm 5-10% so với năm trước do năng suất thấp hơn, tác động khác nhau giữa các tỉnh và theo tuổi cây .

Bảng 10: Sản lượng cà phê ~~Robusta~~Robusta theo niên vụ

	Niên vụ 18 / 19	Niên vụ19 / 20 Ước tính	Niên vụ 20 / 21 Dự báo
Diện tích canh tác (hecta)	607.000	620.000	620.000
Sản xuất (nghìn bao)	29.350	30.200	28.000
Năng suất trung bình (MT / ha)	2,90	2,92	2,71

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Nguồn: Ước tính của Post

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, hiện tượng La Nina được dự báo sẽ gây ra nhiều bão và lượng mưa cao hơn ở một số vùng ở Việt Nam trong 4 tháng cuối năm 2020, cũng như các trận mưa trái mùa trong những tháng đầu năm năm 2021. Khu vực Tây Nguyên, đặc biệt là các tỉnh phía bắc Tây Nguyên, tháng 10 có lượng mưa cao hơn trung bình từ 15-30%, kéo dài sang tháng 11. Hệ thống Đánh giá Thảm họa và Nông nghiệp Toàn cầu (GADAS) của USDA cũng ghi nhận lượng mưa cao ở các tỉnh Tây Nguyên trong tháng 10. Mưa kéo dài gây ra lo ngại về việc thu hoạch chậm từ 3 đến 4 tuần đối với vụ cà phê niên vụ 20-/-21 và các vấn đề về chất lượng sau thu hoạch, do hầu hết nông dân phơi khô cà phê của họ.

~~**Hình 1: Lượng mưa tích lũy hàng tháng ở các tỉnh trồng cà phê chính**~~

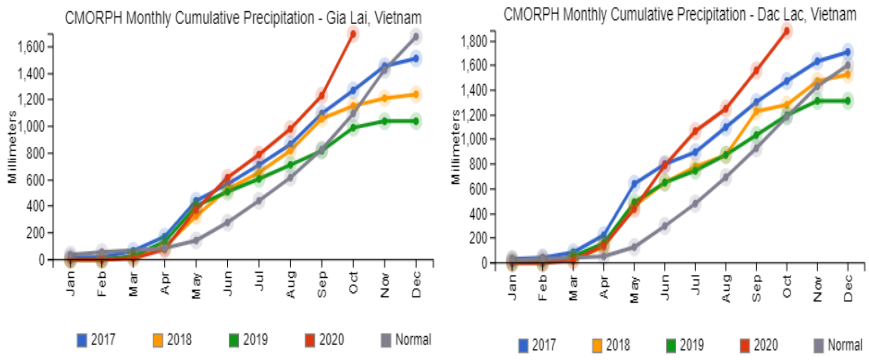

Formatted: Indent: Left: 0.39 cm

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

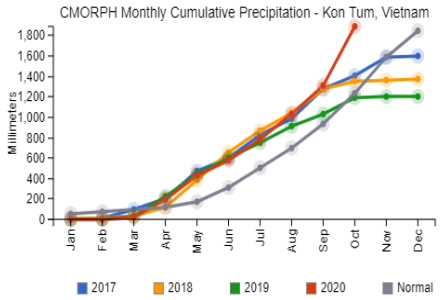

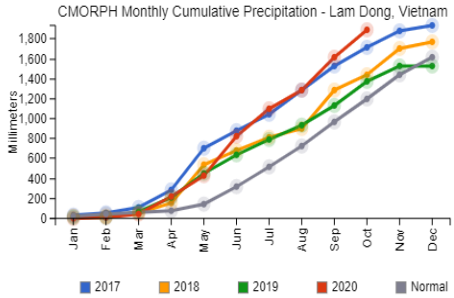

~~*Nguồn: USDA / GADAS*~~

Formatted: Justified, Indent: Left: 0 cm, First line: 1.27 cm

~~Sản lượng niên vụ 20/21 đạt 29 triệu bao, giảm 7% so với năm trước, trong đó, sản lượng arabica giảm đáng kể, giảm xuống còn một triệu bao, sản lượng arabica ở các tỉnh miền núi phía Bắc, đặc biệt là Sơn La, giảm nhiều hơn so với Lâm Đồng. Điều này là do thiếu công nghệ canh tác, liên kết thị trường và giá cả thấp đã không khuyến khích nông dân đầu tư vào các phương thức canh tác tiên tiến.~~

Xuất khẩu

Post điều chỉnh dự báo xuất khẩu cà phê niên vụ 20 /21 của Việt Nam giảm nhẹ xuống 26,65 triệu bao, cao hơn niên vụ 19 /20 nhưng thấp hơn con số chính thức của USDA. Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) đã xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với tất cả các loại sản phẩm cà phê của Việt Nam bắt đầu từ ngày 1 tháng 8 năm 2020, mà chính phủ và các công ty Việt Nam coi đây là cơ hội để thúc đẩy xuất khẩu cà phê sang châu Âu. Tuy nhiên, việc thu hoạch vụ niên vụ 20 / 21 bị trì hoãn có

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

thể kéo theo các lô hàng của vụ mới. Dự báo xuất khẩu cà phê nhân niên vụ 2020/2021 của Việt Nam đạt 23,80 triệu bao.

Tồn kho

Theo dự báo của Post tồn kho cà phê Việt Nam niên vụ 2019/2020 là 4.48 triệu bao, niên vụ 2021/2021 giảm xuống 4,13 triệu bao, thấp hơn con số chính thức của USDA, do sản lượng giảm.

Bảng 11: Sản lượng, cung và cầu cà phê của Việt Nam (PSD)

Đơn vị: nghìn bao 60k

STT	Cà phê nhân	Niên vụ 2018/2019		Niên vụ 2019/2020		Niên vụ 2020/2021	
		USDA	Post	USDA	Post	USDA	Post
I	**Tồn kho đầu kỳ**	763.00	763.00	1,983.00	1,983.00	4,083.00	4,483.00
II	**Sản xuất**	30,400.00	30,400.00	31,300.00	31,300.00	30,200.00	29,000.00
	~~Arabica~~Arabica	*1,064.00*	*1,064.00*	*1,100.00*	*1,100.00*	*1,025.00*	*1,000.00*
	~~Robusta~~Robusta	*29,336.00*	*29,336.00*	*30,200.00*	*30,200.00*	*29,175.00*	*28,000.00*
III	**Nhập khẩu**	**1,160.00**	**1,160.00**	**700.00**	**700.00**	**700.00**	**550.00**
	Cà phê nhân	500.00	500.00	300.00	300.00	300.00	250.00
	rang xay	500.00	500.00	300.00	300.00	300.00	200.00
	Hòa tan	160.00	160.00	100.00	100.00	100.00	100.00
IV	**Tổng cung**	**32,323.00**	**32,323.00**	**33,983.00**	**33,983.00**	**34,983.00**	**34,033.00**
V	**Xuất khẩu**	**27,400.00**	**27,400.00**	**26,800.00**	**26,400.00**	**26,850.00**	**26,650.00**
	Nhân	*24,700.00*	*24,700.00*	*24,000.00*	*23,600.00*	*24,000.00*	*23,800.00*
	Rang xay	*550.00*	*550.00*	*550.00*	*550.00*	*550.00*	*550.00*
	Hòa tan	*2,150.00*	*2,150.00*	*2,250.00*	*2,250.00*	*2,300.00*	*2,300.00*
VI	**Tiêu thụ nội địa**	**2,940.00**	**2,940.00**	**3,100.00**	**3,100.00**	**3,200.00**	**3,250.00**

Formatted: Font: 11 pt

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

	Rang xay	2,550.00	2,550.00	2,600.00	2,600.00	2,650.00	2,700.00
	Hòa tan	390.00	390.00	500.00	500.00	550.00	550.00
VII	**Tồn kho cuối kỳ**	**1,983.00**	**1,983.00**	**4,083.00**	**4,483.00**	**4,933.00**	**4,133.00**
VIII	**Tổng phân phối**	**32,323.00**	**32,323.00**	**33,983.00**	**33,983.00**	**34,983.00**	**34,033.00**
IX	**Sản xuất có thể xuất khẩu**	**27,460.00**	**27,460.00**	**28,200.00**	**28,200.00**	**27,000.00**	**25,750.00**

Nguồn: USDA, Post

IV. KẾT LUẬN

Thời gian qua, Nhà nước và các tổ chức đã rất nhiều hỗ trợ, đầu tư phát triển ngành ngành cà phê theo hướng bền vững như các chính sách hỗ trợ về tín dụng, tái canh cà phê… kết hợp với các dự án lớn như dự án VnSAT của chính phủ, dự án Nescafe Plan của tập đoàn Nestle tập huấn cho nông dân kỹ thuật sản xuất cà phê bền vững. Nhờ vậy, năng suất và chất lượng sản phẩm ngày càng tăng. Tuy nhiên, do sản xuất của nông dân còn nhỏ lẻ, việc tuân thủ các kỹ thuật sản xuất cà phê bền vững chưa cao, chưa đầu tư nhiều cho chế biến nên lợi nhuận chưa cao. Ngoài ra, biến động giá cả, những rủi ro về dịch bệnh trong năm qua cũng ảnh hưởng tới lợi nhuận của nông dân.

Đối với đại lý thu mua cà phê, tuy có tỷ trọng chi phí và lợi nhuận nhỏ nhất trong chuỗi giá trị xuất khẩu xuất khẩu nhưng đây là những tác nhân trung gian rất quan trọng giúp kết nối giữa nông dân đến doanh nghiệp lớn trong bối cảnh các tổ chức HTX, THT cà phê chưa phát triển. Do các đại lý thường giữ hàng để hưởng chênh lệch nên nếu giá thị trường biến động giảm thì sẽ ảnh hưởng tới lợi nhuận của họ.

Đối với các doanh nghiệp thu mua, chế biến, xuất khẩu cà phê đang có sự cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp nước ngoài như: Nestle, ACOM, OLAM...Các doanh nghiệp trong nước đang mất dần thị phần cả thị trường trong nước và thị phần xuất khẩu. Khó khăn của doanh nghiệp nội địa khi cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài do thiếu vốn đầu tư, quy mô sản xuất nhỏ, an toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm…Các công ty thu mua, chế biến, xuất khẩu thường chịu nhiều rủi ro liên quan đến biến động giá trên sàn kỳ hạn, các hợp đồng tương lai đã ký nhưng không mua được nguyên liệu, hoặc phải mua với giá cao.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

Biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng tới sản xuất cà phê ở Lâm Đồng tần xuất về các đợt nóng, mưa, bão bất thường tăng hơn trong năm qua. Nguy cơ thiếu nước trầm trọng do mực nước ngầm giảm sâu tại một số vùng trồng cà phê ~~Robusta~~Robusta đang ngày càng tăng. Thêm vào đó, chi phí đầu vào như nhân công, phân bón ngày càng tăng trong khi giá xuất khẩu giảm khiến người trồng cà phê ngày càng khó khăn.

Số liệu gần đây cho thấy, cà phê hòa tan chiếm 14% nhu cầu tiêu dùng cà phê trên thế giới và sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới. Do đó, Việt Nam đang có cơ hội sẽ trở thành quốc gia sản xuất cà phê hòa tan hàng đầu thế giới do sở hữu nguồn cà phê ~~Robusta~~Robusta dồi dào, là nguyên liệu chính để chế biến cà phê hòa tan. Để phát triển thị trường cà phê nội địa và xuất khẩu bền vững, chiến lược ngành cà phê xác định sang thời kỳ mới, không tăng diện tích mà tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng. Đồng thời, đẩy mạnh xuất khẩu theo hiệp định thương mại mới là mở rộng thị trường cà phê rang xay, hòa tan Việt Nam. Các doanh nghiệp phải đầu tư khâu chế biến, chất lượng, xây dựng thương hiệu, quảng bá và đẩy mạnh mở rộng thị trường, tập trung đẩy mạnh xuất khẩu cà phê rang xay hoà tan và những sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao. Ngoài ra, doanh nghiệp không nên chạy theo số lượng xuất khẩu lớn mà có thể tập trung đẩy mạnh xuất khẩu theo đơn hàng nhỏ nhưng thuộc đặc sản chất lượng cao, giá trị gia tăng cao.

Mục tiêu của ngành cà phê đến năm 2030, kim ngạch xuất khẩu tăng gấp đôi là 6 tỷ USD, trong đó, xuất khẩu cà phê rang xay, hoà tan tăng 30%. Nhằm thực hiện mục tiêu này, ngành cà phê cần đẩy mạnh công tác tái cơ cấu ngành hiệu quả, xây dựng các vùng trồng tập trung, chuyên canh gắn với phát triển công nghiệp chế biến, áp dụng tiến bộ công nghệ cao. Thúc đẩy liên kết vùng nguyên liệu với các cơ sở, nhà máy chế biến sâu. Tăng cường liên kết và hợp tác trong sản xuất kinh doanh cà phê với mục đích ổn định xuất khẩu, giữ vững và mở rộng thị trường.

Báo cáo được đăng tải miễn phí trên www.thitruongnongsan.gov.vn

PHỤ LỤC

Bảng 1: Sản xuất cà phê Cà phê nước trên thế giới (USDA)

ĐVT: Nghìn bao 60 kg

	2016/17	2017/18	2018/19	2019/20	tháng 6 2020/21	tháng 12 2020/21
ng ~~Arabica~~Arabica						
	45,600	39,500	49,700	42,000	47,800	47,800
bia	14,600	13,825	13,870	14,100	14,100	14,100
ia	6,943	7,055	7,350	7,450	7,500	7,500
ras	7,510	7,600	7,515	5,400	6,125	6,125
	4,225	4,375	4,480	4,550	4,450	4,450
nala	3,400	3,600	3,520	3,200	3,400	3,400
o	3,100	3,800	3,100	3,150	3,300	3,300
gua	2,600	2,700	2,800	2,600	2,185	2,500
	1,800	1,925	2,000	1,900	2,000	2,000
Rica	1,300	1,525	1,250	1,472	1,500	1,500
	1,583	1,583	1,583	1,450	1,560	1,500
sia	1,300	1,000	1,200	1,250	1,300	1,300
m	1,100	1,026	1,064	1,100	1,025	1,000
New Guinea	1,065	760	915	805	850	
a	1,200	750	800	750	800	
	4,200	4,020	4,227	4,129	3,905	
g ~~Arabica~~Arabica	**101,526**	**95,044**	**105,374**	**95,306**	**101,800**	**101,970**
g ~~Robusta~~Robusta						
m	25,600	28,274	29,336	30,200	29,175	28,000
	10,500	12,600	16,800	18,500	20,100	20,100
sia	9,300	9,400	9,400	9,450	9,000	9,400
a	4,000	3,600	4,000	3,500	4,000	4,000
	3,617	3,683	3,742	3,517	3,750	3,750
sia	2,100	2,100	2,100	1,900	2,000	2,000
Ivoire	1,090	1,250	2,000	1,725	1,800	1,800
ia	500	550	600	600	650	650
o	200	200	450	550	600	600
nd	800	700	650	700	600	600
	2,471	2,444	2,312	2,550	2,610	2,610
g ~~Robusta~~Robusta	**60,178**	**64,801**	**71,390**	**73,192**	**74,285**	**73,510**
	56,100	52,100	66,500	60,500	67,900	67,900
m	26,700	29,300	30,400	31,300	30,200	29,000
bia	14,600	13,825	13,870	14,100	14,100	14,100
sia	10,600	10,400	10,600	10,700	10,300	10,700
ia	6,943	7,055	7,350	7,450	7,500	7,500
ras	7,510	7,600	7,515	5,400	6,125	6,125

Formatted: Right: 2.75 cm, Header distance from edge: 1.25 cm

Formatted: Space Before: 0 pt, After: 0 pt

Formatted Table

Formatted: Left, Indent: First line: 1 ch, Tab stops: 2.88 cm, Left

Formatted: Font color: Auto

	5,200	5,266	5,325	4,967	5,310	5,250
a	5,200	4,350	4,800	4,250	4,800	4,800
	4,225	4,375	4,480	4,550	4,450	4,450
o	3,300	4,000	3,550	3,700	3,900	3,900
mala	3,570	3,780	3,770	3,450	3,650	3,650
gua	2,625	2,730	2,850	2,680	2,265	2,580
	1,800	1,925	2,000	1,900	2,000	2,000
sia	2,100	2,100	2,100	1,900	2,000	2,000
Ivoire	1,090	1,250	2,000	1,725	1,800	1,800
Rica	1,300	1,525	1,250	1,472	1,500	1,500
nia	1,050	1,150	1,300	1,250	1,350	1,350
New Guinea	1,115	810	965	855	900	900
	815	715	775	725	650	650
nd	800	700	650	700	600	600
oon	500	425	450	475	500	500
uela	530	575	585	550	480	480
vador	600	660	654	605	475	475
	410	450	375	425	450	450
pines	475	450	425	450	425	425
	2,546	2,329	2,225	2,419	2,455	2,395
~~rabica~~Arabica và Robusta	**161,704**	**159,845**	**176,764**	**168,498**	**176,085**	**175,480**

Bảng 2: USDA dự báo xuất khẩu cà phê các nước

Nghìn bao 60 kg

	2016/17	2017/18	2018/19	2019/20	tháng 6 2020/21	tháng 12 2020/21
Xuất khẩu cà phê nhân						
Brazil	29,325	26,938	37,379	36,175	37,000	37,000
Vietnam	25,000	25,250	24,700	23,600	24,000	23,800
Colombia	12,700	11,700	12,500	11,800	12,400	12,400
Indonesia	7,309	6,940	4,907	6,096	5,900	6,000
Honduras	7,175	7,225	6,910	4,900	5,575	5,575
Uganda	4,600	4,500	4,600	4,000	4,500	4,500
Peru	4,025	4,185	4,383	4,360	4,265	4,265
Ethiopia	3,853	3,893	4,174	4,100	4,150	4,150
India	4,273	4,127	3,936	3,483	3,300	3,500
Guatemala	3,325	3,460	3,600	3,200	3,400	3,400
Khác	12,216	12,931	13,507	12,713	12,697	12,937
Tổng	**113,801**	**111,149**	**120,596**	**114,427**	**117,187**	**117,527**
Xuất khẩu cà phê rang -xay						
Switzerland	1,150	1,225	1,350	1,560	1,400	1,600
European Union	1,395	1,450	1,340	1,725	1,500	1,500
Vietnam	550	550	550	550	550	550
Colombia	155	175	315	215	300	300
Mexico	155	180	222	180	230	200
Indonesia	65	70	43	56	50	65
Panama	30	30	40	40	10	30
China	180	30	25	25	25	25
Brazil	31	20	24	26	24	20
Costa Rica	10	5	5	10	10	10
Khác	16	15	10	10	12	12
Tổng	**3,737**	**3,750**	**3,924**	**4,397**	**4,111**	**4,312**
Xuất khẩu cà phê hòa tan						
Brazil	3,725	3,496	4,023	4,039	4,000	4,000
Malaysia	2,940	3,075	3,125	3,000	3,000	3,000
Vietnam	2,000	2,100	2,150	2,250	2,300	2,300
India	1,880	2,017	1,838	1,767	1,950	1,954
Mexico	970	1,000	943	1,000	1,050	1,050
Indonesia	800	1,000	1,200	1,000	1,000	1,020
Colombia	900	850	900	1,000	800	900
European Union	510	680	780	750	700	700
Thailand	850	650	530	525	500	500

Formatted: Indent: Left: -0.19 cm, Tab stops: 0.42 cm, Left

Formatted Table

Formatted: Indent: First line: 0 ch

China	605	490	445	300	425	425
Khác	829	907	783	755	733	733
Tổng	**16,009**	**16,265**	**16,717**	**16,386**	**16,458**	**16,582**
Brazil	33,081	30,454	41,426	40,240	41,024	41,020
Vietnam	27,550	27,900	27,400	26,400	26,850	26,650
Colombia	13,755	12,725	13,715	13,015	13,500	13,600
Indonesia	8,174	8,010	6,150	7,152	6,950	7,085
Honduras	7,175	7,225	6,910	4,900	5,575	5,575
India	6,158	6,148	5,778	5,254	5,256	5,460
Uganda	4,600	4,500	4,600	4,000	4,500	4,500
Peru	4,025	4,185	4,383	4,360	4,265	4,265
Ethiopia	3,853	3,893	4,174	4,100	4,150	4,150
Guatemala	3,330	3,465	3,604	3,205	3,404	3,404
Khác	21,846	22,659	23,097	22,584	22,282	22,712
Tổng XK cà phê các loại	**133,547**	**131,164**	**141,237**	**135,210**	**137,756**	**138,421**

Formatted: Indent: First line: 0 ch

Formatted: Left, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 0 pt, After: 10 pt, Line spacing: Multiple 1.15 li

Bảng 3: USDA ước tính nhập khẩu cà phê các nước

Formatted Table

	2016/17	2017/18	2018/19	2019/20	tháng 6 2020/21	tháng 12 2020/21
Nhập khẩu cà phê nhân						
European Union	46,050	47,430	49,075	47,150	49,500	49,000
United States	25,810	24,450	27,150	23,900	27,000	26,000
Japan	7,000	6,500	7,370	6,550	7,200	7,000
Russia	2,710	2,860	3,070	3,180	3,100	3,200
Switzerland	2,600	2,750	2,810	3,030	2,900	3,100
Canada	3,030	3,035	3,135	2,835	3,100	3,000
Korea, South	2,500	2,400	2,480	2,660	2,600	2,700
Algeria	2,165	2,270	2,300	2,000	2,200	2,200
Malaysia	1,510	1,575	1,875	1,735	1,800	1,800
Australia	1,415	1,540	1,610	1,415	1,600	1,600
Khác	12,500	14,288	15,296	14,219	14,507	14,492
Tổng	107,290	109,098	116,171	108,674	115,507	114,092
Nhập khẩu cà phê rang xay						
Canada	220	285	350	480	300	500
Russia	325	390	475	430	475	475
Ukraine	260	280	360	450	400	425
United States	160	115	370	360	350	350
Korea, South	225	245	290	320	300	325
China	945	385	250	260	250	250
Vietnam	340	400	500	300	300	200
Australia	190	160	165	200	165	175
Norway	125	140	135	120	130	130
Taiwan	105	120	110	100	110	110
Khác	452	470	480	527	495	485
Tổng	3,347	2,990	3,485	3,547	3,275	3,425
Nhập khẩu cà phê hòa tan						
Philippines	6,000	5,500	5,500	5,000	5,000	5,000
China	1,800	1,585	1,560	1,800	1,700	1,700
Canada	1,300	1,430	1,400	1,515	1,450	1,500
Russia	1,705	1,215	1,400	1,015	1,500	1,200
United States	500	210	500	790	400	800
Japan	925	1,140	860	630	850	700
Indonesia	391	828	983	766	800	650
Ukraine	440	425	365	400	400	400
Australia	125	200	265	345	300	325
Serbia	125	250	300	315	275	325
Khác	2,649	3,168	2,962	2,860	2,881	2,906
Tổng Nhập khẩu	**15,960**	**15,951**	**16,095**	**15,436**	**15,556**	**15,506**
European Union	46,050	47,430	49,075	47,150	49,500	49,000
United States	26,470	24,775	28,020	25,050	27,750	27,150
Japan	8,030	7,720	8,320	7,290	8,150	7,800

Philippines	6,420	6,100	6,100	5,670	5,600	5,700
Canada	4,550	4,750	4,885	4,830	4,850	5,000
Russia	4,740	4,465	4,945	4,625	5,075	4,875
Switzerland	2,600	2,750	2,810	3,030	2,900	3,100
Korea, South	2,725	2,645	2,770	2,980	2,900	3,025
China	3,552	2,785	2,660	2,960	2,850	2,850
Algeria	2,205	2,300	2,340	2,040	2,240	2,240
Khác	19,255	22,319	23,826	22,032	22,523	22,283
Toàn cầu	126,597	128,039	135,751	127,657	134,338	133,023

Bảng 4: USDA ước tính tiêu thụ nội địa và tồn kho cuối kỳ

ĐVT: nghìn bao 60 kg

	2016/17	2017/18	2018/19	2019/20	tháng 6 2020/21	tháng 2020/21
Tiêu thụ nội địa						
European Union	42,345	45,700	46,155	45,475	46,300	45,800
United States	25,512	25,557	27,140	26,030	27,285	26,587
Brazil	21,625	22,420	23,200	23,530	23,530	23,530
Japan	8,210	8,231	7,897	7,610	8,100	7,997
Philippines	6,995	6,550	6,125	6,120	6,025	6,125
Canada	4,550	4,750	4,885	4,830	4,850	5,000
Russia	4,740	4,465	4,945	4,625	5,075	4,875
Indonesia	3,203	3,560	4,300	4,900	4,300	4,450
Ethiopia	3,100	3,150	3,193	3,140	3,400	3,400
China	3,218	3,085	3,040	3,255	3,350	3,350
Vietnam	2,770	2,880	2,940	3,100	3,200	3,250
Korea, South	2,725	2,645	2,770	2,980	2,900	3,025
Mexico	2,057	2,295	2,580	2,650	2,700	2,730
Algeria	2,205	2,300	2,340	2,040	2,240	2,240
Australia	1,730	1,900	2,040	1,960	2,065	2,100
Colombia	1,450	1,650	1,950	1,800	1,900	1,900
Switzerland	1,450	1,525	1,460	1,470	1,500	1,500
Ukraine	960	1,105	1,145	1,270	1,275	1,275
Turkey	960	860	1,210	1,215	1,225	1,210
India	1,200	1,215	1,250	1,170	1,150	1,180
Argentina	754	775	735	824	850	850
Serbia	605	725	800	805	800	850
Norway	805	740	800	795	795	830
Venezuela	1,133	1,217	1,214	956	816	816
Egypt	630	800	825	775	825	800
Khác	8,960	9,650	10,017	9,516	9,828	9,728
Tổng	**153,892**	**159,750**	**164,956**	**162,841**	**166,284**	**165,398**
Tồn kho cuối kỳ						
European Union	13,900	13,500	14,300	13,500	14,500	14,500
United States	7,190	6,440	7,352	6,402	7,000	7,000
Brazil	3,828	3,115	5,056	1,853	4,786	5,270
Vietnam	1,183	763	1,983	4,483	4,933	4,133
Japan	3,305	2,794	3,217	2,897	3,000	2,700
Indonesia	12	593	2,419	2,298	2,568	2,423
Honduras	300	325	577	726	608	921
India	1,873	1,248	931	913	599	915
Philippines	400	400	800	800	800	800
Tanzania	220	290	310	280	550	550
Khác	3,044	2,757	1,602	2,499	2,134	2,123
Toàn cầu	**35,255**	**32,225**	**38,547**	**36,651**	**41,478**	**41,335**

Formatted Table

Bảng 5: Danh mục các văn bản ban hành về cà phê

TT	Số hiệu văn bản	Loại văn bản	Cơ quan ban hành	Ngày ban hành	Tên chính sách
1	3417/QĐ-BNN-TT	Quyết định	Bộ Nông nghiệp &PTNT	8/1/2014	Phát triển Ngành cà phê bền vững đến năm 2020
2	2085/QĐ-BNN-TT	Quyết định	Bộ Nông nghiệp &PTNT	5/31/2016	Quy trình tái canh cà phê vối
3	4428/QĐ-BNN-TT	Quyết định	Bộ Nông nghiệp &PTNT	9/11/2018	Quy trình tái canh cà phê chè
4		Tài liệu hướng dẫn	VnSAT, Trung tâm khuyến nông quốc gia	2018	Kỹ thuật sản xuất cà phê vối bền vững và tái canh cà phê vối
5	4689/QĐ-UBND	Quyết định	UBND tỉnh Đồng Nai	12/30/2016	Phê duyệt Quy hoạch hệ thống chế biến bảo quản cà phê gắn với sản xuất và xuất khẩu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
6	2968/QĐ-UBND	Quyết định	UBND tỉnh Sơn La	11/27/2015	Kế hoạch xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm Cà phê Sơn La giai đoạn 2015 - 2020
7	4653/QĐ-BNN-KHCN	Quyết định	Bộ Nông nghiệp &PTNT	11/15/2007	Phê duyệt Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia “ Cà phê Việt Nam chất lượng cao

Formatted Table

8	24/2017/NQ-HĐND	Quyết định	Hộng đồng nhân dân tỉnh Đăk Lăk	13/7/2017	Phát triển cà phê bền vững của tỉnh Đăk Lawk đến năm 2020, định hướng năm 2030
9	3702/QĐ-BNN-TT	Quyết định	Bộ Nông nghiệp &PTNT	24/9/2018	Quy trình trồng xen cây hồ tiêu, bơ, sầu riêng trong vườn cà phê vối
10	248/KH-UBND	Kế hoạch	UBND tỉnh Đắk Nông	5/23/2018	Triển khai mô hình cà phê doanh nhân
11	312/QĐ-BNN-KHCN	Quyết định	Bộ Nông nghiệp &PTNT	1/26/2018	Danh mục dự án Khoa học và Công nghệ và Danh mục nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN phát triển sản phẩm quốc gia " Cà phê Việt Nam chất lượng cao"
12	18/2010/QĐ-UBND	Quyết định	UBND tỉnh Đắk lắk	6/30/2010	Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột đối với sản phẩm cà phê nhân ~~Robusta~~Robusta
13	2212/QĐ-UBND	Quyết định	UBND tỉnh Lâm Đồng	11/4/2013	Cho phép thành lập Hội Người sản xuất cà phê bền vững tỉnh Lâm Đồng
14	26/2014/QĐ-UBND	Quyết định	UBND tỉnh Lâm Đồng	5/28/2014	Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Cà phê ~~Arabica~~Arabica Lang Biang
15	587/QĐ-BNN-TT	Quyết định	Bộ Nông nghiệp &PTNT	3/31/2014	Kế hoạch hoạt động của Ban Điều phối Ngành hàng Cà phê Việt Nam

16	824/QĐ-UBND	Quyết định	UBND tỉnh Lâm Đồng	4/28/2014	Điều lệ Hội Người sản xuất cà phê bền vững tỉnh Lâm Đồng đã được đại hội thành lập Hội thông qua ngày 14 tháng 02 năm 2014
17	25/2016/QĐ-UBND	Quyết định	UBND tỉnh Lâm Đồng	3/31/2016	Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “ Cà phê Cầu Đất Đà Lạt"
18	08/2017/TB-LPQT	Thông báo	Bộ Ngoại giao	3/6/2017	Điều ước quốc tế có hiệu lực
19	3337/TB-TCHQ	Thông báo	Tổng cục Hải quan	6/13/2018	Về kết quả xác định trước mã số đối với cà phê hòa tan
20	Công văn 7735/TCHQ-GSQL	Công văn	Tổng Cục hải quan	08/12/2020	về chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định EVFTA.
21	Thông tư 30/2020/TT-BCT	Thông tư		11/26/2020	hướng dẫn thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) về phòng vệ thương mại.
22	Công văn 7735/TCHQ-GSQL	Công văn	Tổng cục Hải quan	08/12/2020	về chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định EVFTA.
23	6464/TCHQ-GSQL	Công văn	Tổng cục Hải quan	10/5/2020	V/v thực hiện Hiệp định EVFTA
24	11/2020/TT-BCT	Thông tư	Bộ Tài chính	6/15/2020	Quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định EVFTA

25	787/QĐ-TTg	Quyết đinh		6/5/2017	phê duyệt bổ sung Danh mục sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020
26	3337/TB-TCHQ	Thông báo	Tổng cục Hải quan	6/13/2018	Về kết quả xác định trước mã số đối với cà phê hòa tan
27	Thông tư 30/2020/TT-BCT	Thông tư	Bộ Tài chính	11/26/2020	hướng dẫn thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) về phòng vệ thương mại.
28	38/2018/TT-BTC	Thông tư	Bộ Tài chính	4/20/2018	Quy định về xác định xuất xứ hoàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
29	Nghị định 111/2020/NĐ-CP	Nghị định	Chính phủ		Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) giai đoạn 2020-2022.
30	831/QĐ-UBND	Quyết định	UBND Kon Tum	26/8/2020	Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu cà phê xứ lạnh Kon Tum
II	**Quy định về tiêu chuẩn**				
1	2720/QĐ-BKHCN	Quyết định	Bộ Khoa học Công nghệ	2/11/2020	Công bố tiêu chuẩn quốc gia về cà phê
2	4055/QĐ-BKHCN	Quyết định	Bộ Khoa học Công nghệ	31/12/2020	Công bố tiêu chuẩn quốc gia về cà phê về cà phê hỗn hợp hòa tan

3	TCVN 12459:2018	Tiêu chuẩn Việt Nam	Trung tâm Khuyến nông Quốc gia	2018	Tiêu chuẩn về cà phê hòa tan nguyên chất
4	TCVN 10684-2:2018	Tiêu chuẩn Việt Nam	Bộ Khoa học Công nghệ	2018	Cây công nghiệp lâu năm- Tiêu chuẩn cây giống, h ạt giống cà phê
5	TCVN 12460:2018	Tiêu chuẩn Việt Nam	Bộ Khoa học Công nghệ	2018	Quy phạm thực hành vệ sinh trong chế biến cà phê
6	TCVN 12997:2020	Tiêu chuẩn Việt Nam	Bộ Khoa học Công nghệ	2020	Cà phê - Phân tích cảm quan - Thuật ngữ và định nghĩa
7	ISO 18794:2018	Tiêu chuẩn Việt Nam	Bộ Khoa học Công nghệ	2018	
8	TCVN 12998:2020	Tiêu chuẩn Việt Nam	Bộ Khoa học Công nghệ	2020	Cà phê và sản phẩm cà phê - Chuẩn bị nước chiết cà phê để phân tích
9	TCVN 12999:2020	Tiêu chuẩn Việt Nam	Bộ Khoa học Công nghệ	2020	Cà phê rang - Xác định chất chiết tan trong nước
10	TCVN 13000:2020	Tiêu chuẩn Việt Nam	Bộ Khoa học Công nghệ	2020	Cà phê rang - Xác định độ ẩm ở nhiệt độ từ 98°C đến 100°C dưới áp suất giảm
11	TCVN 13001:2020	Tiêu chuẩn Việt Nam	Bộ Khoa học Công nghệ	2020	Cà phê nhân - Xác định hàm lượng axit clorogenic - Phương pháp quang phổ
12	TCVN 13002:2020	Tiêu chuẩn Việt Nam	Tiêu chuẩn Việt Nam	2020	Cà phê và sản phẩm cà phê - Xác định furan bằng sắc ký khí không gian hơi và đo phổ khối lượng (HS GC-MS)

Bảng 6: Mức thuế suất MFN và FTA của các mặt hàng cà phê~~, ca cao~~ của Việt Nam

			AANZ			VNEAEU			AC		AK				AI			AJ			AHK		
Mã hàng	**Mô tả hàng hóa**	**MFN**	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**	**20-22**	**RE**	**20**	**21-22**	**RE**	**GIC**	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**
09.01	**Cà phê, rang hoặc chưa rang, đã hoặc chưa khử chất caffeine; vỏ quả và vỏ lụa cà phê; các chất thay thế cà phê có chứa cà phê theo tỷ lệ nào đó.**																						
	- Cà phê, chưa rang:																						
0901.11	- - Chưa khử chất caffeine:																						
0901.11.10	- - - ~~Arabica~~Arabica WIB hoặc ~~Robusta~~Robusta OIB	15	0	0	0	0	0	0	0	MM, TH, CN	0	0	LA, MY, PH, TH		0	0	0	4	3	1	*	*	*
0901.11.90	- - - Loại khác	15	0	0	0	0	0	0	0	MM, TH, CN	0	0	LA, MY, PH, TH		0	0	0	4	3	1	*	*	*
0901.12	- - Đã khử chất caffeine:																						
0901.12.10	- - - ~~Arabica~~Arabica WIB hoặc ~~Robusta~~Robusta OIB	20	0	0	0	0	0	0	0	MM, TH, CN	0	0	LA, MY, PH, TH		0	0	0	4	3	1	*	*	*
0901.12.90	- - - Loại khác	20	0	0	0	0	0	0	0	MM, TH, CN	0	0	LA, MY, PH, TH		0	0	0	4	3	1	*	*	*
	- Cà phê, đã rang:																						
0901.21	- - Chưa khử chất caffeine:																						
0901.21.10	- - - Chưa xay	30	0	0	0	0	0	0	0	TH, CN	0	0	LA, PH, TH		10	9	0	8	5	3	*	*	*
0901.21.20	- - - Đã xay	30	0	0	0	0	0	0	0	TH, CN	0	0	LA, PH, TH		10	9	0	8	5	3	*	*	*
0901.22	- - Đã khử chất caffeine:																						

			AANZ			VNEAEU			AC		AK				AI			AJ			AHK		
Mã hàng	**Mô tả hàng hóa**	**MFN**	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**	**20-22**	**RE**	**20**	**21-22**	**RE**	**GIC**	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**
0901.22.10	- - - Chưa xay	30	0	0	0	0	0	0	0	TH	0	0	LA, PH, TH		10	9	0	8	5	3	24	18	18
0901.22.20	- - - Đã xay	30	0	0	0	0	0	0	0	TH	0	0	LA, PH, TH		10	9	0	8	5	3	24	18	18
0901.90	- Loại khác:																						
0901.90.10	- - Vỏ quả và vỏ lụa cà phê	30	0	0	0	0	0	0	0	TH	0	0	LA, PH, TH		10	9	0	8	5	3	24	18	18
0901.90.20	- - Các chất thay thế có chứa cà phê	30	0	0	0	0	0	0	0	TH	0	0	LA, PH, TH		10	9	0	8	5	3	24	18	18
21.01	**Chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc, từ cà phê, chè hoặc chè Paragoay, và các chế phẩm có thành phần cơ bản là các sản phẩm này hoặc có thành phần cơ bản là cà phê, chè, chè Paragoay; rau diếp xoăn rang và các chất thay thế cà phê rang khác, và các chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của chúng.**																						
	- Chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc, từ cà phê, và các chế phẩm có thành phần cơ bản là các chất chiết xuất, tinh chất hoặc các chất cô đặc này hoặc có thành phần cơ bản là cà phê:																						

			AANZ			VNEAEU			AC		AK				AI			AJ			AHK		
Mã hàng	**Mô tả hàng hóa**	**MFN**	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**	**20-22**	**RE**	**20**	**21-22**	**RE**	**GIC**	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**
2101.11	- - Chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc:																						
2101.11.10	- - - Cà phê tan	30	0	0	0	18,2	14,5	10,9	0	TH	0	0	PH, TH		12,5	10	5	9	6	3	*	*	*
2101.11.90	- - - Loại khác	30	0	0	0	18,2	14,5	10,9	0	TH	0	0	TH		12,5	10	5	9	6	3	*	*	*
2101.12	- - Các chế phẩm có thành phần cơ bản là các chất chiết xuất, tinh chất hoặc các chất cô đặc hoặc có thành phần cơ bản là cà phê:																						
2101.12.10	- - - Hỗn hợp dạng bột nhão có thành phần cơ bản là cà phê rang xay, có chứa chất béo thực vật	30	0	0	0	18,2	14,5	10,9	0	TH	0	0	PH, TH		0	0	0	9	6	3	32	24	24
	- - - Loại khác:																						
2101.12.91	- - - - Các chế phẩm cà phê có thành phần cơ bản là các chiết xuất, tinh chất hoặc chất cô đặc có chứa đường, có chứa hoặc không chứa kem	30	0	0	0	18,2	14,5	10,9	0	TH	0	0	PH, TH		0	0	0	9	6	3	32	24	24
2101.12.92	- - - - Các chế phẩm cà phê có thành phần cơ bản là cà phê rang xay có chứa đường, có chứa hoặc không chứa kem	30	0	0	0	18,2	14,5	10,9	0	TH	0	0	PH, TH		0	0	0	9	6	3	32	24	24
2101.12.99	- - - - Loại khác	30	0	0	0	18,2	14,5	10,9	0	TH	0	0	PH, TH		0	0	0	9	6	3	32	24	24

Bảng 6: Mức thuế suất MFN và FTA của các mặt hàng cà phê~~, ca cao~~ của Việt Nam (tiếp)

		ATIGA			VC			VJ			VK				CPTPP				EVFTA		
Mã hàng	**Mô tả hàng hóa**	20	21	22	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**	**GIC**	**20**	**21**	**22**	**Ghi chú**	**20**	**21**	**22**
09.01	**Cà phê, rang hoặc chưa rang, đã hoặc chưa khử chất caffeine; vỏ quả và vỏ lụa cà phê; các chất thay thế cà phê có chứa cà phê theo tỷ lệ nào đó.**																				
	- Cà phê, chưa rang:																				
0901.11	- - Chưa khử chất caffeine:																				
0901.11.10	- - - ~~Arabica~~Arabica WIB hoặc ~~Robusta~~Robusta OIB	0	0	0	6	4	3	5	4	2,5	0	0	0		3,7	0	0		12,5	10	7,5
0901.11.90	- - - Loại khác	0	0	0	6	4	3	5	4	2,5	0	0	0		3,7	0	0		12,5	10	7,5
0901.12	- - Đã khử chất caffeine:																				
0901.12.10	- - - ~~Arabica~~Arabica WIB hoặc ~~Robusta~~Robusta OIB	0	0	0	7	5	4	5	4	2,5	0	0	0		5	0	0		16,6	13,3	10
0901.12.90	- - - Loại khác	0	0	0	7	5	4	5	4	2,5	0	0	0		5	0	0		16,6	13,3	10
	- Cà phê, đã rang:																				
0901.21	- - Chưa khử chất caffeine:																				
0901.21.10	- - - Chưa xay	0	0	0	13	10	6	10	7,5	5	0	0	0		7,5	0	0		25	20	15
0901.21.20	- - - Đã xay	0	0	0	13	10	6	10	7,5	5	0	0	0		7,5	0	0		25	20	15

		ATIGA			VC			VJ			VK				CPTPP				EVFTA		
Mã hàng	**Mô tả hàng hóa**	20	21	22	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**	**GIC**	**20**	**21**	**22**	**Ghi chú**	**20**	**21**	**22**
0901.22	- - Đã khử chất caffeine:																				
0901.22.10	- - - Chưa xay	0	0	0	13	10	6	10	7,5	5	0	0	0		7,5	0	0		25	20	15
0901.22.20	- - - Đã xay	0	0	0	13	10	6	10	7,5	5	0	0	0		7,5	0	0		25	20	15
0901.90	- Loại khác:																				
0901.90.10	- - Vỏ quả và vỏ lụa cà phê	0	0	0	13	10	6	10	7,5	5	0	0	0		7,5	0	0		25	20	15
0901.90.20	- - Các chất thay thế có chứa cà phê	0	0	0	13	10	6	10	7,5	5	0	0	0		7,5	0	0		25	20	15
21.01	**Chất chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc, từ cà phê, chè hoặc chè Paragoay, và các chế phẩm có thành phần cơ bản là các sản phẩm này hoặc có thành phần cơ bản là cà phê, chè, chè Paragoay; rau diếp xoăn rang và các chất thay thế cà phê rang khác, và các chiết xuất, tinh chất và chất cô đặc của chúng.**																				
	- Chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc, từ cà phê, và các chế phẩm có thành phần cơ bản là các chất chiết xuất, tinh chất hoặc các chất cô đặc này hoặc có thành phần cơ bản là cà phê:																				

		ATIGA			VC			VJ			VK				CPTPP				EVFTA		
Mã hàng	**Mô tả hàng hóa**	20	21	22	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**	**20**	**21**	**22**	**GIC**	**20**	**21**	**22**	**Ghi chú**	**20**	**21**	**22**
2101.11	- - Chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc:																				
2101.11.10	- - - Cà phê tan	0	0	0	24	22	19	12,5	9	6	0	0	0		20	13,3	6,6		36,3	32,7	29
2101.11.90	- - - Loại khác	0	0	0	24	22	19	12,5	9	6	0	0	0		20	13,3	6,6		36,3	32,7	29
2101.12	- - Các chế phẩm có thành phần cơ bản là các chất chiết xuất, tinh chất hoặc các chất cô đặc hoặc có thành phần cơ bản là cà phê:																				
2101.12.10	- - - Hỗn hợp dạng bột nhão có thành phần cơ bản là cà phê rang xay, có chứa chất béo thực vật	0	0	0	16	12	8	12,5	9	6	0	0	0		20	13,3	6,6		36,3	32,7	29
	- - - Loại khác:																				
2101.12.91	- - - - Các chế phẩm cà phê có thành phần cơ bản là các chiết xuất, tinh chất hoặc chất cô đặc có chứa đường, có chứa hoặc không chứa kem	0	0	0	16	12	8	12,5	9	6	0	0	0		20	13,3	6,6		36,3	32,7	29
2101.12.92	- - - - Các chế phẩm cà phê có thành phần cơ bản là cà phê rang xay có chứa đường, có chứa hoặc không chứa kem	0	0	0	16	12	8	12,5	9	6	0	0	0		20	13,3	6,6		36,3	32,7	29
2101.12.99	- - - - Loại khác	0	0	0	16	12	8	12,5	9	6	0	0	0		20	13,3	6,6		36,3	32,7	29

Bảng 7: Thuế xuất khẩu cà phê sang một số đối tác TPTPP

HS	Úc		Brunei		Canada		Chile		Japan		Malaysia		Mexico		NZ		Peru		Singapor			
	BR	Cate	BR	Cate	BR	Cate	BR	Cate	BR	Cate	BR	Cate	BR	Cate	BR	Cate	BR	Cate	BR	Cate	BR	Cate
090111	0	EIF			0	EIF	6	EIF	0	EIF	0	EIF			0	EIF						
09011110			11c/kg	BD7-D									20 (~~Robusta~~Robusta)	MX 16			17 (for sowing)	EIF	0	EIF		
09011190			11c/kg	BD7-D									20	MX R1			17	EIF	0	EIF	15	B4
090112	0	EIF			0	EIF	6	EIF	0	EIF	0	EIF	20	MX R1	0	EIF	17	EIF				B4
09011210			11c/kg	BD7-D															0	EIF	20	B4
09011290			11c/kg	BD7-D															0	EIF	20	B4
090121	0	EIF			0	EIF			12	EIF	0	EIF	72	MX R1	5	EIF						B4
09012110			22c/kg	BD7-E			6	EIF									17	EIF	0	EIF	30	B4
09012190			22c/kg	BD7-E			6	EIF									9	EIF	0	EIF	30	B4
090122	0	EIF			0	EIF	6	EIF	12	EIF	0	EIF	72	MX R1	5	EIF	9	EIF				B4
09012210			22c/kg	BD7-E															0	EIF	30	B4
09012220			22c/kg	BD7-E															0	EIF	30	B4
21011110	0	EIF	5	EIF	0	EIF	6	EIF	24 (Add sugar)	JPR22	5	EIF	140	MX R3	5	EIF	0	EIF	0	EIF	30	B6

Formatted Table

Formatted Table

									8 (Other-instant)	EIF												

Formatted Table

BD7-D	Thuế hải quan đánh trên hàng hóa có xuất ở nằm trong Danh mục BD7-D sẽ được giữ ở mức thuế cơ sở đến ngày 31 tháng 12 của năm thứ 5 và giảm xuống 5¢ mỗi ki-lo-gram từ ngày 01 tháng 01 năm thứ 6. Thuế hải quan đánh trên những hàng hóa này sẽ được xóa bỏ hoàn toàn và hàng hóa này sẽ được miễn thuế từ ngày 01 tháng 01 năm thứ 7.
BD7-E	Thuế hải quan đánh trên hàng hóa có xuất ở nằm trong Danh mục BD7-E sẽ được giữ ở mức thuế cơ sở đến ngày 31 tháng 12 của năm thứ 5 và giảm xuống 10¢ mỗi ki-lo-gram từ ngày 01 tháng 01 năm thứ 6. Thuế hải quan đánh trên những hàng hóa này sẽ được xóa bỏ hoàn toàn và hàng hóa này sẽ được miễn thuế từ ngày 01 tháng 01 năm thứ 7.
MX R1	Thuế hải quan đánh trên hàng hóa có xuất xứ nằm trong Danh mục MXR1 sẽ giảm 50% từ thuế cơ sở trong 10 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Me-xi-cô, và Thuế hải quan đánh trên hàng hóa đó sẽ là 10% kể từ ngày 01 tháng 01 năm thứ 10 và các năm tiếp theo
MX R3	Thuế hải quan đánh trên hàng hóa có xuất xứ nằm trong Danh mục MXR3 sẽ giảm 70% từ thuế cơ sở trong 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Mexi-cô, và Thuế hải quan đánh trên hàng hóa đó sẽ là 42% kể từ ngày 01 tháng 01 năm thứ 7 và các năm tiếp theo.
JPR22	thuế hải quan đối với hàng hóa có xuất xứ nằm trong danh mục R22 sẽ được cắt giảm như sau: (i) thuế hải quan sẽ giảm 55% so với thuế suất cơ bản theo lộ trình cắt giảm đồng đều 9 bước kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực đối với Nhật Bản; và (ii) thuế hải quan sẽ được duy trì ở mức quy định tại đoạn (i) kể từ năm thứ 9;

Formatted Table

Formatted: Font: (Default) Cambria, (Asian) Times New Roman, 10 pt, Font color: Black, (Asian) Chinese (China), Check spelling and grammar

Formatted: Space Before: 0 pt, After: 0 pt, Line spacing: single

Báo cáo được thực hiện bởi AGROINFO

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn